

HOA NGHIÊM KINH THẨM HUYỀN KÝ

QUYỂN 2

Phẩm 1: THẾ GIAN TỊNH NHÃN

Mười- Tùy văn giải thích. Nay ba vạn sáu ngàn kệ trong kinh này có bảy Xứ-tám Hội, đó là ba Xứ trong loài người, bốn Xứ trên cõi trời là bảy, trùng hội Phổ Quang là tám Hội. Trong đó có ba mươi bốn phẩm, một phẩm thứ nhất là phần Tựa, phẩm Lô-xá-na trở xuống là trình bày về Chánh tông, Lưu thông có-không dùng bốn nghĩa để giải thích: Một, từ “Chúng sinh tâm vi trần...” trở xuống có hai tụng làm Lưu thông, bởi vì kết thúc khen ngợi khuyến khích tin tưởng; hai, bởi vì kinh truyền đến không hết, thiếu không có phần Lưu thông; ba, bởi vì kinh này là nói về pháp môn Xưng pháp giới, cho nên toàn bộ không có phần Lưu thông.

Hỏi: Nếu như vậy thì sao nhất định phải có phần Tựa?

Đáp: Bởi vì có thấy-nghe bao gồm hưởng đến tiến vào, cho nên có bắt đầu là phần Tựa. Bởi vì đã tiến vào không có cuối cùng cho nên không có kết thúc Lưu thông. Như tu sinh quả Phật có bắt đầu mà không có cuối cùng, nếu không như vậy thì vì sao tám Hội, cuối mỗi một Hội đều không có Lưu thông? Kinh Đại Bát-nhã trong mười sáu Hội, sau mỗi một Hội ấy đều có riêng phần Lưu thông; trong kinh Đại Tập, cuối các Hội cũng đều có phần Lưu thông; kinh này thì không như vậy, cho nên biết ý riêng có nơi biểu thị.

Bốn, dùng những pháp khác của Tam thừa, lợi ích cho chúng sinh tùy theo cơ sai biệt, làm tướng lợi ích Lưu thông.

Lại Pháp sư Đại Viên phân kinh này làm bốn phần: Một, phẩm đầu gọi là phần duyên khởi tịnh cơ; hai, phẩm Lô-xá-na gọi là phần nêu ra tông chỉ thúc đẩy ý chí; ba, phẩm Danh Hiệu trở xuống đến Hội thứ tám gọi là phần hiển bày đạo thúc đẩy tu tập; bốn, cuối cùng Phổ Hiền đã nói kệ gọi là phần dặn dò Lưu thông.

Nay lại tìm văn sau tổng quát phân ra làm năm: Một, phẩm đầu là phần nhân duyên phát khởi của giáo; hai, một vòng hỏi đáp trong phẩm

Lô-xá-na gọi là phần nêu ra quả khuyến khích vui mừng sinh khởi niềm tin; ba, một vòng hỏi đáp từ Hội thứ hai đến Hội thứ sáu gọi là phần tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết; bốn, một vòng hỏi đáp trong Hội thứ bảy gọi là phần dựa vào pháp tiến tu thành tựu về hạnh; năm, một vòng hỏi đáp trong Hội thứ tám gọi là phần dựa vào người tiến vào chứng thành tựu về đức. Lưu thông có-không đã phân rõ như trên, năm phần này đều dựa vào văn trước phát khởi văn sau, thứ tự nghĩa lý sinh khởi lẫn nhau đầy đủ, cho nên không tăng giảm.

Ngay trong phần Tựa thứ nhất, phân làm hai: Một, trình bày về phần Tựa trong cõi này; hai, trình bày về phần Tựa trong mười phương thế giới vô tận. Trong phần một có ba: Một là đầu tiên có bốn chữ chỉ là Chứng tín; hai từ “Nhất thời...” trở xuống là gồm chung hai Tựa; ba từ “Động địa...” trở xuống chỉ là Phát khởi. Nếu nói bao gồm sau thì nhất định có bốn câu: Hoặc chỉ riêng Chứng tín là đầu, hoặc chỉ riêng Phát khởi là sau, hoặc cùng là phần giữa, hoặc đều không phải là Chánh tông sau này.

Lại bốn chữ đầu tiên, nghĩa nối thông mà văn hạn chế, bởi vì văn ở đầu tiên mà nghĩa nối thông cả tám Hội. Từ “Nhất thời...” trở xuống, văn nối thông mà nghĩa hạn chế, bởi vì các Hội sau đều có “Nhĩ thời...” cho nên văn nối thông. Nay ở đây hạn chế đầu tiên vốn là nghĩa hạn chế.

Lại theo Phật Địa luận phân ra làm năm: Một, tổng quát hiển bày về pháp đã nghe; hai, thời gian phát khởi của giáo; ba, hiển bày về giáo chủ; bốn, nơi chốn phát khởi của giáo; năm, giáo đã phủ khắp cơ.

Theo Pháp Hoa luận... có sáu thành tựu: Một là Tín, hai là Văn, ba là Thời, bốn là Chủ, năm là Xứ, sáu là Chúng.

Nay giải thích về nghĩa này sơ lược đưa ra bốn môn: Một, trình bày về nguyên do an lập sáu nghĩa này; hai, phân rõ về người nghe tự mình thuật lại; ba, xác định về người truyền pháp; bốn, giải thích văn.

Trong phần một, lập ra sáu câu này, nguyên do có sáu:

Một là Đức Phật dạy an lập, theo Trí Luận: “Đức Phật sắp nhập Niết-bàn nói cho A-nan biết: Mười hai bộ kinh ông nên lưu thông. Lại nói với Ưu-ba-ly: Tất cả giới luật ông nên thọ trì. Nói với A-na-luật: Ông đạt được Thiên nhãn, thường giữ gìn Xá-lợi, khuyên người cúng dường. Nói với Đại chúng: Nếu Ta trú một kiếp hay giảm một kiếp thì đến lúc cũng sẽ diệt. Nói xong ở Song Lâm xoay đầu về phía Bắc mà nằm, sắp nhập Niết-bàn. A-nan vì niệm ái của thân thuộc chưa trừ, tâm chìm trong ưu sầu, A-nê-lô-đậu nói với A-nan: Đức Thế Tôn hôm nay

tuy còn mà ngày mai đã không còn, ông nên hỏi về sự việc quan trọng của đời vị lai kia, vì sao giống như người ngu kia mà buồn rầu quá mức như vậy? A-nan liền đứng dậy hỏi rằng: Nay tôi không biết thưa hỏi về việc gì? Lô-đậu dạy rằng: Sự việc quan trọng có bốn, một là hỏi Như Lai tại thế tự mình nói pháp, mọi người đều tin nhận, sau khi Như Lai diệt độ, đầu tất cả các kinh nên để lời gì; hai là hỏi Như Lai tại thế, các hàng Tỳ-kheo đều lấy Phật làm Thầy, sau khi Như Lai diệt độ lấy ai làm Thầy; ba là hỏi lúc Phật tại thế, các Tỳ-kheo dựa vào Phật mà an trú, sau khi Như Lai diệt độ dựa vào ai mà an trú; bốn là hỏi Như Lai tại thế, Xa-nặc tánh ác Phật tự sửa trị, sau khi Phật diệt độ làm sao cùng trú? A-nan như lời dạy thưa hỏi, Đức Thế Tôn trả lời rằng: Đầu kinh nên để sáu câu là “Như thị...”; hai là Tỳ-kheo đều dùng Ba-la-đề Mộc-xoa làm Thầy; ba là đều dựa vào Tứ Niệm Xứ mà an trú; bốn là Tỳ-kheo ác tánh dùng Phạm Đàn mà sửa trị, Trung Hoa nói là Mặc Tẩn. Nếu tâm yếu đuối quy phục thì vì họ nói về kinh Ca Chiên Diên, Trung Hoa nói là kinh Ly Hữu Vô, để phá trừ tâm ngã mạn.”

Lại như trong kinh Đại Bi: “A-nan thưa thỉnh Đức Phật: Làm sao kết tập pháp nhãn? Đức Phật nói cho A-nan biết rằng: Sau khi Ta diệt độ, Đại đức Tỳ-kheo sẽ hỏi như vậy: Đức Thế Tôn thuyết kinh Đại A Ba Đà Na... ở nơi nào? Ông nên trả lời như vậy: Tôi nghe như vậy, một thưở nọ ở nước Ma-già-đa, dưới tán cây Bồ-đề, mới thành Chánh giác thuyết pháp..., cho đến nói rằng: Giữa hai cây Sa-la thuyết pháp, như vậy... hơn hai mươi chỗ đã thuyết kinh. Đức Phật tự mình lại dạy A-nan kết tập.” Vì thế cho nên sáu câu này là do Đức Phật chỉ dạy thiết lập.

Hai là vì đoạn nghi cho nên an lập sáu câu này. Như Tam tạng Chân Đế nói: “Theo luật vi tế thì lúc A-nan đang bước lên tòa cao kết tập pháp tạng, thân A-nan đầy đủ tướng tốt như Đức Phật, nếu lúc xuống tòa thì trở lại hình dáng của mình, chúng trông thấy điềm này lại phát sinh ba nghi ngờ: Một là nghi Đức Phật Đại Sư Từ Bi từ Niết-bàn đứng lên lại vì chúng thuyết pháp; hai là nghi Phật Tiên từ phương khác đến; ba là nghi A-nan chuyển thân thành Phật. Nay vì trừ ba nghi ngờ này cho nên an lập sáu câu, vì vậy A-nan tự nói: Pháp như vậy tôi nghe từ Đức Phật. Trình bày không phải là Đức Phật lại đứng lên thuyết pháp, cũng không phải là Phật từ phương khác đến, lại không phải là A-nan tự thân thành Phật, chỉ bởi vì pháp lực cho nên khiến tôi giống như Đức Phật.”

Ba là bởi vì phát sinh niềm tin ở đời vị lai, Trí Luận nói: “Đầu tất cả các kinh an lập Thời-Phương-Nhân... , là bởi vì muốn khiến cho sinh

khởi tín tâm.”

Bốn là bởi vì lia lỗi tăng giảm, Phật Địa luận nói: “Nên biết là nói đến Như thị ngã văn này, là ý tránh sai lầm về tăng giảm khác phần, nghĩa là pháp như vậy tôi nghe từ Đức Phật, không phải là từ người khác lần lượt chuyển tiếp hiển bày rõ ràng về nghe, có những điều có thể tự nhiên đối với những điều đã nghe đều lia sai lầm về tăng giảm khác phần; không phải là như hạng phàm phu ngu muội không có những điều có thể tự nhiên đối với những điều đã nghe, hoặc không có thể lia tăng giảm khác phần. Lúc kết tập pháp, người thuật lại giáo pháp của Đức Phật, y theo lời dạy của Như Lai đầu tiên nói lời này, bởi vì khiến cho chúng sinh cung kính tin nhận, cho nên nói rằng Pháp như vậy tôi nghe từ Đức Phật. Văn nghĩa quyết định không có gì tăng giảm, vì thế cho nên người nghe thuận theo đích thực nghe rồi như lý tư duy, nên thường xuyên tu học.”

Năm là bởi vì ngừng các sự tranh luận. Nếu tự mình chế tác thì tranh luận phát khởi từ đây, cho nên không phải như vậy. Đây là theo Trí Luận phân rõ.

Sáu là bởi vì khác với ngoại đạo. Kinh-luận của ngoại đạo kia hoặc nói: “Vách đá sứt lở mà có được.” Hoặc nói: “Chim Tước xanh ngậm đến.” Do đó không đáng tin. Vì thế cho nên nay hiển bày đầy đủ nguyên cơ xác thực, trình bày về pháp không phải là sai lầm khiến cho người tin nhận.

Thứ hai, trình bày về A-nan... đích thân nghe-nghe thuật lại không giống nhau.

Nếu theo Tiểu thừa thì có hai thuyết: Một, nói rằng A-nan đã là sinh ra trong đêm Đức Phật đắc đạo, hai mươi tuổi mới làm đệ tử Đức Phật. Hai mươi tuổi trở về sau là kinh A-nan đích thân nghe, hai mươi tuổi trở về trước là nghe thuật lại. Vì vậy kinh Chuyển Pháp Luân nói: “Lúc A-nan kết tập tự nói kệ rằng: Lúc Đức Phật bắt đầu thuyết pháp, lúc bấy giờ tôi không trông thấy, như vậy lần lượt chuyển tiếp nghe, Đức Phật đi qua Ba-la-nại, vì chúng gồm năm vị Tỳ-kheo, Chuyển pháp luân về giáo Tứ Đế.” Vì thế biết trước đó không phải là chính mình nghe. Hai, nói rằng đều là chính mình nghe, bởi vì luận Tát-bà-đa nói: “Lúc A-nan làm thị giả cho Đức Phật thỉnh nguyện rằng: Nguyện Đức Phật nói cho con toàn bộ các kinh mà Đức Phật đã nói trong hai mươi năm.” Luận Tỳ Ni Mẩu cũng nói giống như vậy. Vì thế biết toàn bộ là chính mình nghe.

Nếu theo Đại thừa thì tất cả đều chính mình nghe, có hai nghĩa:

Một, Đức Phật nói lại cho A-nan nghe, như các kinh Thắng Man... là Đức Phật trở về bốn xứ nói lại cho A-nan nghe. Lại như trong kinh Đại Bi trên đây, Đức Phật nói lại toàn bộ, cho nên là chính mình nghe. Hai, bởi vì A-nan thường nghe, kinh Niết-bàn nói: “A-nan là người đa văn, hoặc có mặt hay không có mặt vẫn tự nhiên có thể hiểu rõ ràng về nghĩa Thường và Vô thường.” Lại nói: “A-nan đạt được Tam-muội Giác Ý, Đức Phật nói kinh gần xa thường được nghe.”

Thứ ba, xác định về người truyền pháp. Hỏi: “Lúc nói kinh này, những hàng Nhị thừa hoàn toàn như đui điếc, lẽ nào có thể A-nan mà nói là tôi nghe?”

Đáp: Có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất, giả sử là A-nan thì điều này cũng không sai lầm, vì sao? Bởi vì theo kinh A Xà Thế Vương Sám Hối, có ba loại A-nan: Một là A-nan-đà, Trung Hoa nói là Khánh Hỷ, trì Pháp tạng Thanh văn, ở trên Nhị thừa tùy sức tùy phần; hai, gọi là A-nan-đà Bạt-đà-la, Trung Hoa nói là Khánh Hỷ Hiền, trì Pháp tạng Trung thừa, ở trên Đại thừa tùy sức tùy phần, ở dưới Tiểu thừa có thể tham dự duy trì tất cả; ba, gọi là A-nan-đà Sa-già-la, Trung Hoa nói là Khánh Hỷ Hải, Bồ-tát trì Pháp tạng Đại thừa, ở dưới Nhị thừa có thể tham dự duy trì tất cả. Theo văn kinh này A-nan Hải là Đại Bồ-tát có thể trì Đại pháp, lý cũng không có gì trái. Nếu theo Viên giáo thì đều là trong Tam-muội Hải Ấn của Phật Lô-giá-na hiện ra những người truyền pháp này, cho nên chính là Phật.

Nghĩa thứ hai, nói không phải là do A-nan đã truyền, lý cũng không có gì trái, vì sao? Bởi vì Trí Luận nói: “Một là giáo hiển thị, hai là giáo bí mật. Kinh Đại Phẩm này là giáo hiển thị vì vậy dặn dò giao cho A-nan. Như kinh Pháp Hoa là giáo bí mật vì vậy dặn dò giao cho Hỷ Vương...” Lại kinh Niết-bàn nói: “Những kinh mà A-nan chưa được nghe, Bồ-tát Hoằng Quảng nên làm cho lưu thông.” Dựa theo điều này thì Bồ-tát Hoằng Quảng nói là Tôi nghe như vậy. Lại theo Trí Luận thì Văn Thù Sư Lợi nói là tôi nghe, bởi vì Luận ấy nói: “Văn Thù cùng với A-nan ở nơi thanh tịnh khác, kết tập về tạng Ma-ha-diễn.” Lại Văn Thù Sư Lợi trong kinh Bát Niết-bàn, Đức Phật Bát Niết-bàn sau bốn trăm năm, lúc ấy Văn Thù Sư Lợi hãy còn ở thế gian, cho nên biết là Văn Thù truyền pháp này.

Thứ tư, giải thích văn. Dựa vào Trí Luận thì Như là thuận, Thị là tin. Lại nữa, Thị là ấn, tức là phù hợp thuận theo tin nhận cho nên nói là Như Thị. Như vậy tổng quát đưa ra văn nghĩa của một Bộ, nghĩa là chỉ ra pháp mà mình đã nghe, cho nên nói là Như Thị. Theo Tam tạng

Trường Nhĩ, dựa theo Tam Bảo để giải thích: Một là dựa theo Phật, nói rằng như pháp mà Đức Phật đã nói là tôi điều đã nghe, như điều tôi đã nghe là pháp mà Đức Phật đã nói; hai là dựa theo Pháp, nói rằng như điều tôi đã nghe là giáo của xứng lý, như giáo của xứng lý là điều mà tôi đã thuật ra; ba là dựa theo Tăng, nói rằng như điều mà tôi đã nghe là điều mà các Bồ-tát đã cùng nghe, như điều mà các Bồ-tát đã cùng nghe là điều mà tôi đã thuật ra.

Theo Phật Địa luận nói: “Người thuật lại giáo pháp của Đức Phật, nói sự việc như vậy xưa tôi đã từng nghe. Như Thị nói chung dựa vào bốn nghĩa mà chuyển: 1) Dựa vào thí dụ; 2) Dựa vào dạy dỗ; 3) Dựa vào hỏi đáp; 4) Dựa vào hứa khả.” Giải thích rộng như trong luận ấy.

Ngã, đó là năm Ẩn giả, luận rộng về Ngã có bốn loại: 1) Chân ngã, đó là Thường-Lạc-Ngã-Tịnh... trong Chân như, Chân như làm tánh. 2) Tự tại ngã, đó là tám Tự tại ngã..., dùng Trí làm tánh. 3) Giả ngã, đó là năm Ẩn giả, bởi vì chỉ do Thức (duy thức) mà hiện ra tựa như có chủ thể..., lấy đó làm tánh. 4) Chấp ngã, đó là phân biệt câu sanh, sở chấp làm tánh.

Lại duyên theo tâm của Ngã cũng có bốn loại: 1) Kiến, đó là các phàm phu... 2) Mạn, đó là những người Học. 3) Tập, đó là người Vô học. 4) Tùy thế gian lưu truyền khắp nơi, đó là chư Phật.

Trong này, Ngã ở trong bốn loại trước gồm chung ba loại đầu, dựa theo giáo mà xác định; trong bốn loại sau chỉ có một, cũng có thể gồm chung ba loại sau, suy nghĩ để xác định. Vì sao không nói Vô ngã mà nói đến Ngã? Đó là bởi vì hiển bày về chính mình nghe, bởi vì thuận tiện mà nói, bởi vì tùy theo thế gian, bởi vì hiển bày về Vô ngã, đều như Trí Luận nói.

Hỏi: Người truyền pháp vì sao không xưng tên mình mà nói là Ngã?

Đáp: Bởi vì có lỗi lạm dụng tên gọi giống nhau.

Hỏi: Ngã lẽ nào không gồm chung?

Đáp: Bởi vì đã nói là Ngã thì chắc chắn là thuộc về mình, cho nên lựa chọn khác với người ta.

Hỏi: Vì sao không nói là tai nghe?

Đáp: Bởi vì lấy tổng quát thu nhận riêng biệt.

Hỏi: Tai chỉ nghe tiếng, lẽ nào có thể hiểu?

Đáp: Tai nghe tiếng ấy, ý hiểu rõ các văn, hòa hợp không có hai, thuận theo chính mình nói-nghe. Tát-bà-đa luận là Căn nghe, Thành Thật luận là Thức nghe, Trí Luận là hòa hợp nghe, tức là Không-Vô

tác.

Kinh Niết-bàn nói: “Bốn nhân duyên hòa hợp cho nên nghe: 1) Nhĩ căn không hư hoại; 2) Tiếng thuộc về cảnh có thể nghe; 3) Trung gian không có chướng ngại; 4) Có ý muốn nghe cho nên được nghe. Vì vậy nghe này là không nghe mà nghe.

Lại có đủ mười duyên: 1) Bốn thức là dựa vào căn bản; 2) Chủng tử Nhĩ thức là dựa vào nhân duyên; 3) Mạt na là dựa vào nhiễm ô; 4) Ý thức là dựa vào phân biệt; 5) Nhĩ thức thuộc loại của mình là dựa vào Đẳng vô gián; 6) Nhĩ căn không hư hoại là Căn cùng chung cảnh; 7) Tác ý muốn nghe; 8) Có cảnh làm Sở duyên duyên; 9) Trung gian không có chướng ngại; 10) Cảnh gần thuộc về có thể nghe. Cũng gồm chung pháp khác không ngăn ngại..., vì vậy nghe này không có tự tánh, cho nên không nghe mà nghe.” Dựa theo giáo chính xác phân rõ về điều đó.

Nhất Thời trở xuống gồm chung hai Tựa, tức là bốn câu sau trong sáu câu. Trong đó, ba câu đầu phân rõ về giống nhau, đó là Thời-Chủ và Xứ; một câu sau phân rõ về riêng biệt, đó là Chúng cùng nghe. Đây cũng chính là tướng của ba thế gian, nên biết. Trong ba câu đầu cũng có hai: Trước là tổng quát nêu về ba tướng, sau từ “Thỉ thành Chánh giác...” trở xuống là riêng biệt giải thích về ba nghĩa. Vì sao có hai môn này? Đó là dựa theo Xứ, trước thì tổng quát nêu về nhiễm tịnh, sau thì riêng biệt hiển bày về tướng tịnh. Lại trước dựa vào nhiễm, sau riêng biệt phân rõ về tịnh. Lại bởi vì Thời có trước-sau, Xứ có nhiễm-tịnh, Phật có quyền-thật, cho nên cần phải trở lại phân tích.

Trong ba câu đầu có ba: Một- Nhất Thời, theo Phật Địa luận, hoặc một sát-na, hoặc nhiều tương tục, chỉ chọn lấy nói-nghe cứu cánh, cho nên gọi chung là giả lập Nhất Thời. Tiểu thừa là thật thời, Đại thừa là giả thuyết. Nếu riêng biệt giải thích thì Lương Nhiếp luận nói về Nhất Thời có ba nghĩa: 1) Bình đẳng thời, đó là bởi vì không có nổi chìm điên đảo; 2) Hòa hợp thời, đó là khiến cho nghe-có thể nghe-đích thực nghe; 3) Chuyển pháp luân thời, đó là Chánh thuyết-Chánh thọ.

Hai- Phật là nghĩa về Giác, có hai là Bốn giác và Thỉ giác. Lại trong Luận nói: Như hoa sen nở, như ngủ thức dậy... Ở đây Giác đầu là sở tri, Giác sau là phiền não. Hoặc ba Giác là Tự giác-Giác tha và Giác hạnh viên mãn, tức là người có Giác gọi là Giác giả.

Hoặc gọi là Bà-già-bà, có bốn nghĩa như trong Trí Luận: 1) Gọi là Hữu Đức, nghĩa là Bà-già gọi là Đức, Bà gọi là Hữu. 2) Gọi là Xảo Phân Biệt, Bà-già gọi là Phân Biệt, Bà gọi là Xảo. 3) Gọi là Hữu Danh

Thanh, Bà-già gọi là Danh Thanh, Bà gọi là Hữu. 4) Gọi là Năng Phá Dâm Nộ Si, Bà-già gọi là Năng Phá, Bà gọi là Dâm Nộ Si. Trong bốn tên gọi này, một tên gọi đầu là Tổng, ba tên gọi sau là Biệt. Trong Biệt, đầu là Trí đức, tiếp là Phước đức, sau là Đoan đức.

Lại trong Phật Địa luận có sáu nghĩa giải thích, luận ấy tụng rằng: “Tự tại-xí thanh và đoan nghiêm, danh xưng-cát tường và tôn quý, đủ sáu loại nghĩa sai biệt này, cho nên gọi chung là Bạc Già.” Giải thích rộng ra như trong luận ấy.

Lại Tam tạng Chân Đế dẫn ra Chân Thật luận có mười nghĩa giải thích, Phật gọi là Giác Thắng Thiên Cổ...

Ba-Xứ, đất nước là Thông, đạo tràng là Biệt. Trí Luận nói: “Đắc A-nậu Bồ-đề ở trong tụ lạc Âu-lâu-tần-loa, bên bờ sông Ni-liên-thiên, thuộc nước Ma-già-đà...” Trung Hoa gọi là nước Bất Hại, bởi vì trong nước này có những người phạm tội chỉ có phạt đuổi ra khỏi nước chứ không có hình phạt giết hại. Nhờ vào nơi này biểu thị về tướng của Đại pháp Từ Bi cứu giúp. Hoặc gọi là nước Thiện Thắng. Hoặc nói Ma-già là tên ngôi sao, Trung Hoa nói là Bất Ác, chủ của mười hai tháng; Đà là Xứ, gọi là nước ở xứ không ác, cũng gọi là nước ở xứ ngôi sao. Tịch Diệt có bốn nghĩa: 1) Chướng diệt, nghĩa là tánh diệt và trị diệt; 2) Chứng diệt, nghĩa là chứng lý diệt; 3) Hiển bày về đức của diệt ấy, nghĩa là nêu ra mười thân của Phật và các pháp của Phổ Hiền. Kinh nói: “Đại Bát Niết-bàn có thể kiến lập Đại nghĩa”. 4) Lợi ích chúng sinh thành tựu về diệt, có thể biết.

Đạo Tràng cũng có bốn: 1) Sự xứ; 2) Hành, như kinh nói bố thí là đạo tràng...; 3) Lý, như kinh Duy Ma nói tất cả các pháp là đạo tràng, bởi vì biết các pháp là Không...; 4) Gồm chung tất cả các pháp, nghĩa là con người-pháp..., tất cả đều chuẩn mực, đều là nơi đắc đạo gọi là Đạo Tràng, là Y chủ thích. Cũng như sân phơi lúa ở thế gian lựa bỏ lúa xẹp mà chọn lấy hạt chắc; trong này cũng như vậy, diệt trừ mê hoặc thành tựu công đức, cũng đắc đạo tức là Tràng, vốn là dựa theo Trì nghiệp thích. Sự Tràng, như Câu Xá luận nói: “Ở chính giữa châu Diêm Phù, từ trên đất Kim cang nổi lên tòa Kim cang, suốt đất châu Diêm Phù bằng với ranh giới phía trên, tất cả Bồ-tát đều ở trong đó tu tập Tam-ma-địa Kim Cang. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì lại không có nơi nương tựa nào khác có năng lực có thể tiếp nhận Tam-ma-địa này. Tất cả Bồ-tát đó là ngàn vị Bồ-tát ở Hiền kiếp.”

Từ “Thỉ thành Chánh giác...” trở xuống là phần hai riêng biệt phân tích về ba nghĩa trên. Một là Thời, hai là Xứ, ba là Chủ. Trong

Thời lại đưa ra năm môn: 1) Xác định phạm vi; 2) Thâu nhiếp trước sau; 3) Hiển bày sai biệt; 4) Biểu thị về pháp; 5) Giải thích văn kinh.

1. Xác định phạm vi. Bồ-đề Lưu Chi nói: “Trong tám Hội Hoa Nghiêm, năm Hội trước là Đức Phật thuyết trong bảy ngày thứ nhất mới thành đạo, Hội thứ sáu về sau là thuyết trong bảy ngày thứ hai, bởi vì đầu kinh Thập Địa nói bảy ngày thứ hai.” Lại có người nói: “Hội thứ tám là nói ở Thời sau, bởi vì trong văn ấy có năm trăm Thanh văn như Thu Tử..., đều được độ ở Thời sau.” Những cách phân định như vậy e rằng không thuận với văn, bởi vì bảy ngày thứ nhất chắc chắn không nói pháp, trong Thập Địa luận nói: “Vì sao không nói trong bảy ngày thứ nhất? Bởi vì hành tư duy-hành nhân duyên. Đã nói là tư duy, thì biết rõ ràng không phải là nói pháp. Giả sử có lời cứu vãn thì chỉ là không nói Thập Địa, chứ không phải là không nói về những pháp khác, thì không thể nào nói là tư duy.” Về sau Luận lại giải thích: “Bởi vì hiển bày về pháp Lạc của mình cho nên không nói, vì vậy biết là bảy ngày thứ nhất chắc chắn không phải thuyết pháp mà thôi.” Vả lại, Hội thứ tám cũng không phải là Thời sau, sao có thể ở trong một bộ kinh, trước đã nói, giữa chừng nói kinh khác, sau mới lại tiếp tục, lẽ nào làm cho Đức Phật không có lực Đà-la-ni, không có thể trong một niệm nói về tất cả các pháp? Kỳ Viên-Thu Tử đều là chín đời hòa vào nhau. Văn sau nói: Tất cả đời kiếp quá khứ, đưa vào vị lai-hiện tại, tất cả đời kiếp vị lai, lại đưa vào đời quá khứ. Lại nói: Ở trong một niệm kiến lập tất cả Phật sự ba đời, cho đến nói rộng ra. Các văn như vậy khắp nơi đều có, lẽ nào có thể đã dùng Thu Tử-Kỳ Viên mà không phải là loại này? Vì vậy biết kinh này chắc chắn là đã nói trong bảy ngày thứ hai.

2. Thâu nhiếp trước sau, có ba lớp: Một, ở trong thời gian hai tuần này đã thâu nhiếp tám Hội cùng lúc mà nói. Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao Hội có trước-sau? Đáp: Như lúc đọc văn in, giấy in trước-sau cùng lúc.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao Trùng Hội có thể thành tựu?

Đáp: Trùng cũng cùng lúc bởi vì không có gì ngăn ngại, như ánh sáng của những ngọn đèn hòa vào nhau... Còn lại không lay động-lên cõi trời..., dựa theo giải thích có thể biết.

Hai, ngay nơi thời gian này thâu nhiếp thời gian trước-sau, tất cả vô lượng kiếp thấy đều thâu nhiếp hết, bởi vì là Thời giải thoát không nghĩ bàn.

Ba, thâu nhiếp trùng trùng vô lượng niệm kiếp, bởi vì như lưới giăng Nhân-đà-la trở lại thâu nhiếp.

3. Hiển bày sai biệt: Theo kinh Phổ Diệu, bảy ngày thứ hai ở vườn

Lộc Dã vì năm anh em người ấy mà ba lần Chuyển pháp luân Tứ Đế, đây là Tiểu thừa. Theo kinh Mật Tích Lực Sĩ, bảy ngày thứ hai ở vườn Lộc Dã vì vô lượng đại chúng mà Chuyển pháp luân thì có người đạt được đạo La-hán, Bích-chi, Bồ-tát..., đây là Tam thừa. Theo kinh này thì bảy ngày thứ hai ở dưới tán cây chừa (thọ vương) vì hải hội Bồ-tát mà Chuyển pháp luân Vô tận, rõ ràng là Nhất thừa. Ba lớp đồng thời trên đây thì dựa theo pháp là biểu hiện về gốc-ngọn đồng thời, dựa theo người là hiển bày về cơ cảm đều khác. Theo kinh Pháp Hoa thì 21 ngày, Tứ Phần luật thì 42 ngày, kinh Hưng Khởi Hạnh thì 49 ngày, theo Ngũ Phần luật thì 56 ngày, Trí Luận thì 57 ngày, kinh Thập Nhị Du thì một năm mới nói. Đây đều bởi vì Mật giáo khác cơ, thích hợp nghe khác nhau cho nên dẫn đến không giống nhau. Bốn giáo là cơ xác định cho nên chỉ có hai tuần.

4. Biểu thị về pháp. Thập Địa Luận nói: “Thời-Xứ... so sánh hiển bày rõ ràng về thù thắng, bởi vì pháp thù thắng này, thuyết ở Thời thứ nhất và Xứ thù thắng.” Điều này có ba nghĩa: Một, kinh này dựa theo Thời thứ nhất bởi vì biểu thị về pháp thù thắng vốn có; hai, Mật giáo cũng cùng lúc bởi vì biểu thị ngọn không lìa xa gốc; ba, hiển bày về gốc không phải là ngọn, bởi vì ngọn thì không nhất định mà gốc thì nhất định, Thời nhất định là hai tuần lại không nói gì khác.

5. Giải thích văn kinh: Mới thành Chánh giác là ý hiển bày về nghĩa của lúc bắt đầu. Nhưng có hai tướng: Một, bảy ngày thứ nhất là bắt đầu hiện rõ ở thế gian; hai, bảy ngày thứ hai là bắt đầu thuyết pháp. Trong này là thành Chánh giác trải qua bảy ngày nay, cho nên nói là mới thành Chánh giác. Tất cả có năm nghĩa: Một là dựa theo Tiểu thừa, bởi vì Sinh thân của Đức Phật ở dưới tán cây này trải qua ba mươi bốn tâm mới thành Chánh giác, giống như các A-la-hán thật sự thành tựu chứ không phải là biến hóa. Hai là dựa theo Đại thừa, tám tướng Hóa thân thị hiện ở đây mới thành Chánh giác. Ba là dựa theo Báo thân, đầy đủ hạnh Thập Địa, sau Vô gián đạo thì quả hiện bày trọn vẹn sáng ngời gọi là mới thành Chánh giác. Bốn là dựa theo Pháp thân, nghĩa là bắt đầu đạt được Liễu nhân, lúc đầu hiện rõ tròn vẹn, cho nên nói là mới thành. Trên đây là Đại thừa hoàn toàn không có ban đầu của ban đầu. Năm là dựa theo mười Phật, nghĩa là vô biên thế giới khắp tất cả Nhân-đà-la võng, trong niệm niệm đều là lúc đầu mới thành Phật, đầy đủ chủ-bạn, tất cả ba thế gian, cho nên đây tức là thâm nhiếp đầy đủ ban đầu của vô lượng kiếp trước-sau. Trong này đích thực chỉ có nghĩa thứ năm thâm nhiếp gồm đủ bốn nghĩa trước, dựa theo có thể biết. Bởi vì

năm lớp này không lia xa nhau, cho nên thâm nhiếp làm phương tiện.

Từ “Kỳ địa Kim Cang...” trở xuống là phần hai riêng biệt phân tích về Xứ. Trong đó cũng đưa ra năm môn: 1) Xác định về Xứ ấy; 2) Phân rõ về thâm nhiếp hòa vào; 3) Hiện bày về sai biệt; 4) Biểu thị về pháp; 5) Giải thích văn kinh.

1. Xác định về Xứ.

Hỏi: Nơi nói kinh này là Tịnh độ hay là cõi nhiễm? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai cùng có sai lầm. Vì sao? Bởi vì nếu là Tịnh độ, thì vì sao văn trước nói là nước Ma-kiệt-đà, văn sau lại nói là như Thế giới hệ (Tứ thiên hạ) Diêm-phù-đề này...? Vì vậy nên biết không phải là Tịnh độ. Nếu là cõi nhiễm, thì vì sao văn sau nói thế giới hải Liên Hoa Tạng này phát ra sáu loại-mười tám tướng chấn động...? Rõ ràng biết kinh này không phải là nói ở cõi nhiễm, trái ngược nhau như vậy làm sao xác định?

Đáp: Nhưng dựa vào kinh này thì hai cõi nhiễm-tịnh dung hòa thâm nhiếp lẫn nhau, có bốn câu phân biệt về điều ấy: Hoặc chỉ là Ta-bà, bởi vì gốc thuận theo ngọn; hoặc chỉ là Hoa Tạng, bởi vì ngọn thuận theo gốc. Hai câu này phân rõ như trên. Hoặc cùng hiện bày, bởi vì dựa vào Hoa Tạng mà có tướng phần nhiễm-tịnh của Ta-bà, vốn là ngọn dựa vào gốc, như văn sau nói: Thế giới Ta-bà trong cõi Hoa Tạng, là nói về câu này. Hoặc nhiễm-tịnh cùng bật dứt, bởi vì dựa vào quả hải không thể nói được. Bốn môn trên đây hợp lại làm một cõi, dung hòa vô ngại tùy theo giảng giải đều được.

2. Phân rõ về thâm nhiếp hòa vào: Một là trình bày về dung nhiếp, cũng có ba lớp: Một, dưới tán cây Giác này đã thâm nhiếp tám Hội trong loài người và trên cõi trời, vì thế đều nói không rời xa nơi này. Hai, thâm nhiếp mười phương, không sót lại cõi nước nào, tất cả đều không rời xa dưới tán cây chúa này. Ba, thâm nhiếp cõi nước trùng trùng như số vi trần trong đầu mảy lông, giống như lưới giăng của Đế Thích không có cùng tận, bởi vì đều là sự thâm nhiếp của thế giới Liên Hoa Tạng này. Hai là dung nhập cũng có ba, đó là dung hợp cây Giác này hòa vào nơi ba lớp đã thâm nhiếp trước đây.

3. Hiện bày về sai biệt: Nhưng nơi Đức Phật thuyết kinh có ba loại: Một, chỉ có mười sáu nước lớn trong cõi này là nơi Hóa thân thuyết kinh, đây là gồm chung Tiểu thừa giáo và Tam thừa giáo. Hai, chỉ có các Tịnh độ vi diệu trong mười tám cõi viên mãn thọ dụng ngoài cõi này là nơi Báo thân thuyết kinh, như kinh Phật Địa... Tịnh độ vi diệu này không phải là ba cõi thâm nhiếp mà cũng không lia xa, bởi vì khắp

tất cả mọi nơi, đây là nói chung về Tam thừa và Nhất thừa. Ba, nhiệm-tịnh viên dung, đế võng vô tận, thế giới Liên Hoa Tạng là nơi mười Đức Phật thuyết kinh, y-chánh tự nhiên dung hòa đầy đủ ba thế gian, đây là nơi chỉ thuyết về Biệt giáo Nhất thừa. Nay ở đây đã phân rõ chính là chỉ riêng một loại sau, thâm nhiếp đầy đủ hai loại trước, bởi vì gốc-ngọn ấy không rời xa nhau.

4. Biểu thị về pháp. Dựa vào Xứ thù thắng này biểu thị về pháp thù thắng, trong Địa Luận nói: “Đây là pháp thù thắng cho nên nói ở nơi thù thắng.” Nhưng có ba lớp: Một, bởi vì dưới tán cây này đạt được Bồ-đề, không rời khỏi nơi này mà nói, rõ ràng biểu thị về pháp đã nói như pháp đã đạt được, không phải là thuận theo cơ khác mà có thay đổi, cho nên như nói ở vườn Lộc Dã... Hai, dựa vào thế giới Liên Hoa Tạng viên dung, biểu thị về pháp đã nói vốn là tánh viên mãn thù thắng thông suốt đầy đủ. Ba, dựa vào Đế võng trùng trùng của nơi này, biểu thị về pháp đã nói cũng trùng trùng vô tận, như Bát Tư Nghị Giải Thoát..., nghĩa còn lại như chương Thế Giới ở sau nói.

5. Giải thích văn kinh. Trong văn có ba: Một, trình bày về đất nơi đạo tràng; hai, trên đất có cây Bồ-đề; ba, dưới cây Bồ-đề có tòa Sư tử. Đây là đất làm chỗ dựa căn bản của hành, cây là kiến lập hành đức, tòa là tác dụng của hành thâm nhiếp lợi ích, như tánh duyên khởi đều hoàn toàn dung hợp thâm nhiếp các pháp đều hết. Nhưng ba phần vị này trong văn đều dùng mười môn để phân biệt.

Một, trong giải thích về đất nơi đạo tràng, có nêu ra-giải thích-kết luận. Trong nêu ra, đất ấy là Kim Cang, là nêu ra Thể của đất ấy, nghĩa là Thể hoàn toàn vững chắc. Văn sau nói: Đất dày Kim Cang không thể phá hoại, là nói về điều này. Đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh, nêu ra đức của đất ấy, nghĩa là Tướng hoàn toàn trang nghiêm. Tức là trong văn sau, dưới mặt đất của thế giới Liên Hoa Tạng thâm nhiếp đầy đủ Phong luân-Hương hải-hoa sen chứa... để làm trang nghiêm thanh tịnh, trên mặt đất có đủ ánh sáng quý báu tuyệt diệu-sông thơm-cây cối-lưới giăng. Trên dưới như vậy, tịnh đức đầy đủ tròn vẹn, cho nên nói là Cụ túc. Đây là cấu nhiễm hoàn toàn không còn nói là tịnh, công đức hoàn toàn đầy đủ gọi là nghiêm.

Hai, trong riêng biệt giải thích có mười câu, hiển bày mười loại nghiêm tịnh: 1) Hoa báu nghiêm tịnh; 2) Vòng báu nghiêm tịnh; 3) Diệu sắc nghiêm tịnh; 4) Cờ phướn nghiêm tịnh; 5) Hương hoa nghiêm tịnh; 6) Lưới báu nghiêm tịnh; 7) Mưa báu nghiêm tịnh; 8) Cây báu nghiêm tịnh; 9) Phật lực nghiêm tịnh; 10) Đặc biệt kỳ lạ nghiêm tịnh. Đây đủ

mười loại này cho nên nói là Cụ túc nghiêm tịnh.

1. Hoa báu nghiêm tịnh, nghĩa là các hoa báu xen lẫn có đủ bốn nghĩa: Một là nghĩa về vi diệu, hai là nghĩa về nở rộ, ba là nghĩa về sinh ra quả, bốn là nghĩa về nghiêm tịnh. Văn sau nói: Hoa báu phủ khắp tất cả mọi nơi, đều có thể nuôi lớn công đức của Phật.

2. Vòng báu nghiêm tịnh, nghĩa là bởi vì vòng báu này đầy đủ năm nghĩa: Một là nghĩa về viên mãn, bởi vì lìa thiếu kém; hai là nghĩa về thâm nhiếp đức, bởi vì vành xe-nan hoa... đầy đủ; ba là nghĩa về chuyển động, bởi vì từ nơi này hướng đến nơi kia; bốn là nghĩa về phá trừ phiền não, bởi vì như nghiền nát... ; năm là nghĩa về hàng phục, bởi vì như vòng báu của Thánh Vương. Lại nữa, báu là nghĩa về đáng quý, văn sau nói: Hoa báu thành vòng ánh sáng được trang nghiêm bằng diệu sắc, đầy khắp các pháp giới, mười phương đều chiếu khắp.

3. Diệu sắc nghiêm tịnh, nghĩa là bởi vì diệu sắc này có đủ bốn nghĩa: Một là nghĩa về sáng rực, bởi vì có đủ hình dáng hiển bày; hai là nghĩa về tức Không, bởi vì hàm chứa rỗng rang mà lập; ba là nghĩa về có đủ đức, bởi vì một thâm nhiếp tất cả; bốn là nghĩa về có tác dụng, bởi vì chúng sinh thấy-nghe đạt được lợi ích thù thắng. Loại này rất nhiều, cho nên nói là vô lượng; tất cả đều trang điểm qua lại, cho nên nói là trang nghiêm. Nghĩa là Khí hải này sâu mà lại rộng, Uẩn đức bao hàm tưới thấm làm lợi ích vô biên, cho nên nói là như biển. Biển lớn về mười tướng từ đây thuận theo phân rõ, tên gọi Thế giới hải ở văn sau từ đây mà lập ra.

4. Cờ phướn nghiêm tịnh, nghĩa là cột cao (tràng), cờ phướn (phan), tàng lọng (cái), ánh sáng(quang) vốn có bốn nghĩa riêng biệt. Tràng có hai nghĩa: Một là cao vượt ra, hai là hàng phục, như Tràng của Đế Thích. Phan có hai nghĩa: Một là cờ hiệu, hai là tùy duyên. Cái cũng có hai nghĩa: Một là hiển bày thù thắng, hai là che mát. Quang cũng có hai nghĩa: Một là trừ hết bóng tối, hai là soi chiếu rõ ràng. Văn sau nói: Trong tràng báu có ánh sáng, rủ cờ phướn báu mà trang nghiêm.

5. Hương hoa nghiêm tịnh, gọi diệu hương là nghĩa về thơm ngát, diệu hoa là nghĩa về nở tròn, diệu man là nghĩa về xuyên suốt, dùng ba sự việc này phân bố khắp xung quanh để làm thành cúng dường. Lại cũng dùng hoa của diệu hương xâu làm thành chuỗi, rủ xuống bốn phía cột cao để làm thành trang nghiêm. Văn sau nói: Treo chuỗi hoa xen lẫn để làm trang nghiêm.

6. Lưới báu nghiêm tịnh, lưới là kín đáo chiếu rọi trang nghiêm. Văn sau nói: Vòng báu-lưới giăng che khắp phía trên. Theo kinh Xưng

Tán Tịnh Độ, bảy báu là: 1- Vàng; 2- Bạc; 3- Phệ lưu ly; 4- Pha chỉ ca; 5- Xích chân châu; 6- A thấp ma yết lạp bà; 7- Mâu sa đà yết lạp ba.

7. Mưa báu nghiêm tịnh, nghĩa là do mưa nhiều và rộng, tất cả đều trở thành tác dụng của pháp môn, cho nên nói là tự tại, tức là hiện thân thuyết pháp, là nói về nghĩa này.

8. Cây báu nghiêm tịnh, là nghĩa về kiến lập các đức. Văn sau nói: Cây báu thanh tịnh và mây trang nghiêm, khắp nơi có thể chiếu sáng tất cả các thân, cho nên cảnh vật sáng ngời.

9. Phật lực nghiêm tịnh, nghĩa là nhờ thần lực của Phật, là nêu ra nhân vốn có ấy; khiến cho như vậy..., là phân rõ về sự thành tựu: Một là khiến cho Thế mở rộng; hai là Tướng trang nghiêm; ba là Dụng soi chiếu. Văn sau nói: Tất cả thế giới hải, có vô lượng trang nghiêm, vòng báu vô biên sắc, thần lực Như Lai khởi.

10. Đặc biệt kỳ lạ nghiêm tịnh. Theo Trí Luận, báu có ba loại: Một là vật báu của loài người, như ngọc báu của Luân Vương luôn luôn dùng để mưa xuống đồ vật; hai là vật báu của loài trời, nghĩa là chư Thiên vốn có đều có thể sử dụng; ba là vật báu của Bồ-tát, có thể khiến cho nói pháp độ người. Nay vật báu này của Bồ-tát so với vật báu của trời-người trước đây đã là kỳ lạ, huống gì Như Lai vốn có vật báu đã phát sinh vô tận thiện căn, đều rất kỳ lạ, bởi vì chính là pháp môn mà lại là vật báu thuộc về Sự.

Ba, một câu sau cùng là tổng kết, bởi vì thiện căn không có hạn lượng, cho nên sinh ra đồ vật trang nghiêm cũng không có hạn lượng, vì vậy nói là vô lượng thiện căn trang nghiêm đạo tràng. Lại cũng bởi vì thiện căn này chính là tác dụng trang nghiêm, như văn sau nói: Trăm vạn ức vầng mây Ba-la-mật và vầng mây thiện căn... để trang nghiêm tòa báu. Nay cũng cùng nguyên cớ ấy. Vô lượng, văn sau nói: Công hạnh của Phật Lô-giá-na trong quá khứ làm cho sát hải của Phật rất thanh tịnh, vô lượng vô số không có giới hạn, tất cả nơi chốn ấy tự tại mà chuyển. Nghĩa còn lại đến trong phẩm sau sẽ trình bày rộng ra. Trong này cũng có sáu tướng tổng biệt-đồng dị-thành hoại, có thể dựa theo nối thông. Phần giải thích về đất nơi đạo tràng (tràng địa), xong.

Hai, trong cây Giác cũng có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, cây Bồ-đề có ba cách giải thích, đó là bên cạnh Y chủ và Trì nghiệp, bởi vì trong Viên giáo thì Y-Chánh vô ngại là tướng của nhân-pháp, đạt được Bồ-đề tức là cây, cao vượt lên sáu tầng trời là hiển bày chiếu sáng mười phương, cho nên nói là rất đặc biệt (thù đặc), đây là cây tổng quát.

Chín câu còn lại là riêng biệt hiển bày về thù đặc:

1) Thân thù đặc, vốn là nghĩa trong suốt kiên cố của thân cây này, cho nên nói là Tịnh lưu ly...

2) Cành thù đặc, đó là cành nhánh của cây vốn là nghĩa phương tiện tùy cơ sai biệt, cho nên nói là Cành báu...

3) Lá thù đặc, đó là lá đầu cành vốn là nghĩa che mát cơ thành tự lợi ích, nên nói là Lá báu..., tầng mây là nghĩa về lợi răng, lại mây dày là nghĩa về mờ mịt.

4) Hoa thù đặc, là nghĩa về tô điểm bằng các hạnh tốt đẹp, tức là do lợi ích mà thành tựu hạnh, cho nên nói là tạp sắc...

5) Quả thù đặc, là nghĩa về hạnh thành tựu cảm đến quả. Như ý, một là bởi vì bình đẳng cứu giúp như ý chủ động giáo hóa, hai là bởi vì cầu mong đều đạt được như ý của chúng sinh đã giáo hóa; Ma-ni là tên gọi chung của ngọc báu, lược bỏ tên chung chọn lấy tên riêng, cho nên gọi là Như ý Ma-ni.

Lại năm câu trên đây làm thành một Thể của cây, nghĩa là pháp giới thanh tịnh như mặt đất, thân Phật hiện bày rõ ràng như mặt đất sinh ra cây, tùy theo cơ thấy khác nhau như phần cành nhánh của cây, trông thấy đều được lợi ích như lá trở thành bóng mát, do lợi ích mà thành hạnh như cây nở hoa, hạnh đầy đủ đạt được quả như cây sinh ra trái. Đây là dựa theo phát khởi giáo hóa thâu nhiếp chúng sinh mà hiện rõ ra cây Phật.

Lại giải thích: Thức vốn có như mặt đất, chủng tánh Bồ-tát trong Thức như hạt giống của cây, phát tâm Bồ-đề như mầm cây mọc lên, tu thêm Chánh hạnh như nuôi lớn thân cây, tùy theo phần vị thành tựu về tu như cây phân nhánh. Đây là dựa theo Tự hành. Che mát làm lợi ích cho người như bóng mát của lá cây, hai hạnh Tự-tha tô điểm qua lại như hoa, nhân tròn vẹn-quả hiện bày như cây kết trái. Đây là dựa theo thứ tự tu hành để thành cây Phật.

Năm câu trên đây trình bày về Thể của cây thâu nhiếp các đức. Xuống dưới có bốn câu, trình bày về diệu dụng tự tại của cây Giác này, đó là

6) Hiển bày về ánh sáng thù đặc, nghĩa là tác dụng của ánh sáng tỏa đến khắp nơi.

7) Hóa hiện đặc thù, đó là tùy nơi đã đến hiện rõ làm Phật sự, bởi vì không ranh giới cho nên không thể nào cuối cùng, tức là tất cả mọi nơi; không ngưng nghỉ cho nên không thể dùng hết, tức là tất cả mọi lúc.

8) Pháp đặc thù, nghĩa là ở các nơi làm Phật sự gì, khắp nơi hiện rõ đạo giáo của Bồ-tát Đại thừa, bởi vì ánh sáng của A-hàm này cho nên có thể hiện rõ về pháp. Và lại, ba câu trên đây nếu như thứ tự thì do ba nghiệp thân-ngữ-ý đã thâm nhiếp.

9) Phật lực thù đặc, nghĩa là Phật lực gia trì phát ra âm thanh khen ngợi về đức, nếu từ trong cây không phát ra âm thanh khen ngợi thì người thế gian không có ai có thể biết đến công đức thù thắng của Như Lai. Sáu tướng tổng-biệt trong mười câu này, có thể dựa theo để biết. Giải thích về cây Giác, xong.

Ba, tòa báu thù thắng. Trong đó cũng có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, theo Trí Luận: “Đức Phật là Sư Tử giữa loài người, nơi Đức Phật ngồi hoặc là giường hay là đất, đều gọi là tòa Sư Tử, chỗ ngồi của vua cũng như vậy. Và lại, ngồi nơi tòa này nói về pháp Vô úy Sư tử hống, cho nên cũng gọi là tòa Sư Tử.” Phẩm Ly Thế Gian ở sau trình bày về tòa Sư Tử trong mười loại tòa, phân biệt về nghĩa diễn thuyết rất sâu xa. Trên đây đều là Y chủ thích, hoặc cũng là Trì nghiệp thích, bởi vì Y-Chánh dung hợp tự nhiên. Lại bởi vì tòa này bao hàm pháp giới, nhân-pháp-giáo-nghĩa, tất cả các pháp và thế giới sâu rộng thù đặc của chư Phật mười phương ấy, cho nên nói không thể nghĩ bàn giống như biển lớn.

Chín câu còn lại là riêng biệt hiển bày về không thể nghĩ bàn (bất tư nghị): 1) Nghiêm sức bất tư nghị, đó là bởi vì Thể thâm nhiếp các đức, cho nên nói là nhiều hoa quý báu vi diệu... 2) Lưu quang bất tư nghị, đó là bởi vì diệu dụng vô phương như mây che phủ khắp nơi, cho nên nói là Lưu quang (thời gian)... 3) Hàm nhiếp bất tư nghị, đó là bởi vì bên trong quy tụ vô số Đại hải Bồ-tát, cho nên nói là Tạng. 4) Ngữ nghiệp bất tư nghị, đó là bởi vì âm thanh to lớn chấn động rất xa làm thành lợi ích khó suy lường, cho nên nói là Bất tư nghị. Và lại, ba câu trên đây tùy theo sự thích hợp, là tác dụng của ba nghiệp thân-ngữ và ý. 5) Gia trì bất tư nghị, đó là tuy tòa này tỏa ra ánh sáng chiếu rọi khắp nơi, nhưng ánh sáng của Đức Phật lại càng che khắp, vốn là hiển bày về thù thắng, bởi vì ánh sáng của ngọc Ma-ni có thể có lúc chiếu rọi đến bốn mươi Do-tuần che phủ cung của Luân Vương, nay ánh sáng của Đức Phật chiếu rọi khắp nơi pháp giới, che phủ khắp tòa này, vượt quá mức lượng ấy, cho nên nói là vượt quá Ma-ni... 6) Biến hóa bất tư nghị, đó là bởi vì tác dụng hóa độ mở mang giác ngộ, cho nên nói là làm Phật sự. 7) Ứng cơ bất tư nghị, đó là căn cơ thuần thực ở mười phương tất cả đều nhìn thấy, một tòa ứng hiện khắp nơi không có gì ngăn ngại. 8) Tấn tốc bất tư nghị,

một niệm là thời gian vô cùng ngắn ngủi, tất cả hóa hiện là hiện ra rất nhiều, đầy khắp pháp giới là rất sâu rộng. Từ một niệm này có thể hiện ra một hóa đã là hiếm có, huống gì hiện ra tất cả? Có thể từ một niệm hóa hiện tất cả đã rất hiếm có, huống là những gì đã hiện ra mỗi một đều sâu rộng đầy khắp pháp giới? Trong khoảng một niệm mau chóng khởi lên Đại Dụng vô biên này, trong niệm niệm còn lại cũng đều theo đúng như vậy. 9) Chân tánh bất tư nghị, đó là bởi vì Thể của Như Lai Tạng bao phủ khắp nơi, khiến cho Diệu Dụng trước đây mau chóng thành tựu không có gì ngăn ngại.

Lại nữa, bốn câu trên đây trình bày về Dụng của tòa này, thứ tự theo nhau. Một là có tướng gì? Hai là ứng như thế nào? Ba là mau chóng như thế nào? Bốn là do đâu mà thành? Như thứ tự bốn câu trả lời về bốn câu hỏi đây, nên biết.

Ba, một câu sau cùng là tổng kết, bởi vì riêng biệt nói khó mà đầy đủ, cho nên kết luận rằng vô lượng các vật báu... Bởi vì tòa cao hiển bày cho nên cũng gọi là đài.

Hỏi: Tòa Sư Tử này có nghĩa lý gì mà gọi là bất tư nghị?

Đáp: Đã gọi là bất tư nghị, thì nghĩa thật sự vô tận, sơ lược luận về mười loại: Đó là 1) Không thể suy nghĩ theo phần có, bởi vì giống như pháp giới; 2) Không thể suy nghĩ theo phần không có, bởi vì cơ mà hiện bày; 3) Không thể suy nghĩ theo Lý, bởi vì hoa báu là trang nghiêm về sự; 4) Không thể suy nghĩ dựa vào Sự, bởi vì tánh Như Lai Tạng; 5) Không thể suy nghĩ theo Y báo, bởi vì Bồ-tát đều đã thành tựu; 6) Không thể suy nghĩ theo Chánh báo, bởi vì là Y quả của Phật; 7) Không thể suy nghĩ theo con người, bởi vì thuộc về pháp sở y; 8) Không thể suy nghĩ theo pháp, bởi vì có đủ ba nghiệp làm tác dụng của con người; 9) Không thể suy nghĩ theo quả, bởi vì có đủ nhân vị của các Bồ-tát; 10) Không thể suy nghĩ theo nhân, bởi vì quả Phật vốn có. Trên đây là mười nghĩa về vô ngại tương tức, nghĩa là một tòa là tướng tổng quát, mười nghĩa là tướng riêng biệt; đầy đủ nghĩa của tòa này là tướng giống nhau, mười nghĩa không xen tạp là tướng khác nhau. Do mười nghĩa này khiến cho pháp của tòa khởi lên là tướng Thành, đều trú vào pháp của mình là tướng Hoại.

Hỏi: Đã nói là bởi vì cơ mà hiện bày, không phải là không có phần lượng, chưa biết phạm vi giới hạn của mức lượng ấy thế nào?

Đáp: Như vậy cũng khó biết, chỉ có thể ví dụ so sánh để phân rõ. Như phẩm Thập Địa nói: “Mức lượng của tòa Bồ-tát Thập Địa chu vi bằng mức lượng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên Đại thiên thế

giới, dùng mức lượng của tòa này so với tòa của Như Lai, thì điều ấy giống như đem đất bằng hạt đậu so với Đại thiên thế giới, thì mức lượng tòa của Như Lai rất khó lường.”

Ba đoạn trên đây tổng quát trình bày về Khí thế gian viên mãn, xong. Từ đây trở xuống là phần thứ ba trình bày về Trí chánh giác thế gian viên mãn, trong đó sơ lược đưa ra năm môn để phân tích: 1) Xác định về thân Phật; 2) Trình bày về dung nhiếp; 3) Hiện bày về sai biệt; 4) Biểu thị về pháp; 5) Giải thích văn kinh.

1. Xác định về thân Phật.

Hỏi: Tám Hội này Phật là những thân nào?

Đáp: Có người giải thích rằng: “Là Hóa thân Phật, bởi vì tám tướng thành đạo dưới cội cây Bồ-đề là Hóa thân, không rời xa mà lên cõi trời là Trùng Hóa, bởi vì tên gọi khác của Thích-ca gọi là Lô-xá-na, không phải là Báo thân nào khác.” Lại có người giải thích rằng: “Phật thuyết kinh này là Thật Báo thân, bởi vì là thân pháp giới của Lô-xá-na, ở trong Tịnh độ Liên Hoa Tạng, cho nên sau Hội thứ bảy ban đầu ca ngợi Đức Phật đầy đủ hai mươi một loại công đức thù thắng ấy, là Thật Báo. Nhưng bởi vì không rời xa Hóa thân cho nên đầy đủ dưới cội cây này, chứ không phải là Hóa thân.” Nay giải thích: Đức Phật này dựa theo trong văn sau là thân của mười Phật nối thông với ba thế gian, bởi vì nói về các địa như Thập Tín và Tam Hiền..., cho nên đã thấy trước đây không phải là Thật Báo. Nhưng bởi vì ở Hoa Tạng không hạn chế về Hóa, cho nên quốc độ-thân... không phải là hai loại trước; thân nhiếp đầy đủ hai loại trước bởi vì tánh dung thông, đầy đủ chủ-bạn bởi vì như lưới giăng của Đế Thích. Vì vậy chỉ là thân của mười Phật rộng khắp pháp giới.

2. Trình bày về dung nhiếp, có hai: Một, thân nhiếp hết tất cả ba thế gian, bởi vì có đủ ba sự việc này mới là Phật, ba thân-hai thân chỉ là thuộc về Trí chánh giác trong ba thế gian, Tịnh độ vi diệu và thân đồng sinh không có gì không đều là sự thân nhiếp trong này. Hai, cũng là Chánh báo trong lỗ chân lông, Y báo trong mảy trần, tất cả lớp lớp thân nhiếp đầy đủ ba thế gian cùng tất cả các pháp như lưới giăng của Đế Thích hiện rõ, dựa theo suy nghĩ có thể thấy.

3. Hiện bày về sai biệt: Đây là một thân Thích-ca ứng hiện nhiều loại sai biệt thuận theo căn cơ chúng sinh. Hoặc cùng là phàm mà không phải là Thánh, như thấy thân chân voi đen ba thước và thân Thần cây..., đây thuộc về phần vị trời-người. Hoặc là Thánh mà không phải là phàm, bởi vì cùng là thân Thánh nhân La-hán. Hoặc cũng là phàm

cũng là Thánh, bởi vì là Thật Báo thân do cha mẹ sinh ra, vì bốn Đại tạo thành cho nên cùng là thân phàm, đầy đủ năm phần Pháp thân, các Lưu không còn cho nên là Thánh. Hoặc không phải là phàm không phải là Thánh, bởi vì là ba thân Đại thừa thâm nhiếp, cho nên không giống như Thánh La-hán Tiểu thừa. Hoặc là Hóa thân chứ không phải là Pháp-Báo thân, bởi vì có đủ tám tướng ở cõi Diêm-phù, sắc tướng biệt lập trên cao vốn là Thật Báo ấy, nói như kinh Phạm Võng..., đây là dựa theo Sơ giáo. Hoặc là Báo thân chứ không phải là Pháp-Hóa thân, tức là thân này có đủ hai mươi một loại công đức thù thắng, bởi vì là Thọ dụng thân, nói như bắt đầu kinh Phật Địa, đây là dựa theo Chung giáo. Hoặc là Pháp thân chứ không phải là Báo-Hóa thân, bởi vì Sắc tức là Như. Kinh nói: Nay thân này của Ta tức là Pháp thân. Đây là dựa theo Đốn giáo. Hoặc cũng là Pháp cũng là Báo-Hóa thân, bởi vì nói như ba loại trước. Hoặc không phải là Pháp thân cũng không phải là Báo-Hóa thân, bởi vì là mười Phật, bởi vì nối thông với ba thế gian, bởi vì đầy đủ chủ-bạn, như văn sau của kinh này nói, đây là dựa theo Viên giáo. Vì vậy thân Thích-ca này viên dung vô ngại rất khó suy nghĩ.

4. Biểu thị về pháp, nhưng Đức Phật thuyết pháp tổng quát có bốn phần vị: Một là cùng thân La-hán, bởi vì biểu thị nói về pháp Tiểu thừa; hai là Hóa thân Phật, biểu thị nói về Tam thừa, mở rộng nói về Địa tiền-tóm lược nói về Địa thượng; ba là Báo thân Phật, biểu thị nói về Tam thừa, mở rộng nói về Địa thượng-tóm lược nói về Địa tiền; bốn là mười thân Phật, biểu thị về pháp Nhất thừa, cùng nói về sáu phần vị, bởi vì pháp vô tận đã nói này đầy đủ chủ-bạn, cho nên Phật cũng cùng mười thân vô tận này.

5. Giải thích văn kinh. Trong văn giải thích về nghĩa của Trí chánh giác này, vẫn dùng mười môn, một môn đầu là tổng quát, chín môn còn lại là riêng biệt.

Trong môn tổng quát, trước là thân an tọa nơi tòa báu, cho nên nói Như Lai ở nơi này...; sau là Trí hợp với nguồn Chân, cho nên nói đối với tất cả các pháp thành tựu Chánh giác bậc nhất. Lại Như Lai, trong luận Địa Trì nói: “Ngôn ngữ đã nói ra không trái với Như, cho nên gọi là Như Lai.” Lại trong luận Chuyển Pháp Luân nói: “Đệ nhất nghĩa để gọi là Như, Chánh giác gọi là Lai, Chánh giác Đệ nhất nghĩa để cho nên gọi là Như Lai.” Lại trong kinh nói: “Thuận theo sáu Ba-la-mật mà thành tựu Chánh giác, cho nên gọi là Như Lai.” Lại trong luận nói: “Thuận theo đạo như thật mà thành tựu Chánh giác.”

Hỏi: Đây là đã ra khỏi chương mà được tên gọi Như Lai, sao

không ở trong triền gọi là Như Khứ?

Đáp: Cũng có nghĩa này, bởi vì kinh nói: “Pháp thân lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sinh.” Đã nói là lưu chuyển, thì nên biết là có Khứ. Hoặc cũng không có Khứ, bởi vì tuy ở trong triền mà không lay động.

Hỏi: Nếu như vậy thì ra khỏi chướng-không lay động lẽ ra không có Lai?

Đáp: Pháp thanh tịnh thuận với Chân, từ Chân mà khởi lên cho nên nhất định có Lai; pháp nhiễm ô trái với lý là pháp Vọng, cho nên không có thể có Khứ. Hoặc cũng không có Lai, bởi vì Thủ giác giống như Bổn giác, đã không có gì khác với Thủ giác, cho nên không có Lai. Vì vậy kinh nói: “Như Lai là không có gì theo đến cũng không có gì ra đi, cho nên nói là Như Lai.” Lại tất cả các pháp là pháp của hai Đấng đã Giác ngộ, Tối Chánh giác là Diệu trí của năng lực Giác ngộ, bởi vì Bồ-tát cũng có tùy phần Chánh giác, nhưng phần vị chưa tận cùng, cho nên không có thể gọi là Tối, nay đã đến nơi cao nhất, cho nên gọi là Tối Chánh giác.

Chín môn còn lại là riêng biệt hiển bày về nghĩa thành Chánh giác của Như Lai, nghĩa là đối với một thân pháp giới của Như Lai tùy duyên hiển hiện có ba lớp ba nghiệp: Một có ba môn trình bày về ba nghiệp bình đẳng tự tại thân nhiếp chúng sinh; hai từ “Kỳ thân biến tạo...” trở xuống là trình bày về ba nghiệp thân nhiếp chúng sinh thành tựu lợi ích không phải là hư vọng; ba từ “Tất năng phổ hiện...” trở xuống là trình bày về ba nghiệp thành tựu lợi ích tức là Dụng quy về Như.

Ngay trong phần một, trước là trình bày về thân nghiệp, trong đó có hai: Câu đầu trình bày về thân nghiệp bình đẳng, tiếp từ “Phổ nhập...” trở xuống là phân rõ về thân nghiệp thân nhiếp chúng sinh. Lại câu trước hiển bày về sâu, câu sau trình bày về rộng. Lại trước là trình bày không dựa vào ba đời, cho nên nói là bình đẳng; sau phân rõ không rời xa ba đời, cho nên nói là hòa vào khắp nơi. Lại đầu là nghĩa về bất biến, sau là nghĩa về tùy duyên. Lại đầu Thế, sau là Dụng. Lại Liễu gọi là chiếu rọi rõ ràng. Pháp ba đời là hiển bày về tất cả các pháp trước đây. Bình đẳng: Một là biết rõ ràng về quá khứ-vị lai... từ hiện tại, cho nên nói là bình đẳng, đây là dựa theo cảnh Tục; hai là biết rõ ràng về pháp ba đời thay đổi, mất đi quy về một thật chứ không có ba sai khác, cho nên nói là bình đẳng, đây là dựa theo cảnh Chân. Ý văn thuộc về nơi này, đây là không trú theo Sự mà hòa vào Lý. Hòa vào khắp nơi...

là không trú vào Lý mà tùy theo Sự. Lại trước thì không làm hỏng Sự mà hiển bày Lý, Lý mà không phải là Sự; sau thì không trái với Lý mà tùy theo Sự, Sự mà không phải là Lý. Lý-Sự dung hòa tự nhiên hai mà không hai, không có gì chướng ngại. Hai câu hiển bày rõ ràng về nghĩa làm nơi nương tựa cho công đức khác là thân nghiệp.

Tiếp đến trình bày về ngữ nghiệp bình đẳng, Diệu âm đến khắp nơi là trình bày về Viên âm của Như Lai như tánh duyên khởi có khắp tất cả mọi nơi mà cũng không làm hỏng về sự giải thích biểu thị riêng biệt. Nếu bởi vì khắp nơi như nhau làm mất đi âm uốn cong ấy, thì Viên chứ không phải là Âm; nếu bởi vì âm uốn cong sai trái truyền khắp mọi nơi, thì Âm chứ không phải là Viên. Nay thì không làm hỏng uốn cong mà khắp nơi như nhau, không động khắp nơi mà khác âm vận, thì gọi là Viên âm của Như Lai, không phải là cảnh giới suy nghĩ của tâm thức. Như hư không có năm loại nghĩa, tựa như Viên âm của Đức Phật cho nên lấy làm dụ:

1) Nghĩa về rộng khắp, ví như Viên âm của Đức Phật rộng khắp pháp giới không có nơi nào không đến được, giống như Mục Liên xa tìm âm thanh của Đức Phật không có được bên bờ.

2) Nghĩa về bình đẳng, nghĩa là hư không tuy có khắp mọi nơi mà Thể luôn luôn không hai, ví như Viên âm của Đức Phật bình đẳng một vị.

3) Nghĩa về vô ngại, nghĩa là hư không này không có gì chướng ngại, ví như Viên âm của Đức Phật tùy theo căn cơ chúng sinh thuận thực, nghe hay không nghe đều không có gì chướng ngại.

4) Nghĩa về đối hiện, nghĩa là tất cả chúng sinh đều nói là hư không ở trước mặt mình, mà hư không không hiện rõ trước mắt; Viên âm cũng như vậy, tùy theo đủ loại căn cơ riêng biệt một mình nghe mà âm thanh không có bên này-bên kia.

5) Nghĩa về hàm thọ, nghĩa là hư không này bao hàm dung nạp các sắc pháp; Viên âm cũng như vậy, thấu nhiếp hàm chứa về nghĩa của các pháp đã giải thích. Nghĩa còn lại nói như ở phẩm Tánh Khởi sau này.

Sau là trong ý nghiệp, có hai: Trước là trình bày về ý nghiệp bình đẳng, tiếp từ “Đẳng tâm” trở xuống là trình bày về ý nghiệp thấu nhiếp chúng sinh. Lại đầu là Lý, sau là Lượng. Lại trước là Trí, sau là Bi. Lại hai lợi không trú vào duyên, bởi vì dung hợp với nhau không có hai tướng. Lại pháp tướng bình đẳng giống như là nơi của trí Phật đi qua, cho nên nói là Hành xứ. Như hư không là dụ cho pháp bình đẳng của

hành này. Lại bởi vì tướng của cảnh-trí như năng-sở cùng phai mờ, như hư không vốn không có gì ngăn ngại, vốn cùng một vị, vốn có khắp mọi nơi, vốn thâm nhiếp chứa đựng, vốn có tác dụng. Lại hoặc chỉ riêng cảnh như hư không, hoặc chỉ riêng trí, hoặc cả hai, hoặc không cả hai, suy nghĩ để theo đúng.

Lại giải thích: Những công đức như Phật quả-giới... xứng với Chân tánh, cho nên nói là bình đẳng; chỉ riêng Phật trí nhận biết, cho nên nói là hành xứ của trí; nhưng bởi vì không có phần hạn cho nên giống như hư không. Phật Địa luận thứ tư nói: “Như khế kinh nói: Cho đến tất cả ví dụ thi thiết, dụ về công đức vốn có của các Như Lai, tất cả đều là phỉ báng các Như Lai, chỉ trừ một ví dụ đó là dụ như hư không, bởi vì vô lượng công đức như giới... của Như Lai giống như hư không, cho đến nói rộng ra.”

Câu sau là tâm bình đẳng tùy thuận chúng sinh, có bốn nghĩa: 1) Không suy nghĩ về lợi ích chúng sinh cho nên nói là tâm bình đẳng; 2) Bình đẳng đạt được Viên giáo; 3) Bình đẳng trao cho quả cao nhất; 4) Bình đẳng đạt được tánh ấy không ngăn ngại nhiếp hóa. Đây tức là đức như hư không ở trước có thể dùng để thâm nhiếp chúng sinh, cho nên nói tùy thuận. Trên đây là ba nghiệp bình đẳng, xong.

Thứ hai là ba nghiệp thâm nhiếp chúng sinh thành tựu lợi ích không phải là hư vọng, trong đó một câu đầu là tổng quát nêu rõ dựa vào cơ, nghĩa là thân ấy an tọa khắp nơi bởi vì có đủ ba nghiệp. Tất cả đạo tràng thì có ba loại: 1) Khắp tất cả phạm vi của núi Tu-di; 2) Khắp tất cả phạm vi của hình dạng cây cối...; 3) Khắp tất cả trần đạo, lớp lớp như phạm vi lưới giăng của Đế Thích. Vì vậy văn sau nói: Là nơi Đức Phật Lô-giá-na thường chuyển pháp luân. Lại về sau kết luận nối thông đều dựa vào văn này.

Hai câu đầu trong phần riêng biệt, trước là trình bày về ý nghiệp: Một là ý nghiệp thâm nhiếp chúng sinh, nghĩa là biết rõ ràng về căn khí cho nên nói đều biết tất cả... Hai là trình bày về thành tựu lợi ích không hư dối, nghĩa là dùng mặt trời trí tuệ phá trừ si ám của chúng sinh, cho nên nói là mặt trời trí tuệ...

Tiếp có ba câu trình bày về thân nghiệp: Một là theo cõi hiện thân, cho nên nói là đều có thể... Hai là dựa vào thân phát ra ánh sáng: 1) Thể của ánh sáng nối thông ba đời cho nên nói là ánh sáng của ba đời; 2) Ánh sáng chiếu rọi đến cảnh ba đời, cũng nói là ánh sáng của ba đời, đều từ trong biển lớn trí tuệ phát ra cho nên nói là ánh sáng của biển trí, đã soi chiếu cơ-cảnh thuận thực cho nên gọi là tịnh. Ba là Vô lượng

ánh sáng, ánh sáng thâm nhiếp quyền thuộc, lại cũng nhiều cho nên vô lượng. Lại chiếu soi thanh tịnh hiển bày sâu xa, sáng ngời rộng lớn vô lượng.

Tiếp hai câu trình bày về ngữ nghiệp: Một là trình bày về Thật giáo không có gì thay đổi cho nên nói là không hoại. Hai là trình bày về nhân là chỗ dựa của giáo cho nên nói là bởi vì Lực-Vô úy... Dĩ ấy là nguyên do, đây tức là hưởng về trước làm nghĩa của nhân. Lại dĩ là giống như dùng, dùng Lực... này mở ra cánh cửa phương tiện, giáo hóa chúng sinh thành tựu Quyền giáo này, vì thế hưởng về Quyền giáo sau này cũng là nơi dựa vào. Lại tự tại lực-quang là dùng thay cho nhau vô ngại, đầy đủ Quyền-Thật. Ba nghiệp thành tựu lợi ích, xong.

Thứ ba là trong phần Dụng quy về Như. Trước là trình bày về thân nghiệp, nghĩa là tuy hiện bày rộng khắp nhiều nơi, nhưng vẫn là Dụng cùng Thể, cho nên nói là như hư không, mà không có đến-đi bởi vì có khắp mọi nơi, vốn là bất động. Khởi Tín luận nói: “Tuy khởi lên Đại Dụng mà cũng không có tướng Dụng có thể đạt được, đây là Dụng mà thường vắng lặng.”

Tiếp hai câu là trình bày về ý nghiệp: Một là loại bỏ Vọng, hai là thuận theo Chân. Lại một là hiểu tánh vĩnh viễn không có, hai là Thật tướng không diệt. Lại trước là hiểu rõ không có tánh ấy, sau là chứng không phải không có tánh ấy. Trung Biên luận nói: “Không có hai có, không có này là hai tên gọi về tướng Không.” Lại ở đây cũng là giải thích về nghĩa thành tựu trước đây, nghĩa là vì sao hiện rõ khắp nơi mà không có đến-đi? Giải thích: Bởi vì hiểu rõ ràng là không có tánh. Vì sao đi-đến mà là không có tánh? Bởi vì đi-đến kia thuận theo bình đẳng, thuận theo Đại Dụng bình đẳng, bóng tối Vô minh không còn, gọi là tắt cả ánh sáng, không mất đi Đại Dụng, cho nên nói khắp nơi hiện rõ sở hành của chư Phật.

Một câu cuối là trình bày về ngữ nghiệp, thế giới của chư Phật là khắp tất cả mọi nơi. Âm thanh không thể nghĩ bàn là vốn thuận theo nhiều loại, cho nên nói là không thể nghĩ bàn. Ba lớp ba nghiệp trên đây, đều có một tổng quát-hai riêng biệt. Lại lớp đầu là tổng quát, hai lớp còn lại là riêng biệt. Lại ba lớp ba nghiệp có chín là riêng biệt, Tối Chánh giác là tổng quát. Đồng-dị-thành-hoại dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Trí chánh giác, xong.

Đoạn lớn thứ hai trình bày về chúng sinh thế gian viên mãn, trong đó một là tổng quát phân tích, hai là giải thích văn kinh.

Trong phần một sơ lược đưa ra mười môn phân biệt: 1) Trình bày

về số chúng; 2) Mới cũ; 3) Xác định căn khí; 4) Thế và xuất thế; 5) Giới thú; 6) Các Thừa; 7) Quyền Thật; 8) Phần vị; 9) Biểu thị về pháp; 10) Nhân quả.

1. Trình bày về số chúng, đó là Hội thứ nhất này có năm mươi lăm chúng, bắt đầu từ Phổ Hiền đến chúng Ma-hê là ba mươi bốn loại, sau từ Thiện Hải cho đến Phổ Hiền là mười tám chúng, hợp với trước toàn bộ là năm mươi hai chúng, chúng trong Hải Tuệ cùng mười phương mới quy tụ và chúng Thắng Âm, hợp với trước toàn bộ là năm mươi lăm chúng. Trong Hội thứ hai có hai chúng mới và cũ, hợp với trước toàn bộ là năm mươi bảy chúng. Hai Hội thứ ba-thứ tư đều có hai chúng Thiên Vương và Bồ-tát, hợp với trước là sáu mươi một chúng. Trong phẩm Thắng Thiên trong Hội thứ năm có năm mươi hai chúng và một chúng vân tập. Hội thứ sáu có hai chúng đồng sinh-dị sinh, và Hội thứ bảy một chúng, hợp với trước toàn bộ là một trăm mười bảy chúng. Trong Hội thứ tám, ba chúng Bồ-tát, Thanh văn và Thiên Vương hợp với trước thì trở thành một trăm hai mươi chúng. Trong đó mỗi một chúng, hoặc dùng số vi trần trong thế giới của mười Phật làm mức lượng, như vậy tất cả đều không có phạm vi giới hạn. Nhưng tất cả tám Hội này đã đều đồng thời dung hợp lẫn nhau thành một Đại Hội pháp giới, thì biết trong mỗi một Hội đều có một trăm hai mươi chúng, không có tướng phạm vi giới hạn. Đây tạm thời dựa theo trong tám Hội của một thế giới này mà nói. Nếu nối thông tất cả thế giới trong pháp giới hư không mười phương, thì tất cả đều có vô biên chúng hội này, hòa vào nhau lớp lớp như lưới giăng của Đế Thích vô tận, tức là Bất khả thuyết bất khả thuyết. Đây gọi là số chúng của hải hội Hoa Nghiêm.

2. Các Hội mới cũ. Hoặc chỉ có cũ chứ không có mới, như hai Hội thứ sáu-thứ bảy. Hoặc chỉ có mới chứ không có cũ, như ba Hội thứ ba-thứ tư-thứ năm. Hoặc cũng có mới cũng có cũ, như ba Hội thứ nhất-thứ hai và thứ tám. Ý còn lại đều nói như trong phần chúng quy tụ ở văn sau.

3. Xác định căn khí. Luận rộng về nêu ra chúng có ba nghĩa: Một là đương cơ, hai là ảnh hưởng, ba là nương pháp. Nay ở đây gồm chung cả ba.

4. Thế và xuất thế, có bốn nghĩa: Hoặc cùng là thế gian, bởi vì hiển hiện trong thời, lại bởi vì là một trong ba thế gian. Hoặc cùng là xuất thế, như hành đức ấy vốn không phải là thế gian thân nhiếp. Hoặc cũng là thế gian-cũng là xuất thế, bởi vì có đủ hai nghĩa trước, lại tùy theo tướng mà luận, bởi vì bắt đầu Phổ Hiền... là xuất thế, còn lại là thế

gian. Hoặc không phải là thế gian-không phải là xuất thế, bởi vì là ra khỏi sự thâm nhiếp của xuất thế. Vì thế cho nên chúng này gồm chung ba phần vị ấy, có đủ bốn câu này.

5. Giới thứ. Ở trong ba cõi trừ ra trời Vô sắc, bởi vì tùy theo tướng dựa vào pháp không phải là thù thắng, như kinh Nhân Vương cũng có trời Vô sắc... Trong năm nẻo trừ ra chúng địa ngục, bởi vì nẻo ấy vô cùng khổ đau dựa vào tướng để hiển bày pháp cũng không phải là thù thắng, như kinh Phương Đẳng Đà La Ni cũng có chúng này. Lại không có chúng Nhân Vương, bởi vì tướng hiển bày không phải là khác lạ, hoặc Bồ-tát tức là chúng người. Hoặc chỉ nêu ra chúng vua, như nói mười tám chúng sau, bởi vì biểu thị cho pháp tự tại. Hoặc gồm chung vua quan, như nói trong ba mươi bốn chúng này, bởi vì có đủ chủ-bạn.

6. Các Thừa. Đại Trí luận nói: “Nếu kinh Tiểu thừa thì ban đầu chỉ nêu ra chúng Thanh Văn, nếu kinh Đại thừa thì ban đầu nêu ra đầy đủ hai chúng Thanh văn và Bồ-tát, nghĩa chuẩn xác nếu như kinh Nhất thừa thì ban đầu chỉ nêu ra Bồ-tát.” Vì sao biết được? Bởi vì luận ấy lấy Đại Phẩm... làm Cọng giáo, chỉ riêng Hoa Nghiêm là Bất cọng giáo, bởi vì không nói chung với Thanh văn.

Lại ba môn trên đây đều có hai cách nói: Trong cách nói thứ nhất có hai: Một là nếu vì thành tựu Tiểu giáo đạt được Tiểu quả... thì chỉ nêu ra Thanh văn, đây là Tiểu thừa ngu pháp, nói như kinh A-hàm...; hai là vì rời bỏ Tiểu thừa hiển bày về cơ đã che phủ, chỉ nêu ra Thanh văn, là giáo hồi tâm của Đại thừa, như đầu kinh Kim Cang Bát-nhã phân rõ. Trong cách nói thứ hai có đủ hai chúng, cũng có hai: Một là hoặc trước tiên nêu ra Thanh văn, sau đó nêu ra Bồ-tát, loại này gồm chung ba giáo Thỉ-Chung và Đốn, phân rõ như kinh Tịnh Danh...; hai là hoặc trước tiên nêu ra Bồ-tát, sau đó nêu ra Thanh văn, loại này gồm chung Đốn giáo và Đồng giáo, phân rõ như kinh La Ma Già, kinh Duy Lô Vương, kinh Hòa Hư...

Ba là trong phần chỉ nêu ra Bồ-tát, cũng có hai: Một là tuy chỉ nêu ra Bồ-tát, chủ-bạn không đầy đủ, nhưng là Đồng giáo Nhất thừa, phân rõ như kinh Thập Nhất Diện...; hai là nếu chủ-bạn đầy đủ thì tức là Biệt giáo Nhất thừa, nói như kinh này.

7. Quyền Thật. Nếu dựa theo Tam thừa, thì Đức Phật ở thế giới Ta-bà này, chúng xen tạp là Thật, bởi vì Thật báo sinh ra; Bồ-tát là Quyền, bởi vì phương tiện hiện bày. Như kinh nói: “Các Bồ-tát ấy ẩn kín vô lượng Lực tự tại của mình...” Hoặc Bồ-tát là Thật, bởi vì Bồ-tát Địa tiền hãy còn sinh ở cõi này; chúng xen tạp là Quyền, bởi vì theo

kinh Đại Tập đều là những Đại Bồ-tát ở phương khác do thích ứng mà hiện ra. Nếu Đức Phật ở Tịnh độ thì Bồ-tát chỉ có Thật, bởi vì Thật báo sinh ra; chúng xen tạp là hóa hiện, bởi vì không phải là thật có. Nhiếp Luận nói: “Trong cõi Thọ dụng thật sự không có những chúng sinh này, bởi vì muốn làm cho Tịnh độ không trống rỗng, cho nên hóa làm chúng sinh tạp loại như vậy. Nếu trong Nhất thừa, Đức Phật ở cõi Hoa Tạng này thì Bồ-tát chúng xen tạp, hoặc đều là Thật bởi vì là định Hải Ấn hiện bày thật đức thâm nhiếp; hoặc đều là Quyền bởi vì tùy duyên mà hiện bày. Nghĩa còn lại dựa theo suy nghĩ.

8. Trình bày về phần vị. Nếu dựa theo Tam thừa thì Phổ Hiền... này đều là Bồ-tát Thập Địa trở lên, Thần vương... kia phần nhiều đều là tùy loại chúng sinh thâm nhiếp, tức là Địa thứ tám trở lên. Nếu trong Nhất thừa thì như ranh giới duyên khởi các phần vị đều như nhau, cho nên một người có đủ năm phần vị, mỗi phần vị đều thu nhận tất cả dựa theo đó.

9. Biểu thị về pháp. Nếu trong Tam thừa thì chỉ dựa vào người để hiển bày về pháp, vẫn là người chứ không phải là pháp. Nếu trong Nhất thừa thì những người như vậy đều là pháp môn Pháp giới duyên khởi. Lại một chúng này vẫn gồm chung ba thế gian, bởi vì hoặc làm thân quốc độ như nước sông hồ giếng suối..., còn lại có thể biết.

10. Nhân quả. Nếu Tam thừa thì chỉ là nhân vị. Nếu trong Nhất thừa thì hoặc đều là nhân, bởi vì chưa phải là Phật; hoặc đều là quả, bởi vì đều là trong Hải Ấn của Phật hiện ra, lại nhờ vào lực giải thoát mà hòa vào biển Phật; hoặc gồm chung nhân quả, bởi vì hai nghĩa trước; hoặc đều không phải, bởi vì lìa tánh bình đẳng, đều nói như trong phần ca ngợi về đức ở sau.

Hai là giải thích văn kinh. Trong mỗi một chúng đều có bốn loại viên mãn: 1) Số viên mãn, đó là trước nêu ra số...; 2) Hạnh viên mãn, đó là nêu ra tên gọi..., bởi vì tên gọi dựa vào hạnh mà lập; 3) Đức viên mãn, đó là ca ngợi về đức...; 4) Cúng dường viên mãn, như ba nghiệp cúng dường... ở sau.

Ở trong chúng viên mãn này có hai: Trước là trình bày về chúng bên ngoài, sau từ “Hải Tuệ...” trở xuống là trình bày về chúng bên trong. Ngay trong chúng bên ngoài cũng có hai: Trước là nêu ra ba mươi bốn chúng đầy đủ ba loại viên mãn trước, sau là thâm nhiếp làm mười tám chúng để hiển bày cúng dường viên mãn thứ tư.

Hỏi: Trong phần nêu ra trước đây dùng Phổ Hiền làm đầu tiên, Ma-hê làm cuối cùng; sau trong phần phát khởi cúng dường vì sao trái

lại với điều này?

Đáp: Cổ đức giải thích rằng: Ban đầu từ thấp hướng lên cao, biểu thị cho hành tiến lên thêm sâu xa; về sau từ cao hướng xuống thấp, biểu thị phần vị tôn quý theo thứ tự. Cách giải thích này khó mà sử dụng, lẽ nào khiến cho Phổ Hiền là thấp kém nhất hay sao? Nay giải thích trước là từ gần hướng về xa, biểu thị dựa vào gốc sinh khởi ngọn; sau từ xa hướng về gần, trình bày tìm theo ngọn trở về gốc. Bởi vì gốc-ngọn không hai, xa-gần không khác, hai văn cùng nêu ra không có gì chướng ngại.

Ngay trong phần trước có hai: Trước là phân rõ về đồng sinh (sinh như nhau), sau là trình bày về dị sinh (sinh khác nhau). Hoặc dùng Thanh văn là đồng sinh, Bồ-tát thân... đều là dị sinh. Đây là dựa theo Tiểu thừa, bởi vì dựa theo tướng trình bày về đồng, như ngồi giống nhau... Hoặc dùng Bồ-tát xuất gia và Thanh văn... là đồng, còn lại đều là dị. Đây là dựa theo Thỉ giáo. Hoặc dùng Bồ-tát là đồng, Thanh văn... là dị. Đây là dựa theo Chung giáo. Hoặc chỉ riêng Bồ-tát Địa thượng là đồng, bởi vì cùng chứng pháp tánh, còn lại đều là dị. Hoặc từ Địa thứ tám trở lên là đồng, bởi vì cùng thuần thực, thuần là vô lậu, hai loại này gồm chung hai giáo Thỉ-Chung. Hoặc chỉ riêng Bồ-tát là đồng, bởi vì nối thông các phần vị, Thân-trời... là dị, bởi vì là đức riêng biệt của pháp giới. Hoặc Bồ-tát, Thân... cùng là đồng, bởi vì pháp giới không hai. Hoặc cùng là dị, bởi vì pháp giới sai biệt. Đây là dựa theo Nhất thừa phân rõ.

Thứ nhất, trong chúng Đồng sinh, một là trong Số viên mãn, Đại có tám nghĩa: 1) Số Đại, đó là mười sát trần...; 2) Đức Đại, đó là bởi vì cùng đầy đủ đức của pháp giới Nhất thừa; 3) Tác nghiệp Đại, đó là bởi vì cứu nổi khổ vô cùng nặng nề của chúng sinh; 4) Kính Đại, đó là bởi vì Thiên Vương cùng bậc Đại nhân đều cung kính; 5) Thắng Đại, đó là bởi vì thù thắng nhất trong tất cả các chúng; 6) Hạnh Đại, đó là bởi vì tu hạnh Tự lợi-Lợi tha ở sáu phần vị; 7) Nguyên Đại, đó là bởi vì mười loại Đại nguyện, mười Tận cú; 8) Thời Đại, đó là bởi vì ba Vô số kiếp hoặc vô lượng Tăng-kỳ mà tu hành.

Bồ-tát, theo Phật Địa luận và Vô Tánh Nhiếp Luận..., tổng quát có ba cách giải thích: Một, nói là Bồ-đề, Trung Hoa gọi là Giác, là sự mong cầu; Tát-đỏa, Trung Hoa gọi là Hữu tình, là sự hóa độ. Từ cảnh làm tên gọi, nghĩa nói là nếu từ tâm mà gọi thì nên nói là Bi Trí. Hai, Bồ-đề như trước, Tát-đỏa là chủ động mong cầu, nghĩa là hữu tình mong cầu Bồ-đề. Đây là dựa theo nhân-pháp làm tên gọi, cũng là tâm-

cảnh làm đề mục. Ba, Bồ-đề như trước, Tát-đỏa Trung Hoa gọi là Dũng mãnh, nghĩa là có chí hướng và năng lực, bởi vì dũng mãnh mong cầu đối với Đại Bồ-đề. Lại Trí Luận nói: “Tát-đỏa hoặc nói là Chúng sinh, hoặc nói là Đại tâm.” Tức là hai nghĩa trên. Cùng (câu), nghĩa là Bồ-tát truyền pháp qua lại cùng nghe, Như Lai qua lại cùng nói. Lại Trí Luận nói: “Xứ như nhau, thời như nhau, tâm như nhau, giới như nhau, kiến như nhau, đạo như nhau, giải thoát như nhau thì gọi là cùng nhau.” Cọng giống như Câu.

Hai là trong Hạnh viên mãn. Bồ-tát tên gọi xen tạp có hai ý: Một là bởi vì hiển bày về thế giới xen tạp như thô-tế... phía dưới; hai là bởi vì chúng này nối thông phần Tựa của tám Hội, đức rộng khắp pháp giới gọi là Phổ, rất thuận với điều hòa thuận thiện gọi là Hiền, Trí Luận gọi là Biến Cát. Trong này cùng tên gọi là Phổ, bởi vì đầy đủ khắp nơi (viên biến). Tiếp tên gọi là Nguyệt bởi vì đức trong lành (thanh lương). Tiếp tên gọi là Vương bởi vì đức tự tại. Tiếp tên gọi là Quang bởi vì tác dụng xóa bỏ bóng tối. Tiếp bởi vì đức kiên cố, tiếp bởi vì đức một mình vượt ra, tiếp bởi vì diễn giáo thanh lương, tiếp bởi vì đức sáng ngời tôn quý. Trí Luận nói:

“Hỏi: Bồ-tát rất nhiều vì sao nêu ra ít?

Đáp: Bồ-tát vô lượng nói không thể hết, nếu đều nêu ra thì văn tự khó ghi chép hết. Lại nữa, Bồ-tát chẳng qua là hai loại, đó là tại gia-xuất gia, phương này-phương khác. Tại gia là như Phong-đà-la..., xuất gia là như Diệu Đức..., phương này là như Từ Thị..., phương khác là như Quán Âm... Nếu nói về hai loại này thì nên biết tất cả đều đã thâm nhiếp hết.”

Giải thích: Đây là dựa theo thế giới Ta-bà mà nói, dựa vào chúng Hoa Tạng như văn có thể biết.

Ba là trong Đức viên mãn có hai: Một là dựa theo người, hai là dựa theo pháp.

Trong phần một, bạn là đức như nhau, tức là hiển bày về nhân quả không hai. Văn này có hai ý: Một, nêu ra Phật hiển bày về đức, như nói muốn nhìn người ấy trước nên nhìn bạn của họ...; hai, vì sao quy tụ ở đây, bởi vì là bạn, bởi vì tác thành lẫn nhau. Sách thế gian nói: “Cùng chí hướng gọi là bạn.” Trong này, Thiện hữu có ba nghĩa: Một là nghĩa về hơn mình, như Thiện Tài tìm bạn; hai là nghĩa về đức như nhau, bởi vì là bạn bè; ba là nghĩa về ít kém, bởi vì Phổ Hiền... gọi là bậc dẫn dắt thứ hai.

Trong phần hai là dựa theo pháp, một câu đầu là tổng quát, tất

cả Bồ-tát này thấy đều thành tựu vô biên công đức, sâu rộng như biển, mười tướng dựa theo đó.

Sau trong riêng biệt phân rõ có hai: Trước là thành tựu công đức thuộc Tự phần, sau từ “Vô thượng trí nguyện...” trở xuống là thành tựu công đức thắng tiến. Nhưng hai phần này nói chung có bảy lớp: 1) Dựa theo phần sinh-thục của một hạnh; 2) Dựa theo hai hạnh, như thực hành bố thí đã thành tựu về sau tu giới...; 3) Dựa theo Tự lợi-Lợi tha để phân; 4) Dựa vào hành vị, lấy đạt được phần vị làm thắng tiến; 5) Dựa theo tỷ chứng để phân; 6) Dựa theo hai phần vị, đó là phần vị trước đã thành là Tự phần, hưởng đến phần vị sau là thắng tiến; 7) Dựa vào nhân quả, nhân thành tựu là Tự phần, tiến vào quả là thắng tiến. Nay trong văn này chủ yếu dựa vào lớp cuối cùng gồm đủ tất cả có thể biết.

Ngay trong Tự phần thành tựu có chín loại công đức: 1) Thành tựu công đức về hành đầy đủ, đó là không có xứ nào, không có thời nào mà không thấy mười Độ như thực hành bố thí..., cho nên nói là các Độ chiếu rọi khắp nơi. 2) Thành tựu công đức của Tuệ nhãn, bởi vì nghĩa nào khiến cho thực hành Độ này mà được đầy đủ khắp nơi? Bởi vì Tuệ nhãn trong sáng như ba đời (tế) ấy, mà quán sát như nhau, cho nên nói là Tuệ nhãn... 3) Thành tựu công đức của Định sâu xa, đó là dựa vào đâu đạt được Tuệ nhãn này? Bởi vì dựa vào Định sâu xa phát khởi. Trong này có ba nghĩa: Một là đối với Định không phân biệt cho nên nói là Tịnh, Định phát ra Tuệ thù thắng cho nên nói là Minh; hai là đối với Định thuần thực xuất nhập không ngăn ngại cho nên nói là Minh Tịnh, như văn sau nói: Phương Đông tiến vào Chánh thọ, phương Tây rời khỏi Tam-muội...; ba là nhanh chóng tiến vào nhiều Định khiến cho một thân nhiếp tất cả, cho nên nói là đầy đủ Minh Tịnh, văn sau nói: Như tiến vào vi trần số các Tam-muội, một Tam-muội phát sinh Định như số vi trần. Ba câu trên đây trình bày về hành Tự lợi. 4) Thành tựu công đức về biện tài vi diệu, đó là khéo léo có thể nói về pháp khó nói ấy, cho nên gọi là biện tài, tức là bốn mươi Vô ngại... ở sau, dùng một lời để nói đến tất cả cho nên gọi là rộng, điều đã nói đều sâu xa cho nên gọi là sâu, sâu và rộng này đều không có bến bờ-không có cùng tận cho nên nói là Vô tận. 5) Thành tựu công đức về chiếu rọi khắp nơi, bởi vì ánh sáng nơi thân công đức của Phật hiện bày rộng khắp chiếu rọi căn cơ chúng sinh. 6) Thành tựu công đức về điều phục hóa độ, đó là khéo léo biết rõ tâm niệm căn khí của chúng sinh, tức là tâm hành rậm rịt như rừng, xứng căn trao cho pháp, điều hòa khiến cho lìa chướng, làm cho khuất phục để tiến vào pháp, cho nên nói như thích hợp mà điều

phục. Ba câu trên đây tức là ba nghiệp thực hành Hóa tha. 7) Thành tựu công đức của Chân trí, dùng trí Kim Cang chiếu rọi khắp nơi tất cả cảnh giới sai biệt, đều cùng một vị pháp tánh bình đẳng. 8) Thành tựu công đức về Lượng trí, dùng Tuệ rộng lớn trình bày về cảnh nhận biết của trí thông hiểu sâu xa, không có gì không cùng tận cho nên nói thấy đều thông suốt rõ ràng. Hai câu trên đây trình bày về đức của trí soi chiếu hai Đấng. Tám câu trên đây là dựa theo hạnh để hiển bày về đức. 9) Thành tựu công đức thâm nhiếp phần vị, câu này có hai nghĩa: Một là thâm nhiếp các hạnh trước đây đưa vào trong năm phần vị như Tín...; hai là hễ ở một phần vị thì thâm nhiếp tất cả các phần vị trước sau. Nghĩa thứ hai này cũng có hai: Một, dựa theo hòa vào nhau trình bày về thâm nhiếp; hai, dựa theo tức là nhau trình bày về thâm nhiếp. Chuẩn xác như ở mười môn trước đây. Đây là các phần vị từ Thập Tín đầy đủ tâm trở đi có nghĩa thâm nhiếp lẫn nhau này, vì vậy trong phẩm Hiền Thủ sau này, ở phần vị Tín đầy đủ thì có đủ tất cả phần vị cho đến quả Phật... , chính là nghĩa này. Trên đây là Tự phần, xong.

Trong phần hai là thắng tiến nhập quả, có hai: Một, mười câu đầu trình bày về Thể đức viên mãn; hai, từ “Biến du...” trở xuống là sáu câu hiển bày về diệu dụng tự tại.

Trong phần một là thành tựu mười loại công đức của Phật quả:

1) Đạt được Phật trí nguyện đức vô thượng, là bởi vì Phật quả không có gì thêm nữa; Trí là Đại trí, tức là bốn trí- mười trí...; Nguyện là Đại nguyện, tức là Nguyện tự Thể không có chướng ngại; Đại trí đã thành, Đại nguyện đã đầy đủ, tất cả đều là hiện nay thành tựu đầy đủ hết rồi, không phải là sẽ thành tựu cho nên nói là đều đã thành tựu đầy đủ.

2) Đầy đủ đức Mật giáo của Phật, câu này có hai nghĩa: Một là lời không tận cùng lý gọi là Giáo bí mật, bởi vì không phải là liễu nghĩa; hai là vi diệu khó hiểu không phải là phần vị dưới có thể suy lường, cho nên gọi là Mật giáo, bởi vì đều là sâu rộng. Trong này dựa vào nghĩa sau mà nói. Thế nào là sâu? Đó là bởi vì nói tức là không nói. Thế nào là rộng? Đó là bởi vì nói mà không nói rộng khắp pháp giới, văn sau Thu Tử như điếc... chính là nghĩa này. Giáo sâu rộng này chỉ riêng Phật vốn có, nay Bồ-tát này đầy đủ giống như Phật cho nên gọi như vậy.

3) Đạt được đức thuộc pháp của Phật quả, đó là công đức của quả vị như mười tám Bất cộng..., hưởng xuống dưới đều gọi là Bất cộng, Phật và Phật hưởng về nhau gọi là Cộng pháp, không phải là cùng với Bồ-tát cho nên nói là Cộng pháp của Phật.

4) Cùng đức của quả vị, câu này có bốn nghĩa: Một là cùng hạnh như Phật, đó là bởi vì hành Đại Bi; hai là cùng địa như Phật, là đạt được Thập Địa của Phật, đó là Tỳ-lô-giá-na Trí tạng Đại hải địa...; ba là cùng đức như Phật, là bởi vì đạt được đức phước trí vô biên của Phật; bốn là cùng lực như Phật, là bởi vì đạt được mười Lực, lại đạt được mười loại Đại lực... nói như phẩm Bất Tư Nghị.

5) Đức tự tại của Tam-muội, câu này có hai nghĩa: Một là bởi xuất nhập tự tại, hai là thấu nhiếp nhau tự tại. Năm câu trên đây là đạt được đức Tự lợi của Phật.

6) Đức về cơ cảm hiện hình, đó là cơ cảm rất nhiều cho nên nói là Sinh hải, thân ứng hiện khắp nơi đầy đủ cho nên nói là Ứng hiện, như kinh nói: “Thuận theo người dùng thân Phật được độ thoát liền hiện ra thân Phật...”

7) Đức về tùy hạnh thấu nhiếp chúng sinh, đó là tùy căn hạnh ấy trao cho pháp môn khiến tăng thêm Chánh hạnh, cho nên nói là Kiến lập. Câu trước là hiện thân, câu này là thuyết pháp. Hai câu này là đạt được đức hóa sinh của Phật.

8) Đức về khéo chứng pháp hải, đó là pháp duyên khởi sâu rộng bao hàm mênh mộng như biển, khéo đạt được ranh giới ấy, cho nên nói là khéo chứng nhập.

9) Đức về hồi chuyển hòa vào biển, đó là khéo léo hòa vào môn duyên khởi Đà-la-ni, khiến cho một thấu nhiếp tất cả, cho nên nói là Hồi chuyển tổng trì.

10) Đức về quả hải chứa đầy thân, đó là bởi vì đối với biển pháp duyên khởi khéo léo xoay chuyển, khiến cho biển pháp công đức vô biên của Phật thấy đều thấu nhiếp tiếp nhận chứa đầy thân mình, cho nên đều đạt được công đức của Phật quả, ý là từ đây. Văn sau nói: Bồ-tát tự tại ở trong nhân duyên hòa hợp, cho đến có thể tùy ý thị hiện thân Phật, là nói đến điều này.

Trong phần hai là diệu dụng tự tại, có sáu: 1) Dụng về đạo khắp các cõi, đây là tận cùng thế giới hải. 2) Dụng về sinh ra nguyện hải, đó là nhờ nguyện lực này tiến vào quốc độ hải. Lại câu trước là đi qua cõi Phật khác, câu này là nguyện trang nghiêm cõi của mình. 3) Dụng về Tam đạt trọn vẹn sáng ngời, bởi vì vị lai khó biết cho nên nêu ra riêng biệt, lý thật thì gồm chung cả ba đời, có thể biết. 4) Dụng về trải qua sự cứng đờng. 5) Dụng về nguyện hải sâu rộng, cho nên nói là nguyện Phổ Hiền. 6) Dụng về trí tròn vẹn giáo hóa chúng sinh, cho nên nói là trí đầy đủ đối với chúng sinh. Chúng đồng sinh, xong.

Thứ hai, trong chúng Di sinh, trước là phân rõ về chúng Kim Cang Lực Sĩ, gần Phật để bảo vệ, cho nên nêu ra trước. Biểu thị đức của Phật duyên khởi không hoại được tướng, bởi vì nơi các hạnh dựa vào như bờ Kim Cang, tức là hạnh quyến thuộc, chúng khác cũng như vậy. Tám câu trong phần ca ngợi về đức: Một là một câu tổng quát trình bày về bốn nguyện hầu hạ Đức Phật; hai là bảy câu riêng biệt hiển bày về đức ấy.

Trong phần một, nếu trong giáo Tam thừa, thì từ Địa thứ tám trở lên mới có thể hiện hình hiển bày hầu hạ, trước đây là bí mật bảo vệ. Trong Nhất thừa, từ Thập Tín đầy đủ tâm trở đi đều hiển bày bảo vệ, như sau nói ở hai phẩm Hiền Thủ-Minh Pháp. Lại nữa, tùy tâm mong cầu về nghĩa là Nguyện, chí thành muốn phù hợp là Thệ.

Trong phần hai là riêng biệt có hai: Trước là đức bên trong viên mãn, sau từ “Vô lượng thân lực...” trở xuống là dụng bên ngoài rộng khắp mọi nơi. Trong phần trước có ba câu: Một là nguyện hạnh đầy đủ; hai là phước trí thanh tịnh; ba là Đại Định sâu xa. Trong phần dụng bên ngoài có bốn câu: Một là lực giống như quả khắp nơi; hai là Đại-Tiểu trở lại hòa vào nhau; ba là thân hơn hẳn chúng biểu thị không sợ hãi đại chúng; bốn là tùy loại khéo léo hiện bày, đều dựa theo như phần duyên khởi.

Thứ ba, Thần đạo tràng, ở dưới cội cây bởi vì gần cho nên thứ tự nêu ra mà thôi. Trong phần ca ngợi về đức sơ lược nêu ra nhân trước kia, như sau nói ở phần Tri thức hồi hướng thứ mười của Thiên Tài. Lại bảo vệ đạo tràng, như Bảo Kế... Lại Thần của đạo tràng, đây là Y chủ thích; hoặc đạo tràng tức là Thần, là Trì nghiệp thích. Nhất thừa gồm chung hai cách giải thích, bởi vì đều là pháp môn. Tam thừa chỉ có Y chủ thích, bởi vì nhân-pháp đều riêng biệt. Sau là tên gọi của các Thần, dựa theo hai cách giải thích.

Thứ tư, Rỗng ở trên vốn là nghĩa bóng che, cho nên nói là Nghiêm Pháp Đường. Như sau nói Phổ Quang Đường do rỗng tạo ra...

Thứ năm, Thần đất ở dưới, là nghĩa về chuyển vận chuyên chở, phần nhiều hiện ra thân nữ, như Kiên Lao...

Thứ sáu, Thần cây ở giữa, là nghĩa về kiến lập, cây đức cao vợi, tình ý vốn ưa thích.

Thứ bảy, Thần thuốc là nghĩa về đối trị, thuốc pháp loại trừ phiền não là Bi môn.

Thứ tám, Thần lúa mè là nghĩa về cung cấp duy trì, nuôi dưỡng nhân dân khiến cho vui mừng, như Hậu tặc cùng với Xã công...

Thứ chín, Thần sông là nghĩa về lưu chuyển tưới thấm. Trong đức,

Cần là nghĩa về lưu chuyển, Ích là nghĩa về tươi thắm.

Thứ mười, Thần biển là nghĩa về đầy đủ đức, như mười tướng... ở văn sau. Trong đức dùng pháp giống như sự, có thể biết.

Thứ mười một, Thần lửa là nghĩa về thành thực, nghĩa về chiếu sáng, nghĩa về đốt cháy, nghĩa về trừ hết bóng tối; dựa theo hai nghĩa đầu là thành tựu hai Nghiêm, hai nghĩa sau là diệt trừ hai Chướng.

Thứ mười hai, Thần gió là nghĩa về tụ tán, như Phong tai làm phân tán, Phong luân duy trì tích tụ... Phân tán phiền não-tích tụ công đức có thể biết, lại chính là khiến cho thân chúng sinh không phân tán, đều là thần lực của gió Lô-xá-na duyên khởi pháp giới. Lại trong gió có năm loại: 1- Gió thuộc hơi thở, hơi thở ra vào từ vùng rốn khởi lên. 2- Gió thuộc tiêu hóa, hướng xuống phía dưới làm tiêu hóa thức ăn. 3- Gió thuộc duy trì, khiến cho người hoạt động khỏe mạnh. 4- Gió thuộc tai họa, khiến cho người trở thành bệnh. 5- Gió thuộc sức lực, người sắp chết thì các bộ phận của thân người rời rã. Mặt người sắp chết có năm sắc gió: Vào địa ngục là sắc đen, loài súc sinh là sắc xanh, loài ngạ quỷ là sắc vàng, đều theo lưỡi mà ra, sinh vào loài người thì sắc mặt như thường, sinh cõi trời thì sắc mặt tươi như hoa, rất rạng rỡ đáng yêu.

Thứ mười ba, Thần hư không thì có bảy nghĩa: 1) Không có giới hạn; 2) Không có ngăn ngại; 3) Chỉ là một vị; 4) Thâu nhiếp chứa đựng; 5) Biểu hiện rõ ràng; 6) Lìa xa nhiễm ô; 7) Kiên cố. Trong năm tên gọi trước dựa theo làm sáng tỏ trong hai đức sau.

Thứ mười bốn, Thần chủ phương là nghĩa về biểu hiện rõ ràng, đó là biểu hiện rõ ràng phương hướng khiến cho thông hiểu mê hướng về chánh, cho nên nói là khéo léo soi chiếu, soi chiếu giống như bày rõ.

Thứ mười lăm, Thần chủ đêm là nghĩa về giúp cho thành tựu, bởi vì không phải là thời gian chính, hoặc là trong đêm tối dẫn dắt chúng sinh, như Dạ Thiên... ở văn sau.

Thứ mười sáu, Thần chủ ngày là nghĩa về đích thực tu tập, bởi vì là thời gian chính, cho nên nói là tin tưởng vui với Chánh pháp; lại là nghĩa về tô điểm sáng ngời, cho nên nói là trang nghiêm.

Thứ mười bảy, A-tu-la mới gọi là A-tổ-lạc. Theo Bà-sa luận gọi là Phi Thiên, Phật Địa luận nói: “Thuộc về loài Trời, bởi vì phần nhiều là đối trá không có thật hạnh của loài trời cho nên gọi là Phi Thiên, như ác hạnh ở thế gian gọi là Phi Nhân, hoặc gọi là Phi đoan chánh, hoặc gọi là Bất tử, ở trong biển lớn làm rượu không thành...”

Hoặc nói là mẹ của Tỳ-ma vốn từ trời sinh ra, cho nên nói là Liệt Thiên. Kinh A-hàm nói: “Lúc kiếp mới thành, trời Quang Âm đến tắm

gội trong biển, nước chạm vào thân thể, xuất tinh trong nước, liền trở thành cục thịt. Trải qua tám ngàn năm mới sinh ra một người nữ, thân như Tu-di, có chín trăm chín mươi chín cái đầu, đầu có ngàn mắt, có chín trăm chín mươi chín lỗ miệng, miệng có bốn chiếc răng, trên răng phát ra lửa, giống như sấm chớp, hai mươi bốn tay, chín trăm chín mươi chín cái chân, bơi ở trong biển đùa nước, tinh vào thân sinh ra một cục thịt. Trải qua tám ngàn năm sinh ra Tỳ-ma Chất-đa, thân có ngàn cái đầu, đầu có ngàn mắt, trong miệng phun ra nước, có chín trăm chín mươi chín cánh tay, có tám cái chân, hình dạng gấp bốn lần núi Tu-di, ăn toàn bùn lãng và ngó sen”. Lại thường tranh chấp với chư Thiên, rộng ra như kinh Chánh Niệm Xứ nói.

Nhưng Tu-la có năm trú xứ: 1) Trong những tướng núi trên mặt đất, như văn sau nói. 2) Dưới phía Bắc núi Tu-di đi vào biển lớn hai vạn một ngàn Do-tuần, vua Tu-la tên gọi La-hầu, Trung Hoa nói là Chương Ngại, có thể dùng tay che kín mặt trời-mặt trăng... thống lãnh vô lượng chúng. 3) Từ đây xuống phía dưới lại vượt qua hai vạn một ngàn Do-tuần, vua tên gọi Dũng Kiện, cũng thống lãnh nhiều chúng. 4) Lại vượt qua hai vạn một ngàn Do-tuần, vua tên gọi Hoa Man, cũng thống lãnh các chúng. 5) Lại vượt qua số này, vua tên gọi Tỳ-ma Chất-đa, Trung Hoa nói là Hưởng Cao, là cha của Xá-chi, thân như năm núi Tu-di, lúc đánh nhau với chư Thiên, từ đáy biển phát ra tiếng lớn nói rằng: Ta là Tỳ-ma Chất-đa, Ta là Tỳ-ma Chất-đa. Lúc ấy núi non ở Diêm-phù cùng lúc chấn động, cũng gọi là Huyệt Cư, nghĩa là trong chỗ ấy có khu thành Quang Minh, vốn là ở trong đó.

Hoặc là thuộc về loài Trời, như Phật Địa luận nói ở trên. Hoặc theo Tỳ-đàm thì thuộc về loài quỷ, bởi vì nịnh bợ sai trái mà che lấp. Hoặc theo kinh Chánh Pháp Niệm thì thuộc về loài quỷ và súc sinh, bởi vì La-hầu là con của Sư Tử... Hoặc theo kinh Già Đà thì thuộc về loài trời-quỷ và súc sinh. Bởi vì như trên đã nói, cho nên chỉ có năm đường. Nếu phân ra sáu đường thì ba phẩm Thượng-Trung-Hạ trong thiện có đủ trời-người và Tu-la, ba phẩm trong ác có đủ ba nẻo dưới, có thể biết. Theo Trí Luận thì La-hầu vua của A-tu-la là Đại Bồ-tát.

Thứ mười tám, Ca-lưu-la mới gọi là Yết-lộ-trà, Trung Hoa nói là loài chim Diệu Sí, cánh chim có các loại màu sắc quý báu trang nghiêm, không phải là chỉ sắc vàng. Theo kinh Hải Long Vương, hai cánh của chim ấy cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, cội Diêm-phù-đề chỉ chứa được một chân. Theo kinh Niết-bàn, chim này có thể ăn tất cả các loài rồng-cá và bảy báu..., chỉ trừ ra Kim cang, bởi vì không có thể làm

cho tiêu được. Lại ăn rỗng sắp mạng chung. Lại người quá khứ đã thọ Tam quy thì không ăn, người buộc sợi chỉ của Ca-sa cũng không ăn. Lại theo kinh Tăng Nhất: «Trong bốn loại sinh thì Kim Sí nếu là chim sinh ra từ trứng, từ dưới cây Thiết-xoa đi vào biển bắt lấy rỗng sinh ra từ trứng, nước hã còn chưa khép lại đã về đến trên cây ban đầu mà ăn. Nếu nhắm đến rỗng sinh ra từ thai thì thân chim liền chết. Nếu chim sinh ra từ thai thì có thể bắt lấy rỗng sinh ra từ thai và trứng, hai loại còn lại thì không được. Nếu chim sinh ra từ ả thấp thì có thể bắt lấy rỗng thuộc ba loại sinh, không được bắt rỗng sinh ra từ biến hóa. Nếu chim sinh ra từ biến hóa thì có thể bắt lấy rỗng thuộc bốn loại sinh. Lại một ngày khác ăn một Đại Long Vương và năm trăm rỗng nhỏ, vòng đi vòng lại quanh Tứ thiên hạ lần lượt mà ăn. Khi mạng sắp chấm dứt, các rỗng nhả độc không còn có thể ăn được, do lửa đói thiêu đốt chim vút cánh lao xuống ranh giới của tầng Phong luân, bị gió thổi trở về lại nơi bắt đầu, qua lại bảy lần không có chỗ dừng chân, liền đến trên đỉnh núi ở tầng Kim Cang luân mà chết. Bởi vì ăn các rỗng, khí độc trong thân thịt phát ra lửa tự đốt. Long Vương Nan-đà sợ cháy núi báu nên tuôn mưa xuống dập tắt lửa, hạt mưa lớn bằng trục xe làm cho thân thịt tiêu tan, chỉ có quả tim còn lại, lớn bằng bắp đùi con người, thuần sắc lưu ly xanh, Luân Vương có được dùng làm ngọc châu quý báu, Đế Thích có được làm hạt ngọc trong búi tóc». Lại văn sau nói rằng : Bồ-tát Kim Sí Vương, trong biển rộng sinh tử, bắt lấy trời-người-rỗng, đặt lên bờ Niết-bàn, là nói đến điều này.

Thứ mười chín, Khẩn-na-la mới gọi là Khẩn-nại-lạc. Trung Hoa nói là Ca Thân, có thể xướng ca-ngâm vịnh-trỗi nhạc, tạp tâm thâm nhiếp vào loài súc sinh; cũng gọi là Nghi Thân, nghĩa là thâm nhiếp trong loài súc sinh này, hình dáng tương mạo tựa như người, khuôn mặt rất đoan chánh, trên đỉnh đầu có một sừng, người thấy sinh lòng nghi ngờ, không biết là người, là quỷ hay là súc sinh, cho nên nói là Nghi.

Thứ hai mươi, Ma-hâu-la-già mới gọi là Mạc-hô-lạc-ca, Trung Hoa dịch là Đại Phúc, cũng gọi là Đại Mãng, lại gọi là Phúc Hành Thân, bởi vì có thể hộ pháp, có thể trừ nghi ngờ.

Thứ hai mươi mốt, Cưu-bàn-trà. Theo kinh Chánh Pháp Hoa gọi là Yếm Mị quỷ, ăn tinh khí của người... Cũng gọi là Đông Qua quỷ, vua tên là Tỳ-lâu-lặc, Trung Hoa nói là Tăng Trưởng, chủ của phương Nam này, Thiên Vương thống lãnh hai bộ quỷ: Một gọi là Cưu-bàn-trà, hai gọi là Bế-lệ-đa, từ sự thống lãnh làm thành tên gọi.

Thứ hai mươi hai, Quỷ thần vương là Tỳ-sa-môn ở phương Bắc,

Trung Hoa nói là Đa Văn, cũng là do sự thống lãnh làm thành tên gọi, bởi vì thu nhiếp các ác quỷ không để cho tổn hại não loạn đến chúng sinh, cho nên nói là Cần Hộ.

Thứ hai mươi ba, Nguyệt là nghĩa về trong lành, như văn sau nói Bồ-tát thanh lương nguyệt...; hai là nghĩa về tỏa ra, như hoa sen nở ra..., chính là như văn phát tâm quý báu... Lại theo Câu Xá luận: “Mặt trăng cách mặt đất bốn vạn Do-tuần, rộng năm mươi Do-tuần, dùng thủy tinh và bạc trắng hợp lại làm thành hai mặt, xoay chuyển theo nhau cho nên có tròn khuyết”. Theo kinh Trường A Hàm: “Khu thành ấy vuông vức một ngàn chín trăm sáu mươi dặm, cao cũng như vậy; có hai phần, một phần làm bằng vàng cõi trời, một phần làm bằng lưu ly, tòa của vua là hai mươi dặm, nhìn từ xa tựa như tròn, tuổi thọ của trời là năm trăm tuổi, con cháu nối tiếp theo nhau một kiếp”.

Thứ hai mươi bốn, Nhật là mặt trời rộng năm mươi một Do-tuần, khu thành ấy vuông vức hai ngàn bốn mươi dặm, cao cũng như vậy. Cung thành trang sức hoàn toàn bằng vàng và bảy báu, tòa của vua là hai mươi dặm, thọ mạng và con cháu giống như Nguyệt Thiên. Bởi vì gió duy trì cho nên vòng quanh bốn phía của núi Tu-di.

Thiên tử Nhật-Nguyệt trên đây cùng là trái-phải của Tứ Thiên Vương thuộc về cõi Trời thứ nhất, đều là đạo lực tùy duyên hình thể khác nhau hiện bày kỳ lạ. Trong đức, câu đầu là Tự lợi, câu sau là Lợi tha. Như mặt trời có nghĩa về thành tựu, có nghĩa về nhiều ích. Lại theo Bảo Tánh luận: “Mặt trời có bốn nghĩa: 1) Phá trừ bóng tối như Tuệ; 2) Chiếu rọi hiện rõ như Trí; 3) Tròn vẹn thanh tịnh như giải thoát; 4) Ba nghĩa trên không lìa xa nhau giống như cùng pháp giới”.

Thứ hai mươi lăm, Đạo Lợi thiên, Trung Hoa nói là Tam Thập Tam Thiên. Tam Thập Tam Thiên, trong Phật Địa luận quyển thứ năm nói: “Bốn phía núi Diệu Cao đều có tám Đại Thiên Vương, Đế Thích ở chính giữa cho nên có ba mươi ba”. Nếu đầy đủ thì nên nói là Thích-ca Đề-bà Nhân-đà-la, Trung Hoa nói là Năng Thiên Chủ. Theo kinh Tam Pháp Độ: : “Thiên Tử trong cõi này thân cao một Do-tuần, áo dài hai Do-tuần, rộng một Do-tuần, nặng sáu Thù, thọ một ngàn tuổi”. Trong đức đầy đủ Tự lợi-Lợi tha, có thể biết.

Thứ hai mươi sáu, Dạ Ma thiên, Trung Hoa nói là Thời Thiên, theo lúc hoa nở-khép để phân biệt ngày đêm mà gọi tên. Phật Địa Luận nói: “Đó là trong này thường xuyên thọ nhận vui sướng cho nên gọi là Thời Phần, trời cõi này thân cao hai Do-tuần, áo dài bốn Do-tuần, rộng hai Do-tuần, áo nặng ba Thù, thọ hai ngàn tuổi”. Trong đức là Tự phần

và thắng tiến, có thể biết.

Thứ hai mươi bảy, Đâu Suất thiên, mới gọi là Đổ-sử-đa, Trung Hoa nói là Hỷ Túc. Phật Địa luận nói: “Thân cuối cùng của Bồ-tát giáo hóa ở cõi trời ấy, phần nhiều tu hạnh hỷ túc cho nên nói là Hỷ Túc”. Theo kinh Trường A Hàm: “Thân cao bốn Do-tuần, áo dài tám Do-tuần, rộng bốn Do-tuần, áo nặng một Thù, Ngộ ăn cam lồ, thọ bốn ngàn tuổi”. Trong đức là Tuệ và Định, có thể biết.

Thứ hai mươi tám, Hóa Lạc thiên, Phật Địa luận gọi là Lạc Biến Hóa thiên, thích tự mình biến hóa làm ra các nhạc cụ để tự tiêu khiển. Lại tự hóa ra nhạc cụ, trở lại tự mình thọ dụng không phạm đến người khác, cho nên gọi là Thiện Hóa, cũng gọi là Hóa Lạc. Theo kinh Tam Pháp Độ: “Thân cao tám Do-tuần, áo dài mười sáu Do-tuần, rộng tám Do-tuần, áo nặng một Thù, ăn cam lồ, thọ tám ngàn tuổi.” Trong đức có đủ Tự lợi-Lợi tha.

Thứ hai mươi chín, Tha Hóa Tự Tại thiên, trong Phật Địa luận, khiến cho người khác hóa làm các nhạc cụ, hiển bày về tự tại của mình cho nên gọi tên. Theo kinh Tam Pháp Độ, thân-áo và thọ mạng dựa theo đó hơn trước gấp bội. Trong đức là tự tại tiến vào pháp.

Thứ ba mươi, Đại Phạm thiên, mới gọi là Ly Dục Nhiễm, cao nhất trong Tịnh cho nên gọi là Ly Dục. Phật Địa luận nói là lìa dục vắng lặng cho nên gọi là Phạm, thân ấy là chúng. Theo kinh Trường A Hàm, ở trong Phạm Chúng dùng Phạm Âm nói năng cho nên gọi tên. Thiên là nghĩa về tự tại, nghĩa về tươi sáng, nghĩa về thanh tịnh. Theo Trí Luận: “Thiên có là Phật Bồ-tát đều là Đệ nhất nghĩa thiên”. Thi Khí, Trung Hoa nói là Hỏa Sắc, hoặc nói là Hỏa Đảnh, bởi vì hỏa tai đến được cõi này. Nếu tu thiền bậc Thượng thì sinh đến cõi trời này. Ở giữa Phạm Chúng phát ra Phạm Âm lớn, các trời đều tự cho là chỉ nói với mình, ở Đại thiên thế giới được tự tại nhất, nhan sắc như Đồng tử, thân sắc bạc trắng, cao nửa Do-tuần, mặc áo sắc vàng, không phải nam-không phải nữ, thiền duyệt làm thức ăn, thọ một kiếp. Đây là theo Trường A Hàm phân rõ. Trong đức có bốn câu: 1) Lấy gì để độ; 2) Độ điều gì; 3) Trừ điều gì; 4) Thành tựu đức gì. Như vậy có thể biết.

Sơ thiên Đại-Tiểu đều ở một ngàn thế giới hệ (Tứ thiên hạ) thuộc cõi Dục, một ngàn Sơ thiên mới bằng Nhị thiên. Nhị thiên là đỉnh cao của Hỏa tai, một ngàn Nhị thiên mới bằng Tam thiên. Tam thiên là đỉnh cao của Thủy tai, một ngàn Tam thiên mới bằng Tứ thiên, Tứ thiên là đỉnh cao của Phong tai. Lại nữa, Phạm Ma, Trung Hoa nói là Tịch Tịnh Thanh Tịnh Khiết, cũng đều có thể nói là Phạm Khiết. Lại nữa, Thi Khí

là đứng đầu Sơ thiên đỉnh cao của Hỏa tai. Lại nói là Trì Kế...

Thứ ba mươi mốt, Quang Âm thiên, theo Trí Luận: “Thiên thứ hai gọi chung là Quang Âm, lúc trời ấy nói, miệng phát ra ánh sáng thanh tịnh vô biên, thân cao hai Do-tuần, thọ hai kiếp. Lại vì Sơ thiên phát ra âm thanh Hỏa Quang, dẫn dắt thâu nhiếp khiến cho sinh đến cõi trời này cho nên gọi tên. Trong đức là Tuệ và Định, có thể biết.

Thứ ba mươi hai, Biến Tịnh thiên, bởi vì lìa xa Hỷ trong Tam thiên, thân tâm đều thanh tịnh. Theo kinh Trường A Hàm, dùng phương tiện bậc Thượng sinh đến cõi trời này, Thiên Vương tên gọi Tịnh Trí, bốn cánh tay nắm Phong luân cưỡi chim cánh vàng (Kim Sí). Trong đức, bởi vì đây là phần vị của niềm vui (Lạc), khiến cho đạt được niềm vui mở rộng của Chân tánh.

Thứ ba mươi ba, Quả Thật thiên, bởi vì Thiên thứ tư là thù thắng nhất trong quả Thiện của thế gian, cũng gọi là Quảng Quả. Trong đức, bởi vì là phần vị Bất động cho nên tiến vào tánh vắng lặng.

Thứ ba mươi bốn, Ma-hê Thủ-la thiên, theo Trí Luận: «Trung Hoa nói là Đại Tự Tại Thiên, có tám cánh tay, ba mắt cưỡi trâu trắng lớn, biết số giọt mưa trong Đại thiên thế giới, bởi vì ở trong Đại thiên thế giới vô cùng tự tại, lại không có gì hơn được cho nên lập ra tên gọi.» Lại theo Trí Luận quyển thứ nhất nói: “Thiên thứ tư có tám loại, năm loại là trú xứ của A-na-hàm, là Tịnh Cư; ba loại là phạm Thánh cùng cư trú, vượt qua tám nơi có trú xứ của Bồ-tát Thập Trú, cũng gọi là Tịnh Cư, hiệu Đại Tự Tại Thiên Vương. Vì vậy nên biết, tên gọi Tịnh Cư có bốn loại: 1) Dựa theo báo thuận tịnh, đây là gồm chung phạm Thánh; 2) Dựa theo đức vượt qua phạm, ở đây chỉ có bậc A-na-hàm; 3) Dựa theo nhân, như nói có Bồ-tát Thập Trú, Bồ-tát Thập Trú tức là Thập Địa, trong Thập Địa là quả báo của Địa thứ mười thâu nhiếp; 4) Dựa theo quả, nghĩa là trong này có Báo thân-Tịnh độ... trong Tam thừa, cho nên lập ra tên gọi này”. Lại dựa theo Trí Luận, ngoài tám cõi trời lại có trời riêng biệt của Bồ-tát Thập Trú.

Ba là ca ngợi về đức, văn này có hai cách giải thích: 1) Chỉ hiển bày về đức của chúng này; 2) Gồm chung phân rõ về đức của chúng Di sinh trước đây. Lại tức là giải thích về điều nghi ngờ, nghi ngờ rằng trước đây Phổ Hiền cùng sinh, cùng ở trong biển quả, chúng Di sinh này đã là tạp loại thấp kém cuối cùng, vì sao cũng thâu nhiếp ở trong biển quả? Giải thích như trong văn. Hai câu đầu tổng quát nêu ra, nghĩa là bên trong tu lìa tướng, bên ngoài dự vào phẩm loại thù thắng ở trong biển quả duyên khởi.

Sau là trong riêng biệt phân rõ có hai: Đầu là nêu ra đức ấy, sau từ “Sở dĩ...” trở xuống là giải thích về cùng chung biển quả. Trong phần đầu có hai: Một câu đầu là bên ngoài giáo hóa rộng khắp, tiếp là đức bên trong đầy đủ. Trong đầy đủ có bốn: Một là ba nghiệp thù thắng; hai là cùng Thừa với Phật; ba là Đoạn đức lia nhiễm; bốn là chiếu sáng nguồn Chân.

Trong phần một: Một, thân thành tựu diệu sắc; hai, ý khéo an trụ; ba, lời lẽ biện giải không nghiêng lệch. Trong này đầu là rời xa không có thể nói, cho nên đối với chúng không nghiêng lệch; sau là rời xa không có thể đáp, cho nên khó không có gì có thể làm hỏng. Sở dĩ có đủ ba nghiệp thù thắng này, là bởi vì Thừa của Phật thường hiện rõ trước mắt. Sở dĩ Thừa của Phật có thể hiện rõ trước mắt, là bởi vì rời xa hai chướng. Sở dĩ được rời xa hai chướng này, là bởi vì nhìn thấy duyên thù thắng, cho nên tiến vào biển Phật. Đây tức là dùng sau để giải thích trước. Lại có nghĩa lấy trước để giải thích sau, nghĩa là bởi vì có đủ ba nghiệp thù thắng này, cho nên Thừa của Phật hiện rõ trước mắt. Thừa của Phật hiện rõ trước mắt, cho nên được rời xa hai chướng. Rời xa hai chướng cho nên được thấy thân pháp giới của Phật, vì vậy được ở trong số chúng. Bởi vì nếu vốn có chướng ngại thì nhìn mặt trời hãy còn mất đi ánh mắt, huống gì có thể thấy Phật, như sau nói giống như người mù... Lại trong Đoạn đức có hai câu, câu đầu là chúng tử tập khí hoàn toàn diệt mất, câu sau là Chánh sử loại trừ đã lâu, vẫn có thể thấy.

Trong giải thích về cùng chung (đồng) có hai: Một là quả có thể thâm nhiếp nhân, hai là nhân có thể tiến vào quả. Trong phần một có hai: Trước là đưa ra, tiếp là giải thích. Ý đưa ra vì sao chúng này cùng ở trong biển Phật? Ý giải thích là bởi vì Phật thành tựu chúng ấy cho nên không sai khác. Trong đó có ba: 1) Nêu ra Phật làm duyên của hạnh; 2) Từ “Chúng chủng nhân duyên...” trở xuống là trình bày về dựa vào duyên thành tựu hạnh; 3) Từ “Các tùy...” trở xuống là kết luận hạnh thuộc về duyên.

Trong phần một có ba câu: Một là thời gian trước kia; hai là công hạnh trước kia; ba là vì chúng sinh quy tụ thiện căn.

Trong phần hai là thành tựu hạnh có năm câu: Một là một câu khiến cho đạt được phần vị Tam Hiền; hai là một câu về chứng phần vị của Địa; ba từ “Đãi đặc...” trở xuống là trình bày về phần vị Địa thứ tám trở lên; bốn từ “Giai tất...” trở xuống là thành tựu phần vị Pháp Vân; năm đây đủ là kết luận tổng quát.

Trong phần ba là kết luận hạnh thuộc về duyên: Một là đều tùy

theo đạt được phát ra kết thành hạnh, đều do... là thuộc về duyên, cho nên ở trong biển quả. Hai là nhân có thể tiến vào quả, nghĩa là nương theo giải thoát... tức là vốn thuận theo nhân tiến vào quả, vốn thuận theo riêng biệt tiến vào tổng quát, vốn thuận theo cửa tiến vào biển; như mười loại giải thoát-chín đời tức là nhau trong văn sau, thuận theo lực này cho nên đạt được nhân quả viên dung cùng một thời gian (tế). Vì vậy đối với pháp môn trong biển quả của Phật đều được tự tại. Văn sau ca ngợi về pháp môn tức là sự việc ấy. Nếu Tam thừa thì không được như vậy, bởi vì sự việc khác, bởi vì thầy trò riêng biệt.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ hai: Cúng dường viên mãn. Trong phần từ xa hướng đến gần phân rõ về mười tám chúng, trong ba mươi bốn chúng trước đây, ở trong Tứ Thiên sơ lược nêu ra Nam-Bắc, nêu ra đầy đủ các Thần. Nay trong phần phát khởi cúng dường này từ Thần đạo tràng đến Ma-hầu-la-già, tóm lược mười tám chúng này hiển bày đầy đủ về Tứ Vương, vì sao như vậy? Giải thích rằng: Bởi vì rồng... trước đây thuộc về phương Tây thâm nhiếp, các loại khác phần nhiều do phương Đông thâm nhiếp, bởi vì hai loại này đã thống lãnh nhiều, cho nên phân vua thuận theo chúng, lược qua hai Vương ấy hiển bày đầy đủ mười tám chúng. Nay ở đây muốn trình bày về vị Thượng thủ ca ngợi Đức Phật, thâm nhiếp chúng thuận theo Vương, Đông-Tây thâm nhiếp toàn bộ, cho nên lược qua mười tám chúng ấy nêu ra thêm hai Vương, bởi vì đã thống lãnh Nam-Bắc, trong văn không mở rộng-không giống như Đông-Tây, cho nên không có khai-hợp. Vì vậy trong ba mươi bốn chúng lược qua mười tám chỉ có mười sáu, lại thêm vào hai Vương cho nên thành ra mười tám. Trong đó trước thì trước giống-sau khác, nay lại trước khác sau giống, vì sao như vậy? Nghĩa là trước biểu thị dựa vào gốc phát khởi ngọn, nay trình bày thâm nhiếp ngọn quy về gốc. Lại trong Di sinh, trước thì trước thua kém-sau thù thắng, nay lại trước thù thắng-sau thua kém, vì sao như vậy? Nghĩa là trước biểu thị về pháp thêm sâu xa, nay hiển bày về thứ tự phân vị cao quý. Lại giải thích: Những điều này đều hiển bày về pháp giới duyên khởi nghịch thuận tự tại không có gì chướng ngại tổng hợp làm thành chúng của một Đại pháp giới, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Đã nói phát khởi cúng dường, vì sao không nêu ra các sự cúng dường? Giải thích: Sự cúng dường không phải là kỳ lạ không đủ để hiển bày thù thắng. Trong kinh nói: “Cúng dường pháp là bậc nhất trong các sự cúng dường”. Vì vậy chỉ hiển bày về cúng dường pháp mà thôi. Nếu như vậy thì vì sao ở văn sau Hải Tuệ và chúng mới quy tụ đều nêu ra sự việc cúng dường? Giải thích: Hải Tuệ và các

chúng từ trong chỗ ngồi bước ra, lại sắp xếp sự việc cúng dường là hiển bày về kỳ lạ, bởi vì chúng khác ở phương khác đều từ quốc độ của mình sắp xếp sự việc cúng dường ấy, không giống như chúng thường đi theo ở cõi này. Như Đức Phật Thích-ca lấy Xá-lợi-phất... làm chúng thường đi theo, chỉ lấy sự tu hành giáo hóa người làm pháp cúng dường, lại cũng không phân rõ về những sự việc cúng dường khác; thân Lô-xá-na này quyến thuộc cũng như vậy. Trong đó đều tiến vào pháp môn, thấu hiểu tự tại là ý nghiệp cúng dường, nói kệ ca ngợi Đức Phật là ngữ nghiệp cúng dường, ở trong Hội cung kính là thân nghiệp cúng dường. Lại luận về pháp cúng dường thì có hai loại: 1) Thuận theo giáo tu hành, đạt được pháp tự tại; 2) Ca ngợi biểu hiện về pháp giáo hóa truyền bá thông suốt. Nay ba nghiệp này có đủ hai hạnh ấy.

Trong văn có hai: Một, có một câu tổng quát nêu ra, cho nên nói đều đối với pháp môn của Phật mà được tự tại. Sau, trong riêng biệt phân rõ có hai: Một là mười bảy chúng đều một pháp môn tự tại, phân tổng quát thành riêng biệt gọi là Dị sinh; sau là Phổ Hiền một người gồm tất cả pháp môn tự tại, thâu nhiếp riêng biệt thành tổng quát, bao gồm khác nhau quy về rộng khắp gọi là Đồng sinh. Vì thế cho nên hai chúng cùng một duyên khởi, nên suy nghĩ điều này.

Mười tám chúng trong văn tức là mười tám đoạn, mỗi một đoạn đều có hai: Trước là trường hàng về đạt được pháp, là nêu ra theo thứ tự của người kết tập kinh tạng; sau là kệ tụng ca ngợi, là văn lúc bấy giờ.

Ngay trong chúng Thủ-la thứ nhất trong mười chúng Trời đạt được pháp:

Một, trình bày về Thể-Dụng. Trong Thể, pháp giới là cảnh Không, vắng lặng là Chứng. Trong Dụng, phương tiện là khéo léo thích ứng với cơ; quang minh là soi chiếu giác ngộ thành tựu lợi ích; pháp môn là pháp có ba nghĩa, đó là tự tánh-quỹ tắc và đối trí; môn có bốn nghĩa: 1) Nghĩa về nêu ra riêng biệt, như môn này không phải là những môn kia; 2) Nghĩa về trí thông suốt thường xuyên tiến vào; 3) Nghĩa về tiếp nhận hòa vào, tất cả hòa vào một lấy một làm môn; 4) Nghĩa về đưa ra thông suốt, bởi vì ở trong một môn có thể đưa ra tất cả không cùng tận. Pháp này tức là môn, là Trì nghiệp thích; pháp giới hư không... tức là pháp môn, cũng là Trì nghiệp. Các môn sau đều dựa theo đây biết được. Những loại này đều là pháp môn sai biệt trong cảnh giới Phật của pháp giới duyên khởi.

Nhưng các chúng này đều thâu suốt một môn tiến vào trong biển Phật, thuộc về đức riêng biệt của Phật, cho nên gọi là tự tại. Lại đối với

một môn này thấu nhiếp tất cả các môn, bởi vì tác dụng vô tận cho nên gọi là tự tại. Sau đều dựa theo như vậy.

Hai, tất cả các pháp là cảnh, đạo qua khắp nơi là trí. Lại đầu là giáo-sau là nghĩa, tụng còn lại giải thích sau.

Ba, không sinh diệt là Pháp thân, phương tiện là Sắc thân. Lại đầu là chứng đạo, sau là giáo đạo. Lại không sinh diệt thì có mười nghĩa: 1) Lý chân thật lia tướng hữu vi, vốn là không sinh không diệt. 2) Không phải là hữu vi cho nên không sinh, là vô vi cho nên không diệt. 3) Không giữ lấy tánh cho nên không sinh, không thay đổi tánh cho nên không diệt. 4) Không biến đổi cho nên không sinh, tùy duyên cho nên không diệt (trên đây là dựa theo Viên thành). 5) Duyên khởi không có tánh cho nên không sinh, duyên khởi không mất đi cho nên không diệt. 6) Duyên khởi không mất đi cho nên không sinh, bởi vì lý tánh không hiện rõ; duyên khởi không có tánh cho nên không diệt, bởi vì lý tánh hiển bày. 7) Bởi vì duyên khởi cho nên không thể chọn lấy sinh diệt (trên đây là dựa theo Y tha). 8) Bởi vì tình chấp vô lý cho nên không có gì có thể sinh diệt. 9) Sở chấp cho nên không sinh, là cảnh của quán Vô tướng cho nên không diệt (trên đây là dựa theo sở chấp). Trên đây là dựa theo cảnh, phương tiện là đối với căn cơ khéo léo hiện bày về các đạo lý trên. 10) Không trú vào thế gian cho nên không sinh, không giống như phàm phu; không trú vào Niết-bàn cho nên không diệt, không giống như Nhị thừa. Bởi vì không sinh cho nên có phương tiện, không trú vào Niết-bàn; bởi vì không diệt cho nên có phương tiện, không trú vào thế gian. Nếu không như vậy thì khác phàm phu sẽ giống với Tiểu thừa, khác Tiểu thừa sẽ giống với phàm phu, bởi vì phương tiện cho nên có thể khác với cả hai. Mười nghĩa trên đây tổng-biệt không hai, dùng sáu tướng dung hòa trọn vẹn, suy nghĩ dựa theo đó.

Bốn, trí khéo léo vốn sâu rộng khó lường, ánh sáng vốn là trừ bỏ bóng tối, thường xuyên di động là tiến lên từng bước.

Năm, dựa vào thiền Phổ Môn cho nên nói là tất cả, bởi vì thấy được lý pháp giới của Phật, bởi vì diệt trừ phiền não mê hoặc, sinh khởi vô lượng niềm vui.

Sáu, phần nhiễm ô đáng sợ cho nên chuyển sang trừ diệt, phần thanh tịnh vắng lặng cho nên chuyển sang hiện rõ, thường xuyên di động là chứng.

Bảy, cảnh giới là phạm vi, bởi vì hóa dụng khắp nơi; không khởi là không làm, bởi vì dụng mà luôn luôn vắng lặng.

Tám, diệu sắc vốn là ba đời, nhưng đức của Phật ứng với cơ mà không có gì qua lại.

Chín, lý chân thật vắng lặng là cảnh sở duyên của Phật.

Mười, Phật có nhiều phương tiện vốn là sở duyên của chúng sinh.

Trong mười pháp môn này, môn đầu là tổng quát, chín môn còn lại là riêng biệt, đồng-dị-thành-hoại dựa theo có thể biết.

Trong tụng trước tiên là sinh khởi, nhờ Phật lực là hiển bày không phải sức của mình, quán xét chúng của mình là bởi vì nêu rõ thâm nhiếp khắp nơi, bởi vì hiển bày cùng nhau nói. Vì sao kệ ca ngợi? Trong Địa Luận nói: “Chữ ít mà thâm nhiếp nhiều nghĩa, cho nên những người ca ngợi phần nhiều dùng kệ tụng.” Lại tụng có bốn loại: 1) Số chữ trong tụng, nghĩa là y theo ba mươi hai chữ trong Phạm Bản làm một bài tụng, không hỏi đến trường hàng và kệ. 2) Già Đà tụng, Trung Hoa nói là Phúng tụng, hoặc nói là Trực tụng, nghĩa là không tụng về trường hàng. 3) Kỳ Dạ tụng, Trung Hoa nói là Ứng tụng, nghĩa là thuận theo pháp tụng lại trường hàng. 4) Uẩn Đà Nam tụng, Trung Hoa nói là Tập thí, nghĩa là dùng ít chữ mà hàm chứa nhiều nghĩa nói là Tập, dùng để giúp người khiến cho dễ thọ trì, cho nên nói là Tập thí.

Ba loại tụng trên đây, hoặc bảy chữ, hoặc năm chữ-bốn chữ-ba chữ, như “Xử thế giới, như hư không” là ba chữ, đều dùng bốn câu làm một bài tụng. Trong này là kệ trùng tụng thứ ba. Các tụng ở văn sau đều dựa theo đó.

Trong kệ, hai mươi hàng bốn câu thành kệ, gồm có mười kệ, một kệ tụng về một pháp môn trước đây.

Hỏi: Đây là muốn ca ngợi Đức Phật, vì sao tụng về pháp môn của mình?

Đáp: Chúng này đã là trong Hải Ấn của Phật hiện ra, thuộc về Biệt đức của Phật, cho nên tụng về pháp mình tức là ca ngợi Đức Phật, bởi vì đức của Phật huyền diệu không phải là ai khác biết được, nếu không phải là đức của Phật thì không thể hiển bày về Phật. Trí Luận quyển thứ 12 nói: “Chỉ có Phật tiếp nhận sự cúng dường của Phật, người khác không biết về đức của Phật, như nói người trí luôn luôn cung kính đối với trí, luận về trí thì ưa thích trí, người trí luôn luôn biết về trí, như rắn biết chân rắn.”

Trong tụng, tụng thứ nhất tụng về pháp môn thứ nhất, ba câu trước tụng về Thể, một câu sau tụng về Dụng. Trong trước, một câu đầu tụng về Cảnh, hai câu tiếp tụng về Chứng, hoặc là thân đầy khắp pháp giới,

hoặc là pháp giới đầy khắp thân cho nên dung hợp. Tâm vắng lặng cho nên không chấp thủ, cảnh vắng lặng cho nên không dấy khởi. Lại một câu đầu tụng về pháp giới trước, một câu tiếp tụng về hư không, một câu tiếp tụng về vắng lặng, câu sau cuối tụng về phương tiện.

Trong tụng thứ hai, hai câu đầu tụng về tất cả các pháp trước đây, một câu tiếp tụng về đạo qua khắp nơi trước đây, câu sau cuối kết luận về tên gọi của Trời.

Trong tụng thứ ba, một câu đầu tụng về không sinh diệt-chứng đạo trước đây, hai câu tiếp tụng về phương tiện-giáo đạo trước đây, câu trước là thân phương tiện, câu sau là miệng phương tiện, câu sau cuối dựa theo Trời trình bày về đạt được pháp tự tại lập ra tên gọi.

Trong tụng thứ tư, hai câu đầu tụng về trí hải phương tiện trước đây, một câu tiếp tụng về ánh sáng trước đây, câu sau cuối tụng về đạo qua và kết luận về người đạt được pháp.

Trong tụng thứ năm, ba câu đầu tụng về niềm vui vô lượng của thiền trước đây, câu sau cuối tụng về khởi lên rộng khắp và tên gọi của niềm vui.

Trong tụng thứ sáu, một câu đầu tụng về ngu si-sợ hãi trước đây, một câu tiếp tụng về đạo qua vắng lặng, một câu tiếp tụng về chuyển đổi, gọi là chiếu rọi trừ diệt, câu sau cuối kết luận về người đạt được pháp.

Trong tụng thứ bảy, hai câu đầu tụng về vô lượng cảnh giới, một câu tiếp tụng không dấy khởi, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong tụng thứ tám, hai câu đầu tụng về tất cả các pháp trước đây, một câu tiếp tụng về không đi-đến, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong tụng thứ chín, ba câu đầu tụng về cảnh Phật vắng lặng, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong tụng thứ mười, ba câu đầu tụng về vô lượng cảnh giới, vô lượng cảnh giới có ba: 1) Thời vô lượng, câu trước hiển bày điều này; 2) Cảnh giới vô lượng, đó là Bồ-tát và chúng sinh, câu tiếp hiển bày điều này; 3) Thiện xảo vô lượng, câu sau hiển bày điều này. Câu sau cuối kết luận về người đắc pháp.

Thứ hai, Thiền thứ tư-chúng Quả Thật Thiên có tám:

Một, quán căn cơ chúng sanh dấy khởi mây pháp tuôn mưa pháp để lợi ích căn cơ trước đây.

Hai, Diệu sắc vốn là hiện thân, phương tiện vốn là thuyết pháp,

hai loại này là chủ động ứng hiện; niệm vốn là nghĩ đến pháp thọ trì, quán vốn là quán sát sắc thân, đây là đã ứng với cơ, nhờ niệm này diệt trừ si ám trở thành thanh tịnh.

Ba, thấy cõi như màng lưới Nhân-đà-la, bởi vì duyên khởi không có tánh.

Bốn, tiến vào Đà-la-ni duyên khởi, trong một môn mà thâm nhiếp pháp giới viên dung, cho nên nói là Phổ Môn.

Năm, không chuyển đổi Ái vốn là tự mình giữ lại phiền não, chuyển đổi khiến cho vĩnh viễn diệt trừ Ái thọ sinh của chúng sinh khác. Lại khiến cho người khác diệt trừ phiền não không sinh vào nơi ba cõi.

Sáu, cảnh của tất cả thế gian là Khí và Chúng sinh, Phật tiến vào trong đó thuyết pháp mà luôn luôn an trú vắng lặng, cho nên nói là Bất tư nghị.

Bảy, hội tụ hai Không-hiển bày hai Đế, chúng sinh và pháp là nêu ra nhân-pháp, đạo căn bản của sự rời xa sinh tử(xuất yếu) là hội tụ Chân Không.

Tám, khiến cho căn cơ chứng được Chân nguyên hòa vào biển quả.

Trong tụng có mười chín kệ, có hai: Mười bảy kệ đầu tụng về pháp môn trước đây, hai kệ sau nêu ra nhân tổng quát ca ngợi.

Trong phần đầu, trong một có hai kệ tụng về pháp môn thứ nhất, kệ đầu ca ngợi đức của Phật sâu xa, tụng về chủ động quán trước đây; kệ sau tụng về mây pháp trước đây mở ra tươi thắm mong muốn của căn cơ.

Hai cũng có hai kệ, kệ đầu tụng về diệu sắc và phương tiện, kệ sau tụng về niệm và quán.

Ba cũng có hai kệ, kệ đầu khéo léo hiện bày về lý chân thật, kệ sau dựa vào lý hiện rõ sự, bởi vì Nhân-đà-la võng gồm chung lý-sự.

Bốn cũng có hai kệ, kệ đầu tụng về Phổ Môn hiện rõ thân pháp giới, kệ sau hiển bày về pháp của pháp giới.

Năm có ba kệ, kệ đầu là Đoạn đức thâm nhiếp chúng sinh chuyển sang diệt trừ phiền não-nghiệp khổ, kệ tiếp chuyển sang hiển bày về phước trí..., nhưng đều gồm chung Nhân-đà-la, kệ sau kết luận pháp thuộc về người, phương tiện tức là không chuyển đổi Ái, trong trường hàng trước đây chỉ có sự trong kệ đầu, nên biết.

Sáu có hai kệ, kệ đầu tụng về tiến vào cảnh giới của tất cả thế gian trước đây, trong kệ sau ba câu tụng về Bất tư nghị, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Bảy có hai kệ, kệ đầu tụng về đạo căn bản của chúng sinh rời xa sinh tử trước đây khiến cho biết Vô ngã để hiển bày về Tục đế, kệ sau tụng về tất cả các pháp là đạo căn bản của sự rời xa sinh tử khiến cho biết Vô ngã để hiển bày về Chân đế.

Tám có hai kệ, tụng về người tiếp nhận giáo hóa tiến vào pháp môn cảnh giới Phật trước đây, một kệ đầu dùng quả đến với cơ, một kệ sau thấu nhiếp cơ đưa vào quả.

Trong hai kệ sau, một kệ trước nêu ra nhân thành tựu đức, một kệ sau hưởng về cơ hiển bày Dụng.

Lại giải thích: Kệ này theo thứ tự ngược lại tụng về pháp môn trước đây. Hai kệ đầu tụng về cuối cùng, hai kệ tiếp tụng về thứ bảy, hai kệ tiếp vượt lên tụng về thứ hai, hai kệ tiếp vượt lên tụng về thứ tư, ba kệ tiếp tụng về thứ ba, hai kệ tiếp lùi lại tụng về thứ sáu, hai kệ tiếp lùi lại tụng về thứ năm, bốn kệ sau cuối tụng về thứ nhất, đều có thể biết, bởi vì đều là tùy ý phát ra biện tài mà nói không cần theo thứ tự.

Thứ ba, Thiên thứ ba-chúng Biến Tịnh Thiên có bảy:

Một, quán sát ba phẩm thiện căn của các chúng sinh khiến cho tăng trưởng. Lại giải thích: Như quán sát thiện căn đầu cửa thành được nghe danh hiệu Đức Phật, Thu Tử không trông thấy...

Hai, tất cả các Hữu là tất cả thế giới, Đức Phật từ trong đó sinh ra giác ngộ chúng sinh chiếu rọi hiện rõ các pháp, cho nên nói là Giác chiếu.

Ba, tổng trì đối với tâm có đủ văn nghĩa, giải thích nói ra đầy đủ bốn biện tài.

Bốn, Đức Phật xuất hiện, mong mỗi được gặp cho nên sinh tâm vui thích, xuất hiện rồi trừ diệt khổ nạn cho nên nói là giải thoát.

Năm, chúng sinh tức là Như, thuận theo ranh giới duyên khởi, hiển bày đức không cùng tận cho nên sinh tâm hoan hỷ.

Sáu, ban đầu là Dụng thù thắng của hóa Bồ-tát, tiếp là đức tướng đầy đủ, sau cuối tiến vào Vô tận thuận theo Thể cao nhất, đều là pháp Biệt giáo Nhất thừa.

Bảy, chúng sinh khổ là thụ động cứu giúp, Từ Bi là chủ động cứu giúp, trí là bởi vì không chấp lấy tướng, đầy đủ là bởi vì đức giáo hóa có đủ, cho nên thành tựu lợi ích ấy.

Trong tụng có mười một kệ: Đầu là một kệ tụng về pháp môn thứ nhất, trường hàng trước đây nêu ra thụ động quán sát, nay hiển bày về đức của chủ động quán sát. Lại giải thích: Hai câu đầu về chủ động quán sát nghĩa là Phật trí vô ngại rộng khắp mọi nơi, một câu tiếp trình

bày về thiện căn khó biết chính là cảnh giới Phật, câu sau cuối kết luận về người đạt được pháp.

Hai có bốn kệ, hai kệ đầu tụng về Xứ-Hữu và soi chiếu trước đây, trong đó một kệ đầu là trình bày dựa vào Thể khởi Dụng, một kệ sau trình bày Dụng quy về Thể; hai kệ sau tụng về nghĩa của Giác trước đây, trong đó một kệ đầu loại bỏ mê mờ hiển bày giác ngộ, một kệ sau trình bày về giác vượt lên trên tình.

Ba có một kệ, hai câu đầu tụng về Trì, một câu tiếp tụng về Biện, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Bốn có một kệ, hai câu đầu tụng về vui mừng vì Đức Phật xuất thế, hai câu sau tụng về giải thoát.

Năm có một kệ, hai câu đầu tụng về pháp chúng sinh rất sâu xa, hai câu sau tụng về sinh tâm hoan hỷ, bởi vì công đức thấy được lý.

Sáu có một kệ, hai câu đầu tụng về hóa Bồ-tát trước đây, hai câu sau tụng về công đức đầy đủ rộng khắp hòa vào vô tận trước đây.

Bảy có hai kệ, trong đó một kệ đầu, hai câu đầu tụng về thụ động cứu giúp, hai câu sau tụng về chủ động cứu giúp và trí, nghĩa là thấy thanh tịnh là trí; một kệ sau trình bày về đầy đủ, hai câu đầu là Hóa thân đầy đủ, hai câu sau là Hóa nghiệp đầy đủ.

Thứ tư, Thiên thứ hai-chúng Quang Âm Thiên có mười:

Một là Xứ vắng lặng: 1) Lý vắng lặng; 2) Sự vắng lặng; 3) Điền vắng lặng. Diệt khổ cũng có ba: 1) Tánh diệt; 2) Trí diệt; 3) Phước diệt. Sau trong tụng chỉ có Điền và Phước.

Trong hai, đầu là Đoạn đức, vốn là tâm thanh tịnh-tánh thanh tịnh, vốn là lia cấu nhiễm đối trị thanh tịnh. Bảo Tánh luận nói: “1) Tự tánh thanh tịnh; 2) Vô cấu thanh tịnh.” Tiếp là Trí đức, nghĩa là rộng tu... Lại tâm thanh tịnh là khí, lia cấu nhiễm là duyên, biến đức là dựa vào duyên mà tu. Còn lại trong tụng, giải thích sau.

Ba, có hai cách giải thích: 1) Dài ngắn tức là nhau, bởi vì thời kiếp vốn là Như Như; 2) Phần vị tự tại và phần vị không tự tại, bởi vì đức có hơn-kém.

Bốn, có ba cách giải thích: Một nói rằng các loại sinh-trú-diệt của thế gian là duyên khởi thuộc pháp nhiễm, thanh tịnh tức là nhiễm thuộc tánh tịnh, đức của tánh tịnh cho nên nói là công đức. Một nói rằng là duyên khởi thuộc pháp tịnh chỉ chọn lấy Chân như, cho nên nói rằng thế gian sinh...; chọn lấy sai lầm tai họa của nhiễm, cho nên nói rằng tịnh công đức. Một nói rằng thế gian là xứ, sinh-trú-diệt là Phật xuất thế và trú-diệt..., nhiều môn lợi ích chúng sinh vốn là diệt trừ nhiễm ô trở

thành thanh tịnh. Còn lại trong tụng, giải thích sau, nhưng bởi vì nghĩa nổi thông cho nên gồm đủ giải thích sau.

Năm, trong một đời Bồ-tát có thể cúng dường đạt tới cực điểm, đến phần ấy hiển bày nói rộng ra, như dựa theo trăm vạn ức... ở văn sau.

Sáu, đạt được lực Đà-la-ni tự tại, một niệm có thể tiếp nhận nhiều, một niệm có thể thuyết giảng nhiều.

Bảy, nơi chốn Đức Phật xuất thế gọi là trang nghiêm.

Tám, thần túc tức là công đức. Lại thần túc là chủ động làm lợi ích, công đức là thụ động làm lợi ích trở thành tướng.

Chín, phước trí sâu rộng làm cảnh cho căn cơ.

Mười, nguyện lực-công đức lực là nhân vị, nguyện hạnh tức là chủ động duy trì; hỷ tạng là quả, tức là thụ động duy trì. Hỷ là Đại trí, Thể của trí hàm chứa thâu nhiếp cho nên gọi là Tạng.

Trong tụng có mười kệ đều tụng về một pháp. Kệ đầu tụng về dựa vào ruộng (điền) vắng lặng sinh ra phước diệt khổ.

Trong kệ thứ hai, câu đầu tụng về hành duyên lìa cấu nhiễm, câu tiếp tụng về tâm thanh tịnh là vật chứa của hành, câu tiếp tụng về biển đức đã thành tựu, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người. Trang nghiêm tức là ánh sáng xen lẫn vi diệu.

Trong kệ thứ ba, câu đầu vốn là hiển bày về mở rộng phương tiện, câu tiếp vốn là hiển bày về tu nhiều kiếp, câu tiếp vốn là tánh vô ngại. Nhờ vào phương tiện này trong một niệm sinh ra công đức của nhiều kiếp, gọi là môn phương tiện. Âm của Pháp chủ tức là âm tự tại, vì thế kết luận về người đạt được pháp.

Trong kệ thứ tư, ba câu đầu tụng về thế gian sinh-trú-diệt, tức là Đức Phật xuất hiện ở thế gian..., câu sau cuối diệt si là tụng về công đức thanh tịnh, niệm thù thắng kết luận về tên gọi của Trời.

Trong kệ thứ năm, câu đầu là ruộng rộng lớn, câu tiếp là có thể cúng dường rộng, câu tiếp là lợi ích cúng dường rộng, tổng quát tụng về Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất nói nhiều về cúng dường trước đây. Câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong kệ thứ sáu, ba câu đầu tụng về ở một kiếp nói đến nghĩa của Địa, câu sau cuối tụng về có thể tiếp nhận-thuyết giảng trong một niệm, bởi vì đạt được tâm tự tại.

Trong kệ thứ bảy, câu đầu là chủ động trang nghiêm, hai câu tiếp là hiện rõ tướng trang nghiêm, câu sau cuối là kết luận về tên gọi.

Trong kệ thứ tám, hai câu đầu tụng về thần túc vô ngại, câu trước

là Thể, câu sau là Dụng; hai câu cuối tụng về lợi ích thành tựu biển công đức, câu trước là khiến cho đạt được sáu căn thanh tịnh của Địa tiền, câu sau là khiến cho đến được pháp rất sâu xa của Địa thượng, cũng là kết luận về tên gọi của người.

Trong kệ thứ chín, hai câu đầu tụng về biển công đức, câu trước là Tuệ, câu sau là Phước, câu tiếp tụng về cảnh giới, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong kệ thứ mười, hai câu đầu tụng về lực công đức của Phật quá khứ, một câu tiếp tụng về nguyện lực, câu sau cuối tụng về Hỷ tạng đã duy trì, tức là quả đã thành tựu.

Thứ năm, Sơ thiền-chúng Phạm Thiên có mười:

Một thuận theo Chân khởi Ứng gọi là pháp chiếu soi hiện rõ, Ứng không khác Chân gọi là hòa vào Bất tư nghị, bởi vì ngay nơi vắng lặng là soi chiếu không thể suy nghĩ về vắng lặng, ngay nơi soi chiếu là vắng lặng không thể suy nghĩ về soi chiếu.

Hai, tất cả các thiền đều quán sát là lý Pháp thân, bởi vì đây là cảnh quán bình đẳng trong thiền, vắng lặng khéo léo an trú là diệu trí chứng khế.

Ba, đầu là Bốn trí soi chiếu pháp, sau là Hậu trí khéo léo giáo hóa, lại biển pháp vô biên gọi là các pháp không suy nghĩ, một âm diễn nói trải qua trần kiếp không hết gọi là tiến vào phương tiện. Còn lại trong kệ, giải thích sau.

Bốn, âm thanh của Phật thích ứng trọn vẹn gọi là biển Diệu âm, khế hợp rộng khắp như nhau gọi là bình đẳng vượt qua tiến vào.

Năm, căn mềm yếu thì thâm nhiếp tiếp nhận, ngang ngành cố chấp thì làm cho khuất phục mà tiếp nhận. Nhưng phương tiện này hiện có trong thân Phật cho nên gọi là tối thắng.

Sáu, thân Phật ứng đến khắp nơi, hiện rõ trong các cõi gọi là năng lực khởi-trú, ngữ nghiệp rộng khắp, âm thanh trong trẻo thuyết pháp gọi là pháp phân biệt.

Bảy, ba nghiệp vô biên khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Tám, pháp lìa xa tình chấp gọi là tướng thanh tịnh, Diệu trí khéo léo chứng được gọi là hạnh an trú vắng lặng.

Chín, quá khứ-vị lai không có đến-đi, hiện tại không hề dựa vào. Lại sinh không từ nơi nào đến, diệt không đi về đâu, trú không nơi dựa vào, từ đây quán tâm gọi là dững mãnh.

Mười, hễ có một hạnh, thì đều chiếu rọi khắp nơi biển pháp vô tận.

Trong tụng có tám kệ, bảy kệ trước đều tụng về một pháp môn. Trong kệ thứ nhất, nửa kệ đầu tụng về chiếu rọi hiện rõ các pháp, nửa kệ sau tụng về tiến vào Bất tư nghị.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về quán sát các thiên, nửa kệ sau tụng về vắng lặng khéo léo an trú, lại ngay câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong kệ thứ ba, câu đầu tụng về chiếu rọi các pháp không suy nghĩ, hai câu tiếp tụng về tiến vào phương tiện, câu sau cuối kết luận pháp thuộc về người.

Trong kệ thứ tư, ba câu đầu tụng về biến âm thanh vi diệu, câu sau cuối tụng về bình đẳng vượt qua tiến vào, cũng là kết luận.

Trong kệ thứ năm, nửa kệ đầu tụng về thâm nhiếp làm cho khuất phục, nửa kệ sau tụng về tối thắng.

Trong kệ thứ sáu, ba câu đầu tụng về tất cả các cõi có thể đầy khởi an trú, đó là hiện thân; câu sau cuối tụng về các pháp phân biệt, đó là âm thanh trong trẻo thuyết pháp.

Trong kệ thứ bảy, nửa kệ đầu tụng về vô lượng phương tiện, tức là lần lượt theo ba nghiệp; nửa kệ sau tụng về giáo hóa chúng sinh, đó là tự tại chiếu rọi căn cơ.

Trong kệ thứ tám, nửa kệ đầu tụng về hạnh an trú vắng lặng, nửa kệ sau tụng về tướng thanh tịnh của các pháp.

Hai pháp môn sau lược qua không có tụng. Lại giải thích tổng quát ở trong kệ thứ tám, đó là câu đầu tụng về pháp môn thứ tám, câu tiếp tụng về pháp môn thứ mười, câu tiếp tụng về pháp môn thứ chín, câu sau cuối kết luận về tên gọi, Lạc là tên gọi thứ chín, Âm là tên gọi thứ mười.

Thứ sáu, chúng Tha Hóa Thiên có mười:

Trong một, chúng sinh có hai Tạng: 1-Phiền não Tạng giáo hóa khiến cho chuyển không còn; 2-Như Lai Tạng giáo hóa khiến cho chuyển hiện bày. Hai loại này không hai, hòa hợp dung thông cho nên đạt được lợi ích giáo hóa.

Hai, khiến cho chúng sinh đạt được niềm vui Đại Niết-bàn.

Ba, biết cơ khéo léo lợi ích.

Bốn, phân biệt chúng sinh có nghĩa về ba tánh. Lại Phật vì chúng sinh dùng một âm hiển bày phân tích về biến pháp rộng lớn. Còn lại trong kệ, giải thích sau.

Năm, Từ niệm che phủ căn cơ, dùng mắt Tuệ quán sát.

Sáu, Đại Từ-Thập Lực phá tan núi cao của Mạn.

Bảy, ứng theo niệm nhiếp hóa.

Tám, nghĩ đến cảnh Phật hoàn toàn vi diệu của chư Phật khắp nơi.

Chín, công đức Phật tự tại là hiển bày về đức chủ động giáo hóa, giác ngộ đầy đủ ý niệm là ứng khắp mọi căn cơ. Tùy thuận: Một là căn duyên thuận theo nhau, hai là khiến cho căn cơ tiến vào pháp.

Mười, quốc độ hải của Phật, chỉ là cảnh của Phật tuệ cho nên lìa xa thế gian.

Trong tụng có mười kệ, đều tụng về một pháp. Trong kệ thứ nhất, nửa kệ đầu tụng về Tạng, nửa kệ sau tụng về giáo hóa chúng sinh, cũng có thể tụng về cả hai.

Trong kệ thứ hai, ba câu tụng về pháp trước đây, câu sau cuối kết luận về người.

Trong kệ thứ ba, câu đầu tụng về hiểu rõ chúng sinh, đất nghi-rừng khô tụng về tánh tham dục, còn lại tụng về phương tiện và kết luận về người đạt được pháp.

Trong kệ thứ tư, câu đầu tụng về phân biệt, câu tiếp tụng về nghĩa, câu tiếp giải thích về nghi ngờ, nghi ngờ rằng vì sao một âm có thể giảng nói nhiều pháp? Giải thích rằng bởi vì khắp nơi. Câu sau cuối là kết luận, thẳng đứng là tinh tiến.

Trong kệ thứ năm, nửa kệ đầu tụng về quán sát, đó là trí quán tiếp nhận pháp gọi là đưa vào mảy lông của Phật..., nửa kệ sau tụng về Từ niệm và kết luận về tên gọi.

Trong kệ thứ sáu, câu đầu tụng về ma sự, hai câu tiếp tụng về vượt ra ngoài, câu sau cuối là kết luận.

Trong kệ thứ bảy, nửa kệ đầu tụng về nhờ niệm Phật cho nên đạt được trí, diệt hết ngu si lìa xa nhân của nhiễm, nửa kệ sau là quả lìa nhiễm và kết luận về tên gọi.

Trong kệ thứ tám, câu đầu tụng về mười phương chư Phật, câu tiếp tụng về niệm đầy đủ, bởi vì đầy đủ niệm ấy, nửa kệ sau trình bày về lợi ích của niệm đầy đủ và kết luận về tên gọi. Tràn giống như vòng xe.

Trong kệ thứ chín, câu đầu tụng về công đức tự tại của Phật, câu tiếp tụng về giác ngộ và niệm tùy thuận, nửa kệ sau tụng về sung mãn và kết luận.

Trong kệ thứ mười, câu đầu tụng về tách rời thế gian, bởi vì là đất biển; câu tiếp tụng về cảnh giới; câu tiếp trình bày về nhân tách rời thế gian, bởi vì tướng thế gian không còn, đất biển không có thể vượt lên

trên cho nên nói là không có tâm cao, nghĩa là không có phân biệt; câu sau cuối là kết luận về tên gọi.

Thứ bảy, chúng Hóa Lạc Thiên có mười:

Một, dùng duyên khởi vô tác để phân biệt các pháp.

Hai, có ba cách giải thích: Một nói là quán sát thật tánh của ba Hữu-hai Ngã. Một nói là tất cả có là lý về có, Ngã là tình chấp, tình lý không hai cho nên nói là chân thật. Phật Tánh luận nói: “Chân đế không có nhân-pháp cho nên không có, hiển bày về hai Không cho nên không phải không có. Vả lại, nhân-pháp không có mà không phải không có, hai Không có mà không phải có, đối với Tục đế bởi vì tánh phân biệt cho nên không có, bởi vì dựa vào tánh khác cho nên không phải không có. Lại phân biệt không nhất định là không có, dựa vào nơi khác không nhất định là có, vì thế cho nên hai Đế cùng lia có và không có.” Lại trong Biện Trung Biên luận... Lại nói Phật tuy hiện có, nhưng đối với có mong cầu Phật thì không thể được, bởi vì có tức là Chân mà chính là không có, cho nên nói quán tất cả có là chân thật. Phật tuy hiện có Ngã, nhưng đối với Ngã mong cầu Phật thì không thể được, bởi vì Ngã tức là Chân mà chính là không có Ngã, cho nên nói là quán Ngã chân thật. Còn lại trong kệ, giải thích sau.

Ba, Tuệ có năng lực diệt trừ ngu si của chúng sinh, vốn là viên mãn thuộc về Phật quả.

Bốn, viên âm làm cho khắp nơi vui sướng phát khởi mạnh mẽ tu tập giáo pháp.

Năm, mười Liên Hoa Tạng có vi trần số tướng hải cho nên nói là đầy đủ vô tận, nói như phẩm Tướng Hải. Công đức tốt đẹp là Tiểu tướng, nói như phẩm Tiểu Tướng Công Đức.

Sáu, sự việc của ba đời kiếp ở trong trí Phật chiếu rọi không tạp loạn, cho nên nói theo thứ tự. Đây là chỉ dựa theo quá khứ, trong kệ có đủ.

Bảy, phước trí không bờ bến làm lợi ích cho chúng sinh, lại tăng trưởng vô biên phước trí của chúng sinh. Sau kệ giải thích thuận theo ý đầu.

Tám, thân là duyên khởi thuộc về sự, giống như pháp tánh rộng khắp mọi nơi. Vô ngại có bảy: 1) Sắc chất không ngăn ngại thân; 2) Thân không ngăn ngại sắc chất; 3) Khắp nơi không ngăn ngại ẩn kín, nghĩa là cơ không cảm đến nơi, tuy khắp nơi mà ẩn kín; 4) Đầy đủ không ngăn ngại phân ra, nghĩa là ứng cơ hiện bày dài ngắn mà không ngăn ngại đầy khắp hư không; 5) Ngồi không ngăn ngại đi...; 6) Một

không ngăn ngại nhiều, nghĩa là các phương hiện bày nhiều mà luôn luôn ngay nơi một; 7) Lý không ngăn ngại sự, nghĩa là Không giới, giới giống như tánh, tức là lý về tánh Không, ngôi xếp bằng là sự, duyên khởi dung thông cho nên Vô ngại. Các căn còn lại đều dựa theo đó.

Chín, nghiệp hạnh duyên khởi khéo léo vì cơ mà hiện bày gọi là phương tiện, bởi vì vô tận là sở duyên của cơ, cho nên còn nói là cảnh.

Mười, tất cả nhân quả thiện ác của chúng sinh, cùng thuộc về pháp giới mà không có đến-đi, cho nên nói là quán như nhau.

Trong tụng có mười kệ đều tụng về một pháp môn. Trong kệ thứ nhất, Hóa có ba nghĩa: 1) Hóa phát khởi sở y; 2) Hiện bày về Hóa không có Thể; 3) Hóa hiện rõ ra tựa như có. Nửa kệ đầu tụng về nghĩa, nghĩa là câu trước tụng về tất cả các pháp tức là nơi dựa vào, câu sau tụng về Hóa phân biệt tức là đã phát khởi. Câu tiếp tụng về không có Thể, câu sau cuối tụng về hiện có, nghĩa là Phật và chúng sinh vốn làm duyên khởi lẫn nhau.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về quán tất cả có và Ngã, nghĩa là tất cả đều không có; nửa kệ sau tụng về chân thật và kết luận về người.

Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về lìa xa ngu si, nửa kệ sau tụng về Tuệ đầy đủ và kết luận về tên gọi, Lực là tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu tụng về âm thanh của Đức Phật, nửa kệ sau tụng về phát khởi vui mừng mạnh mẽ và kết luận.

Trong kệ thứ năm, nửa kệ đầu tụng về tướng hảo của Đức Phật, nửa kệ sau tụng về vô tận và kết luận.

Trong kệ thứ sáu, nửa kệ đầu tụng về vô lượng kiếp quá khứ..., nửa kệ sau tụng về nhớ lại trí tuệ.

Trong kệ thứ bảy, nửa kệ đầu tụng về Thể của các loại công đức trí huệ, nửa kệ sau chính thức tụng về phước trí và kết luận; còn lại lược qua không tụng. Trong kết luận, thấy biết thanh tịnh đã là thanh tịnh, Quang Thắng Thiên vì sao gọi là Như Lai, là bởi vì những vị trời này tức là Phật, như trước đây phân rõ.

Trong kệ thứ tám tụng là an tọa vô ngại giữa hư không, trước đây trường hàng trình bày về Dụng của quả, trong này tụng về nhân hạnh ấy, nghĩa là câu đầu trải qua nhiều thời gian, câu tiếp là đức đầy đủ, câu tiếp là dũng mãnh tu tập, câu sau cuối là kết luận về tên gọi.

Trong kệ thứ chín, nửa kệ đầu tụng về cảnh phương tiện, nửa kệ sau tụng về lực vô tận và kết luận, nghĩa là lực có thể hiện rõ pháp rộng khắp mọi nơi, cho nên nói là vô tận.

Trong kệ thứ mười, nửa kệ đầu tụng về nghiệp hạnh khổ-vui của

chúng sinh, câu tiếp tụng về quán như nhau, câu sau cuối kết luận về soi chiếu là ánh sáng rực rỡ. Lại cũng có thể kệ này tụng về môn thứ chín, kệ trước tụng về môn thứ mười, suy nghĩ có thể thấy.

Thứ tám, chúng Đâu Suất Thiên có tám:

Một, vì cơ mà xuất hiện ở thế gian gọi là thành tựu, tùy theo ý muốn thuyết pháp gọi là Chuyển pháp luân.

Hai, ánh sáng trí tuệ chiếu rọi Chân Không, lại là Thể của Không, là Đức thanh tịnh, là Dụng của ánh sáng.

Ba, Vô ngại nguyện hải cùng Thể với chúng sinh cho nên nói là hòa vào, tự tánh lìa xa tướng cho nên nói là rỗng rang vắng lặng.

Bốn, dựa theo ngăn chặn mười tướng đều không có thì gọi là vô lượng Vô tướng, dựa theo biểu thị về hằng sa tánh đức thì gọi là vô lượng Vô tướng, khiến cho các chúng sinh quán sát tu hành diệt trừ phiền não nghiệp chướng, gọi là quán hạnh.

Năm, Phật cảnh có hai: Một là phạm vi, hai là sở chứng. Vượt lên trên có hai: Một là vượt qua phạm phu và Tiểu thừa, hai là vượt qua nghĩ bàn. Giác lực có hai: Một là chứng lý, hai là chiếu rọi căn cơ.

Sáu, dùng công đức của Phật huân tập cho chúng sinh, gọi là vui mừng tu tập, khiến cho phát tâm không lui sụt, cho nên nói là tâm Bồ-đề không hư hoại.

Bảy, tùy theo trí điều phục căn cơ.

Trong tám, đầu là duyên khởi vô tận, tiếp là nhanh chóng quay về chân tánh, cũng là quay về pháp phỏng theo cơ, sau hòa vào cơ đích thực hiện bày. Lại căn khí trong biển tâm vô biên, niệm niệm hồi hướng không ngừng mong muốn vui thích, tùy theo căn khí hiện rõ khắp nơi, Đức Phật có thể ứng hiện đầy đủ.

Trong tụng thuận theo giải thích về ý sau. Trong tụng có một số kệ không theo thứ tự.

Trong kệ thứ nhất, câu đầu là Thể của Pháp luân, câu tiếp là việc đã làm, câu tiếp là chính thức chuyển, câu sau cuối là kết luận về thù thắng. Lại nửa kệ đầu tụng về thành tựu, nửa kệ sau tụng về Chuyển pháp luân.

Trong kệ thứ hai, vượt lên tụng về pháp môn thứ ba. Nửa kệ đầu tụng về nguyện hải rộng lớn, nửa kệ sau tụng về hòa vào chúng sinh vắng lặng, chính là các pháp phương tiện. Thắng là tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ ba, lùi lại tụng về pháp môn thứ hai, nửa kệ đầu tụng về cõi hư không, nửa kệ sau tụng về ánh sáng thanh tịnh.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu là quán về việc đã làm, câu tiếp tụng

về vô lượng Vô tướng, tức là cảnh của quán, câu sau cuối tụng về thực hành quán sát thành tựu.

Trong kệ thứ năm, vượt lên tụng về pháp môn thứ bảy là phương tiện của chư Phật điều phục chúng sinh.

Trong kệ thứ sáu, lùi lại tụng về pháp môn thứ năm. Nửa kệ đầu tụng về vượt lên trên cảnh Phật, nửa kệ sau tụng về Giác lực. Lại giải thích cũng có thể kệ trước tụng về pháp môn thứ năm, kệ này tụng về pháp môn thứ bảy, như vẫn có thể biết.

Trong kệ thứ bảy, lùi lại tụng về pháp môn thứ sáu. Nửa kệ đầu tụng về vui mừng tu tập, câu tiếp tụng về tâm Bồ-đề, câu sau cuối tụng về không thể hoại.

Trong kệ thứ tám, nửa kệ đầu tụng về biển tâm vô biên, nói Phật tử là niệm niệm, hồi hương có ba nghĩa: 1-Nghĩa về vân tập, 2-Hương về Đức Phật phát khởi cùng dưỡng, 3-Hương về Đức Phật nghe pháp. Như kinh nói: Điều đến để tụ hội, để cúng dưỡng, để nghe pháp. Câu sau cuối tụng về tùy theo căn khí hiện rõ khắp nơi.

Thứ chín, chúng Dạ Ma Thiên có mười:

Một, khiến cho chúng sinh lìa xa buồn lo phiền muộn của thế gian, hướng về thiện thuận với Thể của pháp xuất thế. Vả lại, Đoạn đức của Pháp thân gọi là lìa xa buồn lo, đạo thanh tịnh giáo hóa chúng sinh gọi là hướng về thiện căn.

Hai, phạm vi của sở duyên tất cả vốn không phải là như nhau.

Ba, đầu là Đại Trí lìa xa sai lầm không trú vào sinh tử, tiếp là Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh không trú vào Niết-bàn. Lại nhờ có đủ Đại Bi cứu giúp chúng sinh, khiến cho lìa xa khổ đau tai họa. Trong tụng thuận theo giải thích ý sau.

Bốn, hiểu rõ về thiện căn như Tín... sai biệt vô biên, tức là căn hành rậm rịt như rừng. Lại biết trong một căn có tất cả các căn, tức là nhau-hòa vào nhau... lớp lớp vô tận. Lại biết các căn tức là cùng chung Chân tánh mà các căn rõ ràng, cho nên nói là phân biệt.

Năm, Đà-la-ni môn cùng tận pháp giới, cho nên nói là vô lượng; tổng trì các pháp nhìn giống như gương nước, cho nên nói là chiếu rọi rõ ràng. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm: “Ranh giới của thế giới Ta-bà có Thiên Vương ở trên núi Tu-di, tên là Trì Tu Di, đạt được Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm, ở khắp nơi trong cung Đế Thích trên trăm ức đỉnh Tu-di, người khác không trông thấy.” Nay đây chính là ở trong chúng Dạ Ma, bởi vì Bồ-tát tự tại hiện bày giáo hóa khắp nơi chưa đủ để cảm thấy kỳ lạ.

Sáu, có bốn nghĩa: 1) Duyên tạo nghiệp, tức là thân... làm duyên; 2) Nghiệp đã tạo, tức là thiện ác bất động; 3) Duyên khởi vô tác, nghiệp tánh tức là Chân; 4) Nghiệp tuy tức là Chân mà không mất đi sinh quả. Như kinh nói vốn là cảnh giới, vốn là nghiệp hạnh, vốn là chân thật, vốn là không thể nghĩ bàn. Lại duyên vào Phật làm cảnh, nghiệp thiện đã tạo quyết định không hư dối, cho nên nói là chân thật. Tuy gieo trồng một ít thiện nghiệp nhưng nhất định có thể sẽ đạt được quả Đại Bồ-đề, cho nên nói là không thể nghĩ bàn, như Ni-câu-đà-tử... Trong tụng thuận theo giải thích ý sau.

Bảy, ban đầu Chuyển pháp luân vô tận như Nhất thừa-Tam thừa..., tiếp che phủ cơ thành tựu lợi ích cho nên nói là điều phục. Lại đầu là Thể của pháp luân, tiếp là lợi ích của pháp luân, nghĩa là điều hòa khiến cho tiến vào pháp, làm cho loại trừ lỗi lầm xấu ác.

Tám, cõi sinh đến đã thấy, mắt thù thắng có thể thấy, quán sát khắp nơi là đích thực thấy, nghĩa là thấy cảnh giới của chúng sinh vốn rất rộng, vốn tức là chân tánh, vốn là một trong tất cả, vốn có đủ thắng nghĩa về nhân quả..., vốn như lưới giăng của Đế Thích, cho nên gọi là Phổ. Tam thừa không có mắt này, cho nên nói là Thắng. Và lại, mắt thù thắng quán xét căn cơ rưới là mưa pháp khắp nơi. Trong tụng thuận theo ý này.

Chín, dùng trí chiếu rọi pháp khắp nơi khiến cho hiện rõ, lại dùng pháp chân thật hiện bày khắp mọi căn cơ.

Mười, Thiên chúng là cơ, tiếp là thuận theo cơ thi thiết giáo hóa, khiến cho loại trừ tâm mê hoặc, cho nên nói là tâm thanh tịnh, đây là lợi ích về giáo hóa. Lại tuy giáo hóa mà không thấy chủ động-thụ động (năng sở), cũng gọi là tâm thanh tịnh thuộc về Tự.

Trong tụng có tám kệ, bảy kệ đầu đều tụng về một pháp môn, một kệ sau tụng về hai pháp môn. Trong kệ thứ nhất, nửa kệ đầu tụng về rời xa Ái, nửa kệ sau tụng về thiện căn hồi hướng.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu dựa theo chánh lý trình bày về cảnh giới, câu tiếp dựa theo Đại trí, câu sau cuối dựa theo Đại định. Lại nửa kệ đầu là thụ động chứng, câu tiếp là chủ động chứng, câu sau cuối là chứng cũng là kết luận về tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về các tai họa đã rời xa, câu tiếp tụng về có đủ Đại Từ Bi, câu sau cuối là kết luận về tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu trình bày về thông hiểu rõ ràng vô ngại, tức là tụng về phân biệt trước đây; câu tiếp tụng về các căn, nghĩa

là hành tức là căn hành; câu sau cuối trình bày về ý nhận biết căn, vốn là giáo hóa.

Trong kệ thứ năm, gồm tụng về pháp môn Chuyển thứ bảy, bởi vì giống nhau. Câu đầu tụng về vô lượng tổng trì, hai câu tiếp tụng về chiếu rọi rõ ràng và Chuyển pháp luân, câu sau cuối là kết luận về tên gọi của vị trời. Lại theo Địa Luận, câu đầu là Thế, câu tiếp là nhân, câu tiếp là quả, câu sau cuối là kết luận.

Trong kệ thứ sáu, vượt lên tụng về pháp môn thứ tám, trong đó nửa kệ đầu là mắt thù thắng-thân vi diệu, câu tiếp là quán sát rồi hiện thân, câu sau cuối là kết luận. Quang là tên gọi của vị trời, Thắng là tên gọi của mắt, cảnh là sở quán.

Trong kệ thứ bảy, một câu đầu thấy thân Như Lai là tụng về cảnh giới; hai câu tiếp tụng về nghiệp hạnh chân thật, một câu là diệt nhân nhiễm, một câu là lìa duyên nhiễm; câu sau cuối tụng về không thể nghĩ bàn, bởi vì chứng được cảnh vi diệu thanh tịnh.

Trong kệ thứ tám, gồm tụng về hai pháp môn thứ chín-thứ mười. Nửa kệ đầu tụng về hiện rõ khắp nơi, câu tiếp tụng về thi thiết đưa ra, câu sau cuối kết luận về tên gọi của vị trời thứ mười.

Thứ mười, chúng Đạo Lợi Thiên có mười:

Trong một, ba đời chư Phật xuất hiện..., là ba lần hiện tại trong chín đời, dựa vào cơ hưng-phế, gồm chung y-chánh, tức là cảnh đã quán. Sau phân rõ về người chủ động quán, nghĩa là đối với sự hưng-phế trước đây khéo léo thông hiểu về tác dụng thù thắng gọi là Trí quyết định, thuận theo lý thiện chứng được gọi là Niệm hỷ. Lại Dụng tuy đầy khởi toàn bộ chiếu rọi lý rõ ràng, cho nên nói là Đại trí niệm hỷ.

Trong hai, hai Sắc giống như công đức thanh tịnh vốn có, nhưng Đức Phật hiện rõ Sắc giống như chúng sinh cho nên nói là Sắc thuộc chúng sinh, mà Sắc thuộc chúng sinh tức là Như cho nên cũng gọi là Sắc của Như Lai, từ Thế khởi Dụng gọi là lực công đức, là kết luận về câu đầu; Dụng không khác Thế gọi là thanh tịnh, là kết luận về câu sau.

Ba, bình đẳng là bởi vì cùng Thế, bởi vì trí dẫn dắt, bởi vì không chọn lựa oán-thân. Mây là bởi vì che phủ hư không, bởi vì làm cho lợi ích, bởi vì hàm chứa nước pháp, bởi vì rưới mưa thấm ướt căn cơ.

Bốn, nghĩ đến ánh sáng... của Đức Phật vượt quá trần số cho nên gọi là chúng. Mỗi một loại đều thâm nhiếp đầy đủ công đức pháp giới cho nên gọi là đầy đủ, tác dụng riêng biệt đều rộng khắp pháp giới, không làm trở ngại lẫn nhau gọi là thế lực khắp nơi.

Năm, hiểu rõ nghiệp quả sai biệt, lại thông hiểu nghiệp quả ấy

tức là Như cho nên nói là quán như nhau. Vả lại, Đức Phật lấy nghiệp thanh tịnh làm duyên, khiến cho căn cơ thấy được Đức Phật là báo; còn chúng sinh dựa vào Phật chủng có được thiện căn làm nghiệp, duyên với Phật được nhìn thấy là báo.

Sáu, cõi Phật đầy đủ thanh tịnh là bởi vì trang nghiêm bằng vật báu thanh tịnh, thọ dụng để diệt trừ phiền não. Thanh tịnh là nơi cư trú, tức là tánh thanh tịnh vốn có.

Bảy, thế gian duyên khởi gọi là Sinh, vô tác tức chân gọi là Diệt, bởi vì không hai cho nên Sinh tức là Diệt, Diệt tức là Sinh. Kinh nói: “Mới sinh đã có diệt, không nói cho người ngu, tất cả pháp không sinh, Ta nói nghĩa sát-na...” Trí Phật soi chiếu ở đây gọi là Quán.

Tám, duyên khởi lỗ chân lông hiện rõ các pháp hành gọi là phát khởi các hạnh, khiến cho Bồ-tát tu tập gọi là nhân giáo hóa chúng sinh, bởi vì người tu tập nhân này, tu tập thành tựu tiến vào lý gọi là khởi niệm.

Chín, Lạc có bốn: 1) Lạc phân tán của cõi Dục; 2) Lạc của địa Định; 3) Lạc của Tiểu Niết-bàn; 4) Lạc của Đại Niết-bàn, Đại Bồ-đề, Đại Bi..., Lạc của Nhất thừa-Tam thừa..., đều do Đức Phật mà được thành tựu. Nay dựa vào Lạc thứ nhất cho nên nói là Lạc của cõi trời, bởi vì đây là trời cõi Dục, cho nên lý thật nổi thông. Lại nói Đức Phật là Đệ nhất nghĩa tịnh thiên, chính là Lạc ấy.

Mười, giáo hóa các Thiên tử, một niệm niệm Phật, gần thì rời bỏ nẻo ác, xa thì diệt hết ngu si mê hoặc, cho nên gọi là lưu thông thiện căn.

Trong tụng, trong kệ thứ nhất, nửa kệ đầu tụng về ba đời chư Phật xuất hiện và Đại trí, câu tiếp tụng về trú-diệt, đó là dựa theo thân quốc độ của Phật, câu sau cuối tụng về niệm hỷ.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về Chúng sinh sắc và Như Lai sắc, nửa kệ sau tụng về lực công đức thanh tịnh và kết luận về người đạt được pháp. Lại câu đầu hiển bày về thanh tịnh, câu tiếp hiển bày về hai sắc, nghĩa là đã ứng hiện chính là sắc của chúng sinh, câu tiếp hiển bày về lực công đức.

Trong kệ thứ ba, câu đầu tụng về Đại Từ, câu tiếp tụng về bình đẳng, câu tiếp tụng về che mát, câu sau cuối là kết luận về người thấy pháp.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu tụng về nghĩ đến thế lực rộng khắp của Đức Phật, nửa kệ sau tụng về đầy đủ sắc màu của nhiều ánh sáng và kết luận.

Trong kệ thứ năm, câu đầu tụng quát tụng về nghiệp báo, câu tiếp tụng về quán, nửa kệ sau riêng biệt tụng về báo của thiện nghiệp và quán.

Trong kệ thứ sáu, nửa kệ đầu tụng về quốc độ của chư Phật, bởi vì Trí chánh giác tức là Khí thế gian, nửa kệ sau tụng về đầy đủ thanh tịnh, đó là thọ dụng thanh tịnh và kết luận, bởi vì Niệm là tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ bảy, câu đầu tụng về quán, câu tiếp tụng về thế gian, hai câu sau tụng về sinh diệt, nói ứng cơ là nghĩa về sinh diệt, lại bởi vì khiến cho trí phát sinh-phiền não diệt, Diệu Âm là tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ tám, câu đầu tụng về dấy khởi các hành, câu tiếp tụng về giáo hóa chúng sinh, Phật tử hầy còn là nhân, nửa kệ sau tụng về khởi niệm và kết luận về tên gọi của vị trời.

Trong kệ thứ chín, hai câu tụng về tất cả thú vui của cõi trời, hai câu tiếp tụng về nhân của niềm vui, câu sau cuối kết luận về người đạt được pháp.

Trong kệ thứ mười, nửa kệ đầu tụng về giáo hóa cõi trời, nửa kệ sau tụng về thiện căn lưu thông, Tuệ Nhật là tên gọi của vị trời.

Thứ mười một, Nhật Thiên Tử có mười:

Một, Tuệ Nhật phát ra ánh sáng chiếu rọi chúng sinh hải, tánh cùng tận ba đời, bởi vì vị lai khó biết cho nên riêng biệt nêu ra mà thôi. Phù hợp với duyên khởi vốn có an trú vững vàng thâm nhiếp công đức cho nên nói là chánh trú trang nghiêm. Và lại, ánh sáng trí tuệ của Đức Phật chiếu rọi căn cơ, khiến cho chúng sinh tận cùng thời gian vị lai đích thực trú trong tu hành trang nghiêm.

Hai, chiếu rọi sắc tức là giống như biển Tát-bà-nhã. Lại dùng biển trí chiếu rọi hiện rõ các sắc. Lại chiếu rọi sắc của chúng sanh mà biết tâm ấy. Lại chiếu rọi thấy sắc nước trong lỗ tâm, cũng biết tâm niệm, khiến cho khai ngộ phát sinh Đại trí, cho nên nói như vậy. Trong tụng thuận theo ý này.

Ba, Đức Phật là tăng thượng duyên, phát khởi công đức làm cho chúng sinh rời xa thua kém thuận theo thù thắng lìa nhiễm, cho nên nói là càng thêm thù thắng. Lại thân Phật xuất thế gọi là phát khởi chúng sinh, bởi vì Phật là Đại thân của chúng sinh, thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sinh gọi là đức thanh tịnh càng thù thắng.

Bốn, khổ hạnh là nhân, Độ có hai nghĩa: Một là nghĩa của đến, bởi vì đến ranh giới khổ hạnh là cửa ngõ của nhân này; hai là nghĩa của

vượt qua, bởi vì vượt lên trên nhân đạt được quả.

Năm, vô ngại là Thể của trí, chiếu rọi khắp nơi là Dụng của trí. Lại chiếu rọi một pháp thì hiện rõ tất cả cho nên nói là vô ngại, vô ngại ngay nơi chiếu rọi gọi là chiếu rọi khắp nơi. Lại biện tài vô tận gọi là vô ngại, thuyết pháp đầy đủ tất cả gọi là chiếu rọi khắp nơi. Trong tụng thuận theo ý này.

Sáu, ánh sáng của Đức Phật chiếu rọi căn cơ khiến cho gợi mở ý đạo.

Bảy, nhờ ánh sáng của Đức Phật chiếu rọi khiến cho chúng sinh tăng trưởng thiện căn gọi là tích tập... Lại bởi vì Đức Phật trải qua nhiều kiếp tích lũy công đức, mà có được ánh sáng soi chiếu thế gian, cho nên có năng lực chiếu rọi.

Tám, biển tánh đầy đủ công đức đáng quý gọi là vật báu, ứng với cơ lập tức hiện rõ về giáo nghĩa của y-chánh.

Chín, khéo léo trừ diệt ngu si tăm tối gọi là mở bày ánh mắt trong sáng, khiến cho thấy được chân lý gọi là quán Pháp giới tạng. Pháp giới tạng như Phật Tánh luận nói: “Năm tạng...”

Mười, do nhiều căn mà cảm, năm Thừa cuối cùng quy về một mối, bởi vì các Thừa đều thanh tịnh, cho nên gọi là Thừa thanh tịnh. Nhưng cũng phân một làm năm, lại không có gì xen tạp cho nên cũng nói là thanh tịnh.

Tụng có mười một kệ, trong kệ thứ nhất câu đầu tụng về tận cùng thời gian vị lai; câu tiếp tụng về chiếu rọi chúng sinh mười phương, bởi vì chúng sinh thế gian tức là Khí thế gian, hai vẫn cùng nêu ra; câu tiếp tụng về chánh trú, bởi vì cơ duyên khế hợp, câu sau cuối tụng về trang nghiêm.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về chiếu rọi các sắc, nửa kệ sau tụng về biển trí Vô thượng.

Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về dấy khởi chúng sinh, nửa kệ sau tụng về công đức thanh tịnh càng thêm thù thắng, lại cũng có thể là dấy khởi chúng sinh. Trong này lược qua không có tụng.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu tụng về khổ hạnh, đó là bởi vì khó thực hành. Hạnh khó thực hành này có bốn loại: 1-Thời khó bởi vì như trải qua Vô số kiếp; 2-Xứ khó bởi vì như trải qua trong các cõi; 3-Thực hành khó bởi vì như trải qua khổ hạnh khó thực hành; 4-Hướng về khó bởi vì như trải qua làm chúng sinh. Nửa kệ sau tụng về niềm vui vượt qua, đó là quả.

Trong kệ thứ năm, câu đầu tụng về không có chướng ngại, ba câu

còn lại tụng về chiếu rọi khắp nơi.

Trong kệ thứ sáu, nửa kệ đầu tụng về ánh sáng mặt trời thanh tịnh soi chiếu, nửa kệ sau tụng về thân chúng sinh đã chiếu rọi và tướng của lợi ích.

Trong kệ thứ bảy, câu đầu tụng về thế gian đã chiếu rọi, ba câu còn lại đều tụng về ánh sáng có năng lực chiếu rọi và tích tập công đức.

Trong kệ thứ tám, câu đầu tụng về các biển quý báu, ba câu còn lại đều tụng về hiện rõ cảnh giới của các loại sắc, nghĩa là tánh hải hợp với cơ, pháp vốn như vậy hiển bày rõ ràng về giáo nghĩa của y-chánh, cho nên nói là pháp như vậy.

Trong kệ thứ chín, nửa kệ đầu tụng về mở bày ánh mắt trong sáng cho tất cả các nẻo, nửa kệ sau tụng về quán Pháp giới tạng.

Mười có hai kệ, kệ đầu tụng về các Thừa của chúng sanh, nghĩa là năm Thừa phước thiện; kệ sau tụng về thanh tịnh, nghĩa là hội tụ ngọn quy về gốc... Lại đầu là Đồng giáo, sau là Biệt giáo, bởi vì không hai cho nên thanh tịnh.

Thứ mười hai, Nguyệt Thiên Tử có mười:

Trong một, trước hết dùng gia hạnh để điều phục tâm ấy, sau đó khiến cho đích thực chứng nhập gọi là chiếu rọi pháp giới. Lại chiếu rọi khắp nơi có ba loại: Một là ánh sáng chiếu rọi chúng sinh khiến cho thấy Phật; hai là chiếu rọi diệt trừ si hoặc, hai loại này gọi là điều phục chúng sanh; ba là chiếu rọi hiện bày pháp giới khiến cho hòa vào chân lý.

Trong hai, quán sát khắp nơi là trí có năng lực quán sát (năng quán), tất cả... là cảnh đã quán sát. Thâu nhiếp là dùng trí rộng khắp này thâu nhiếp hội tụ các pháp, giống như Phổ Môn kia tất cả đều là cảnh giới của trí rộng khắp.

Trong ba, tâm và cảnh giới, hoặc có lúc tâm chuyển mà cảnh không chuyển, như mười Nhất thiết nhập..., hoặc cảnh chuyển mà tâm không chuyển...; hoặc cả hai cùng chuyển... Lại tâm niệm rất nhiều gọi là biển, là thụ động duyên với tâm trí của Phật khác, cho nên nói là cảnh giới, xứng với căn trao cho pháp khiến rời bỏ Vọng mừng vui với Chân gọi là Chuyển. Trong tụng thuận theo ý này.

Bốn, trí vô phân biệt đích thực hướng đến chân lý gọi là Ái lạc, Ái này vượt lên trên tình gọi là không nghĩ bàn. Lại Chánh trí thích chứng cảnh không suy nghĩ ấy mà gọi tên. Trí này nhờ vào pháp thanh tịnh của Phật mà sinh khởi, cho nên nói là có thể sinh khởi. Lại những niềm

vui kia của thế gian đều dựa vào Phật mà sinh ra, đều gọi là không thể nghĩ bàn.

Năm, Phật khiến cho chúng sinh thấy đạo lý của hai Đế, cho nên nói là thật thấy. Nhưng thấy tức là thật, lại vốn là thật của thấy. Lại hai Đế, ba tánh và ba vô tánh đều có nghĩa thật, phân rõ từng loại một.

Trong sáu, Đại Từ Bi, Phật Tánh luận nói: “Đối với khổ đã nhận chịu thì cứu giúp khiến cho thoát khỏi, đối với khổ sẽ nhận chịu thì bảo vệ khiến cho tránh khỏi.” Khổ do năm Thức, não do Ý địa, cả hai cùng cứu giúp. Lại cứu giúp khổ-bảo vệ vui không để cho mất đi, đều gồm chung nhân quả.

Bảy, pháp-dụ cùng đưa ra, thảng tư lạ lòng, như sau dựa theo phân rõ.

Trong tám, ba tánh quán về các pháp, trước quán về Y tha như huyễn hóa, hóa không nhờ vào vật cho nên khác huyễn, bởi vì trong Y tha đầy đủ hai nghĩa về có lực và không có lực. Lại không có Thể như huyễn, có Dụng như hóa, Chân như có hai nghĩa về Không và Bất Không, nay tạm đưa ra một cho nên nói là Không. Biến kế cũng có hai nghĩa, đó là tình có-lý không có, nay dựa theo lý hiển bày cho nên nói là không có.

Trong chín, đã khởi lên có hai nghĩa: Một là do nghiệp thiện-ác huân tập khởi lên Thức vốn có, sinh khởi quả báo. Bởi vì thuận theo duyên cho nên tức là không khởi lên, nhưng khéo thông hiểu về phạm vi này cho nên nói là khéo léo hiểu rõ. Lại có kinh vốn nói là hưởng đến (thú), đó là bởi vì từ nhân hưởng đến quả, và rời xa tà hưởng đến chánh.

Mười, chiếu rọi lý đoạn nghi, vượt qua phiền não cấu nhiễm.

Trong tụng có tám kệ. Kệ thứ nhất tụng về pháp môn thứ nhất, trong đó ba câu đầu tụng về điều phục chúng sinh, một câu sau tụng về pháp giới đã chiếu rọi.

Trong kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về quán sát thâm nhiếp khắp nơi, câu tiếp tụng về tất cả các pháp, câu sau cuối tụng về cảnh giới, đó là lấy chúng sinh đã giáo hóa làm cảnh.

Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về cảnh giới của biển tâm chúng sinh, nửa kệ sau tụng về tất cả đều khiến cho chuyển.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu hiển bày về việc đã làm, nửa kệ sau chính thức trình bày có thể sinh khởi Ái lạc không thể nghĩ bàn.

Trong kệ thứ năm, câu đầu tụng về làm cho chúng sinh, hai câu tiếp tụng về thật, câu sau cuối tụng về thấy, cũng là kết luận về người

đạt được pháp. Trong thật, câu đầu là phân biệt tức là suy xét tìm tòi, nghĩa là suy xét tìm tòi về thế gian tức là không có tánh cho nên thấy Chân; câu tiếp là nghiệp quả không mất cho nên thấy Tục.

Trong kệ thứ sáu, vượt lên tụng về hai pháp môn sau, trong đó nửa kệ đầu tụng về pháp môn thứ chín trước đây có thể biết, nửa kệ sau tụng về pháp môn thứ bảy trước đây. Câu trước tụng về không có si, câu sau tụng về vắng trắng thanh tịnh, nghĩa là Tuệ khéo léo trong lành.

Kệ thứ bảy, lùi lại tụng về pháp môn thứ sáu có thể biết.

Trong kệ thứ tám, câu đầu tụng về pháp môn thứ tám, ba câu sau tụng về pháp môn thứ mười, đó là hai câu đầu tụng về chiếu rọi vượt qua, câu sau tụng về diệt trừ nghi ngờ, bởi vì lìa xa nghi ngờ hỗn loạn, cho nên nói là nhìn thấy thanh tịnh.

Thứ mười ba, chúng Thiên Vương ở Đông phương có mười. Tiếng Phạm gọi là Đê-đâu-lại-tra, Trung Hoa nói là Trì Quốc Chủ, thuận theo sự thống lãnh làm tên gọi. Trời này thân cao nửa Do-tuần, áo dài một Do-tuần, rộng nửa Do-tuần, áo nặng hai phân, ăn cam lồ, lấy năm mươi năm ở nhân gian làm một ngày đêm, cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, như vậy thọ mạng là năm trăm tuổi. Vương này thống lãnh hai bộ quỷ, một gọi là Càn-thát-bà, hai gọi là Tỳ-xá-xà. Càn-thát-bà, Trung Hoa nói là Tầm Hương, nghĩa là những người làm trò vui tìm theo mùi thơm của đồ ăn thức uống nơi nhà người khác, liền đi đến chỗ ấy làm trò vui cho người khác mà có được thức ăn ấy, cho nên lấy làm tên gọi; cũng gọi là Thực Hương, chỉ ăn mùi hương vi tế, ở trong mười núi báu, thường vì chư Thiên luôn tấu nhạc, thân có tướng khác lạ tức là bay lên trời.

Trong pháp môn, một là dùng âm nhạc của pháp khéo léo thâm nhiếp chúng sinh, lại khiến cho thấy pháp Lạc của Chánh đạo để tự mình vui thú.

Hai, phước trí sáng ngời đẹp đẽ. Lại có đủ mười loại trang nghiêm, nói như phẩm Minh Pháp.

Trong ba, dựa theo phàm thuận với dòng chảy sinh ra vui mừng, trái ngược mất đi sinh ra lo buồn; Nhị thừa đối với tịch diệt sinh ra vui mừng, đối với lưu chuyển sinh ra lo buồn. Nay cả hai đều khiến cho lìa xa, nên suy nghĩ.

Bốn, nói pháp rất sâu xa, diệt trừ cấu nhiễm như chín Kiết-mười Sử...

Trong năm có hai, đó là người mong sinh lên cõi trời, vì họ nói về Tịnh độ để điều hòa hy vọng ấy; người mong cầu Nhị thừa thì dùng

Nhất thiết trí để điều hòa hy vọng ấy.

Sáu, nhờ thấy Phật đạt được niềm vui vô tận, cho nên nói là tất cả niềm vui; y theo đây tu nhân có thể thâm nhiếp quả, cho nên gọi là Tạng; quả hợp với nhân mà khởi gọi là Chánh trú, có tác dụng vừa lòng hợp ý cho nên nói là Hỷ Quang.

Bảy, rưới pháp thanh tịnh khắp nơi mười phương thế giới.

Tám, thân trở về trọn vẹn ứng hiện khắp nơi vô tận mà gọi tên, trí rộng lớn là bởi vì ngang thì nối liền mười Đắc, dọc thì bao gồm năm Thừa.

Trong chín, cây là cây Bồ-đề, Đức Phật dùng phương tiện làm tăng trưởng tâm Bồ-đề của chúng sinh, gọi là nuôi lớn cây; đạt được quả gọi là Hỷ, Dụng thù thắng gọi là Quang.

Mười, quay lại làm lay động kiếp hải, là cảnh Phật đã làm ra cho nên nói là hành, khiến cho chúng sinh thấy cảnh giới này không còn đau khổ mãi mãi an lành là cảm nhận niềm vui. Lại cũng có bản viết là Ái lạc, nghĩa là khiến cho nhìn thấy cảnh giới này khởi lên hy vọng chính đáng cho nên gọi tên.

Tụng có mười kệ, đều tụng về một pháp môn. Trong kệ thứ nhất, ba câu đầu tụng về phương tiện, đó là câu đầu về nhiều, câu tiếp về sâu, câu sau về rộng; câu sau cuối tụng về thâm nhiếp thú vui của chúng sinh.

Trong kệ thứ hai, câu đầu tụng về Thế trang nghiêm trong biển công đức của Phật, câu tiếp trình bày về Tướng của đức, hai câu sau phân rõ về Dụng của đức.

Trong kệ thứ ba, câu đầu tụng về tâm buồn lo-vui mừng của chúng sinh, câu tiếp tụng về chữ Là, hai câu sau trình bày về nguyên cơ của là xa.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu trình bày về duyên có năng lực diệt trừ, câu tiếp chính thức tụng về diệt Kiết-Sử, câu sau cuối trình bày về nhân diệt trừ phiền não.

Trong kệ thứ năm, nửa kệ đầu dùng Tịnh độ để điều phục, nửa kệ sau dùng Chủng trí để điều hòa.

Trong kệ thứ sáu, nửa kệ đầu tụng về tất cả niềm vui, nửa kệ sau tụng về đích thực an trú trong Hỷ Quang.

Trong kệ thứ bảy, nửa kệ đầu trình bày về cơ đã che phủ, tức là nơi mưa vật báu, tụng về tất cả các phương; nửa kệ sau trình bày về vật báu đã mưa xuống, Trạng là tên gọi của Thiên Vương.

Trong kệ thứ tám, nửa kệ đầu tụng về hiện rõ thân vi diệu, nửa kệ

sau tụng về trí rộng.

Trong kệ thứ chín, ba câu đầu tụng về các cây được nuôi lớn, câu sau cuối tụng về Hỷ Quang.

Trong kệ thứ mười, nửa kệ đầu tụng về hành thuộc cảnh giới Phật, nửa kệ sau tụng về đều làm cho chúng sinh cảm nhận niềm vui.

Thứ mười bốn, Thiên Vương ở Nam phương, thuận theo sự thống lãnh làm tên gọi, còn lại phân rõ như trên, có mười: Một là dùng lực của Nhẫn trí để trừ Mạn-diệt tranh cãi.

Hai, biển hạnh Tự-tha gọi là tất cả các hạnh, môn Từ đầy khởi hạnh này cho nên nói hiện rõ trước mắt. Lại hạnh có thể đạt được quả cũng gọi là hiện rõ trước mắt.

Ba, tà chấp trong năm nẻo từ những tự tánh mà sinh khởi, nay chỉ trình bày về tự tâm của các nẻo biến đổi khởi lên cho nên nói là chánh. Lại điều hòa các chúng sinh đích thực hưởng đến ý ấy cho nên gọi tên. Trong tụng thuận theo ý này.

Bốn, thiện ác bình đẳng. Bình đẳng ấy là vô ký. Bởi vì ba tánh này tức là Như cho nên nói là thanh tịnh. Lại thiện là pháp thanh tịnh Niết-bàn, ác là pháp cấu nhiễm sinh tử. Bởi vì cả hai đều không có tánh, dung hòa nhau nhiếp vô ngại, cho nên nói là bình đẳng, nhưng có đủ tánh đức cho nên nói là thanh tịnh. Lại bởi vì hai pháp thiện ác đều có thể làm pháp luân cho nên nói là bình đẳng, pháp luân lợi ích chúng sinh cho nên nói là thanh tịnh. Trong tụng thuận theo ý này.

Năm, trừ ngu si thấy chính xác gọi là Vô úy, khiến cho vĩnh viễn lìa khổ gọi là an ổn, đạt được trí thanh tịnh của Phật gọi là trang nghiêm.

Sáu, ái tươi thắm sinh tử sâu rộng như biển, tâm ái mạnh mẽ như lửa hừng hực, như đốt cháy đền thờ Trời..., Phật dùng thân trí chiếu soi khiến cho vĩnh viễn không còn cho nên nói là trừ diệt, Sa-la là nơi Niết-bàn diệt ái.

Bảy, thân Phật ứng hiện khắp nơi tất cả các nẻo, dựa vào thân phát ra ánh chớp gọi là chiếu rọi rõ ràng, tiếng sấm mưa pháp gọi là mây.

Tám, phổ là Thể của ánh sáng cùng khắp, chiếu là Dụng của ánh sáng trừ hết mê hoặc.

Chín, cứu khổ ban vui gồm chung gọi là Đại Từ, gặp trái ngược không thay đổi gọi là không thối chuyển, môn Từ thâm nhiếp nhiều đấng cho nên gọi là tạng, nhiều kiếp tu hạnh này khiến cho hiện rõ gọi là khởi.

Mười, hiện thân khắp mười phương gọi là khởi, ở tất cả các nẻo mà không có đến-đi gọi là việc đã làm, lại ở nơi ấy thân nhiếp chúng sinh cũng gọi là việc đã làm.

Trong tụng có mười kệ, đều tụng về một pháp môn. Trong kệ thứ nhất, ba câu đầu tụng về năng lực diệt trừ tranh chấp, câu sau cuối trình bày về tướng của lợi ích.

Kệ thứ hai, nửa kệ đầu tụng về tất cả các hạnh, câu trước là Tự hành, câu sau là Lợi tha; nửa kệ sau tụng về hiện rõ trước mắt, câu trước là Từ có thể hiện rõ về hạnh, câu sau là hạnh có thể hiện rõ về quả.

Kệ thứ ba, đích thực hưởng đến ý ấy vì thế khiến cho hoan hỷ.

Kệ thứ tư, nửa kệ đầu tụng về pháp thiện ác, nghĩa là Phật lực hiện rõ pháp ác cho nên khó nghĩ bàn, câu tiếp tụng về bình đẳng, câu sau cuối tụng về thanh tịnh.

Trong kệ thứ năm, nửa kệ đầu tụng về không sợ chúng sinh, câu tiếp tụng về an ổn, câu sau cuối tụng về trang nghiêm, nghĩa là trí thanh tịnh.

Kệ thứ sáu, câu đầu tụng về biến ái, câu tiếp tụng về trừ diệt, nửa kệ sau phân rõ về tướng của lợi ích. Bảo Thọ là tên gọi của vị trời.

Kệ thứ bảy, câu đầu là ứng đến tất cả các nẻo, câu tiếp là phương tiện, giáo hóa chúng sinh gọi là chiếu rọi rõ ràng, câu tiếp tụng về mây, câu sau cuối là kết luận về người đạt được pháp.

Kệ thứ tám, câu đầu tụng về Phổ, câu tiếp tụng về Chiếu, nửa kệ sau tụng về đã hiển bày rõ ràng.

Kệ thứ chín, câu đầu tụng về dấy khởi Đại Từ, trước là Từ ở đây là Bi, vẫn làm đẹp lẫn nhau mà thôi; hai câu tiếp tụng về không thối chuyển, mang lại niềm vui-diệt trừ đau khổ, việc làm vốn không trống rỗng cho nên gọi là bất thối; câu sau cuối tụng về tạng, nghĩa là sinh ra đức thanh tịnh như hoa nở rộ.

Kệ thứ mười, nửa kệ đầu tụng về dấy khởi tất cả các nẻo, không có đi-đến cũng là việc đã làm, câu tiếp cũng là việc đã làm, câu sau cuối là kết luận. Vô Lượng Môn là Thiên Vương, tức là hòa vào biển Phật cho nên gọi là Phật luôn luôn thấy.

Thứ mười lăm, Tỳ-lâu-ba-xoa ở Tây phương, Trung Hoa nói là Tạp Ngữ Chủ, mới gọi là Xú Mục, thống lãnh hai bộ: Một là Phú-đa-na, Trung Hoa nói là Nhiệt Bệnh quý; hai là tất cả các rồng. Theo kinh Tu Di Tạng, báo của rồng có năm loại hình dạng: 1) Thiện Trú Long Vương là tất cả Long Vương có hình dạng loài voi. 2) Nan-đà Long Vương, Trung Hoa nói là Hoan Hỷ, là tất cả Long Vương có hình dạng loài rắn.

3) A-na-bà-đạt-đa Long Vương, Trung Hoa nói là Vô Nhiệt não, cũng gọi là Thanh Lương, là tất cả Long Vương có hình dạng loài ngựa. Theo kinh Bách Phật: “Long Vương này xa lìa ba loại lỗi lầm tai họa của các rồng: Một là cát nóng không rơi trên đầu Long Vương ấy; hai là không dùng hình dạng loài rắn để hành dục; ba là không sợ Ca-lâu-la.” Lại tất cả các rồng ở Diêm-phù-đề đều có bốn khổ, đó là ba khổ như trên, lại thêm gió thổi áo quý báu lộ bày thân sống trong đau khổ, chỉ riêng Long Vương này tránh được khổ não này, cho nên gọi là Thanh Lương. Theo Trí Luận, Long Vương này là Bồ-tát Trú thứ bảy. 4) Bà-lâu-na Long Vương, Trung Hoa nói là Thủy, là tất cả Long Vương có hình dạng loài cá. 5) Ma-na-tô-bà-đế Long Vương, cũng gọi là Ma-na-tư, Trung Hoa nói là Từ Tâm, cũng gọi là Cao Ý, chính xác nói là Ma-na, nói là Ý, đây nói là Cao, nghĩa là có uy đức-ý cao hơn rồng khác, là tất cả Long Vương có hình dạng loài cóc. Lại như trong Luật nói: “Các rồng lúc mới sinh ra và lúc chết, ngủ và hành dục, bốn lúc này không thể nào thay đổi hình dạng, những lúc khác đều có thể thay đổi.”

Trong mười pháp môn, trong một có hai giải thích: Một là dựa theo tướng diệt trừ hừng hực cứu nỗi khổ do cát nóng cho loài rồng, cứu giúp sợ hãi, cứu nỗi khổ vì Kim Sí điểu; hai là dựa theo thật diệt trừ ác hừng hực cứu giúp nhân của nẻo ác, câu sau cứu giúp quả của nẻo ác.

Trong hai, có bốn giải thích: Một là có thể chuyển thân rồng hiện rõ sắc ứng với cơ và đức thanh tịnh của Phật, gọi là không nghĩ bàn; hai là có thể ở một niệm thành tựu sự việc trên, cho nên cũng gọi là không nghĩ bàn; ba là một lỗ chân lông hiện rõ cũng gọi là không nghĩ bàn; bốn là thân rồng tức là thân Phật, cho nên lỗ chân lông của Phật hiện rõ thì gọi là chuyển thân rồng, cũng là không nghĩ bàn.

Ba, tiếng thuyết pháp sâu xa, các nẻo đều nghe được.

Trong bốn, một là nêu rõ biển đức của chúng sinh nơi lỗ chân lông của Phật, hai là thâm nhiếp chúng sinh đưa vào biển Đại công đức.

Năm, Đức-xoa-già, Trung Hoa nói là Đa Thiệt, bởi vì có nhiều lưỡi, hoặc bởi vì ham nói cho nên gọi là nhiều lưỡi. Lại nói tên gọi là Năng Tồn Hại, nghĩa là Long Vương này nếu lúc nổi giận, đối với người thế gian dùng mắt nhìn hay phun hơi đều làm cho phải mất mạng, cho nên lấy làm tên gọi. Ánh sáng thanh tịnh của trí Phật cứu giúp nỗi khổ sợ hãi ấy.

Sáu, ở nơi thân Phật hiện rõ hình tượng chư Phật mười phương, ngậm mưa tưới thấm căn cơ gọi là mây vô lượng, nhiều kiếp trang nghiêm cõi nước gọi là vượt qua...

Bảy, lỗ chân lông hiện rõ cõi nước gọi là an lập..., trong đó thuyết pháp gọi là phân biệt...

Tám, pháp hợp với căn cơ chúng sinh vì thế khiến cho hoan hỷ, bởi vì lìa nhiễm, bởi vì biết đủ, bởi vì khéo léo chứng nhập.

Trong chín, một là dựa theo tánh đầy đủ quán sát như nhau, hai là dựa theo vì cơ như nhau.

Mười, chúng sinh vì sân giận che lấp-ngu si phủ kín, dùng Bi độ thoát gọi là lìa khổ. Và lại, Long Vương này từ trong vảy và vỏ, chảy ra các dòng nước, ngày đêm không khô cạn, có ích lợi cho chúng sinh ở cõi Diêm-phù, cho nên gọi là Bi.

Trong tụng không theo thứ tự. Kệ thứ nhất-thứ hai tụng về pháp môn thứ nhất-thứ hai trước đây, có thể biết. Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về Pháp luân thanh tịnh, nửa kệ sau tụng về nghe tiếng. Kệ thứ tư vượt lên tụng về pháp môn thứ mười có thể biết. Kệ thứ năm-thứ sáu tụng về hai pháp có thể biết. Trong kệ thứ bảy, nửa kệ đầu tụng về hiện rõ mây, nửa kệ sau tụng về trú thọ... Trong kệ thứ tám, nửa kệ đầu tụng về an lập cõi nước, nửa kệ sau tụng về phân biệt... Trong kệ thứ chín, nửa kệ đầu đưa ra nhân trước kia, nửa kệ sau tụng về âm thanh thiện ác, đều vì độ sinh cho nên gọi là bình đẳng. Kệ thứ mười tụng về pháp môn thứ tám trước đây có thể biết.

Thứ mười sáu, Đa Văn Chủ ở Bắc phương, thống lãnh hai bộ: Một là Dạ-xoa, Trung Hoa gọi là Khinh Tiệp quý; hai là La-sát, Trung Hoa gọi là Khả Úy quý, như La-sát nữ đoạt mất tinh khí của người. Trong vòm tim của chúng sinh có bảy giọt nước ngọt, lấy đi một giọt khiến cho đầu người đau nhức, hai giọt khiến cho tim người khó thở, ba giọt khiến cho thân người phát bệnh, bốn giọt trở lên khiến cho người sẽ chết. Trong tám Bộ này chỉ có Khẩn-na-la, rồng và Tỳ-xá-xà là súc sinh, năm Bộ còn lại đều là quý. Bởi vì Dạ-xoa và La-sát có nhiều sức mạnh, cho nên chỉ hai loại này mang lấy tên gọi là quý, vì thế văn trên gọi hai loại này là quý vương. Phương này có tám vua.

Một, Lý trí là quán bình đẳng, Lượng trí là phương tiện, đây là có năng lực cứu giúp, về sau thành tựu sự cứu giúp, đầu là lìa xa ác-tiếp là thêm nhiều thiện.

Trong hai, một là ứng với cơ khắp nơi hiện bày thân thù thắng, hai là cứu giúp chúng sinh khắp nơi thành tựu lợi ích thù thắng.

Trong ba, tinh khí có hai: 1) Khí ác, đó là phiền não-nghiệp khổ. Bởi vì trong này là pháp môn của Dạ-xoa, cho nên có thể trừ diệt điều ấy. 2) Khí thiện, theo kinh Đại Tập nói: “Đế Vương trong nước cung

kính thờ phụng Tam Bảo, khiến cho ba loại tinh khí trong nước này tăng lên: Một là khí của đất, nghĩa là ngũ cốc chín muối thành tựu...; hai là khí của con người, nghĩa là phiền não ít ỏi nhẹ nhàng, dung nhan tươi sáng vui vẻ...; ba là khí của thiện căn, nghĩa là thường Chuyển pháp luân, Tam Bảo hưng thịnh... Trong văn này dựa vào phát sinh thiện căn thuộc Bồ-đề phần gọi là sinh khí.

Bốn, trí quán về đức của Phật, lời ca ngợi hiển bày pháp.

Năm, Lý trí quán xét chúng sinh tức là Pháp thân Phật, Lượng trí soi chiếu nghiệp quả của chúng sinh ở mười phương cho nên gọi tên.

Trong sáu, mang lại niềm vui có hai: Đầu thì gạt bỏ tà-bày tỏ vui với chánh, sau thì có thể giáo hóa khiến cho điều hòa vui vẻ.

Trong bảy, một là tùy ý giữ gìn tự Thể cố gắng vận dụng cứu giúp chúng sinh, hai là duy trì vận dụng trí lực cứu giúp chúng sinh, ba là phước trí của Phật, là duy trì đến cùng trong ba pháp duy trì của luận Địa Trì. Những phước trí này vượt quá chúng sinh, vì thế cho nên có sức mạnh có thể cứu giúp chúng sinh. Trong tụng thuận theo ý này.

Tám, nhiều kiếp tu nhân, nhân luôn luôn thuận theo quả cho nên nói là Phật đầy đủ mười Lực.

Trong tụng theo thứ tự đều tụng về một pháp môn. Hai kệ đầu có thể biết.

Trong kệ thứ ba, nửa kệ đầu tụng về đoạt mất tinh khí, nửa kệ sau tụng về phát sinh khí thiện.

Trong kệ thứ tư, nửa kệ đầu trình bày về quán sát xưa kia ca ngợi công đức của các Thánh, nửa kệ sau trình bày nay thành tựu đức của mình khiến cho người khác quán xét khen ngợi.

Trong kệ thứ năm, đầu là Lý trí, sau là Lượng trí.

Trong kệ thứ sáu, hai niềm vui có thể biết.

Trong kệ thứ bảy, đầu là nhờ có sức mạnh cứu giúp vì thế khiến cho phước thêm thù thắng, sau là Tuệ sâu xa.

Trong kệ thứ tám, nửa kệ đầu trình bày về phát khởi tùy thuận, nửa kệ sau trình bày về lực của Phật.

Thứ mười bảy, chúng Lực Sĩ có mười:

Một, nêu ra Sắc thân Phật xuất thế.

Hai, mỗi một lỗ chân lông lại hiện bày sắc màu sáng ngời.

Trong ba, Pháp thân không bến bờ gọi là lìa xa cấu nhiễm, khởi lên công dụng ứng hiện khắp nơi gọi là tự tại...

Trong bốn, âm thanh trong trời có bốn nghĩa, đó là sâu-rộng-tuyệt vời-lợi ích, đều không thể suy lường. Sau trong tụng bốn câu như thứ tự

nên biết.

Trong năm có hai, đầu là trong Xứ hiện thân, sau là trong chúng thuyết pháp, đều có nhiều môn cho nên nói là đủ loại. Sau trong tụng đều dùng hai câu như thứ tự nên biết.

Trong sáu có hai, một là thâm nhiếp tướng quy về Chân, cho nên tất cả đều hòa vào tướng khác của Chân; hai là từ Chân khởi lên công dụng, cho nên không có Chân nào không hòa vào công dụng khác của Chân, vì thế mà gọi tên. Trong tụng như thứ tự đều hiển bày về hai câu có thể biết.

Trong bảy, chuyển đổi tình trí vào pháp gọi là nêu ra, thật sự nối thông tất cả dựa vào thanh tịnh gọi là Thiên.

Trong tám, đầu là Thể của công đức, ở đây có đủ nhân quả. Trong tụng, hai câu đầu là nhân, một câu tiếp là quả, chiếu rọi rộng rãi là dụng. Trong tụng một câu cuối là hiển bày.

Trong chín, hiện rõ cõi và thân của Phật khiến cho căn cơ diệt trừ pháp ác-trú vào pháp thiện. Trong tụng, đầu là hiện rõ về cõi, sau là hiện rõ về thân.

Mười, mây sáng ngời khắp nơi thế gian, rưới mưa pháp quý báu, vì thế mà gọi tên.

Trong tụng mười kệ đều tụng về một pháp môn, như trước nên biết.

Thứ mười tám, trong chúng Phổ Hiền, vì sao trong chúng trước đây mỗi người đều đạt được một pháp, trong chúng này một người có đủ nhiều pháp? Bởi vì chúng trước đây là riêng biệt trong tổng quát, vốn là Dị sinh; chúng này là tổng quát trong riêng biệt, vốn là Đồng sinh. Lại vì sao trước đây nêu ra nhiều người, ở đây chỉ có một người? Bởi vì người này là hình thể ở phần vị của đạo, công đức nêu khắp tất cả các môn, làm sáng tỏ một tức là tất cả, tất cả tức là một, vốn là dùng tất cả để thu nhận riêng biệt.

Trong văn có hai, đó là Trực thuyết và Trùng tụng. Trong phần trước có hai: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong tổng quát: Đầu là Tự phần, sau là Thắng tiến.

Trong riêng biệt có mười môn: Một, cõi trang nghiêm-điều phục chúng sinh, hai loại tức là nhau (tương tức) này dung hòa làm thành bốn câu phân biệt, có thể biết.

Hai, xứng với Phật khởi lên công đức của Phật khắp nơi trần sa thế giới.

Trong ba, năm phần vị-mười Nguyên, hai Hạnh có thể biết.

Trong bốn, một môn có tất cả các môn gọi là Phổ Môn, trong đó hiện rõ một thân tức là tất cả các thân gọi là Pháp giới thân, thân đều rưới mưa pháp cho nên gọi là mây.

Năm, thân làm ra các cõi gọi là hộ trì cõi, trong đó lại dùng ba Luân điều phục giáo hóa, vì thế mà gọi tên.

Sáu, hiện thân khắp các Đại hội của các cõi Phật gọi là hiện rõ trong chúng, thuyết về Bốn hạnh Bồ-tát Nhất thừa này gọi là cảnh giới của Bồ-tát.

Trong bảy, sinh diệt là vô cùng ngắn ngủi, ba đời kiếp là hết sức lâu dài, một niệm nhận biết là nhận biết vô cùng mau chóng. Trong này, nhận biết có ba nghĩa: Một là cùng tận thời gian dài-ngắn kia, hai là nhận biết về pháp ấy tức là nhau-hòa vào nhau, ba là thông hiểu về tánh bình đẳng của pháp ấy. Bởi vì ba nghĩa này không hai.

Tám, căn dục của Bồ-tát là chủ động quán, biến cảnh giới là pháp đã quán, phân rõ riêng biệt hai loại này gọi là hiển bày về phân biệt. Trong này hoặc là nêu ra cảnh trình bày về căn, hoặc là nêu ra căn chọn lấy cảnh, hoặc là cùng hiển bày có thể biết.

Trong chín, thân có hai: Một là Tánh, hai là Dụng. Pháp giới cũng có hai: Một là Lý, hai là Sự. Như thứ tự hai thân khắp nơi hai pháp giới, hai pháp giới hai thân tự nhiên tức là nhau. Bốn câu phân biệt về vô ngại nên suy nghĩ.

Trong mười, đầu là mở rộng trình bày về pháp ở nhân vị, sau từ “Nhập nhất thiết...” trở xuống là trình bày về quả hợp với nhân ấy. Lại đầu dùng một lời để nói về tất cả các môn gọi là rộng nhiều..., sau trong mỗi một môn lại hiển bày tất cả các pháp gọi là hòa vào... Trong tụng thuận theo giải thích về ý sau.

Trong tụng có hai mươi kệ, hai kệ một theo thứ tự tụng về một pháp môn, bởi vì nhân quả không hai, Thể của pháp hoàn toàn thấu nhiếp, cho nên Trực thuyết là hiển bày về nhân, Trùng tụng là trình bày về quả, văn làm đẹp lẫn nhau mà thôi.

Trong hai kệ thứ nhất, một kệ đầu là trang nghiêm quốc độ, một kệ sau là điều phục chúng sinh.

Trong hai kệ thứ hai, một kệ đầu là đến nơi chư Phật, nghĩa là thấy giống như đến; một kệ sau sinh khởi công đức.

Trong hai kệ thứ ba, một kệ đầu là dựa vào phần vị khởi hạnh; một kệ sau là y theo hạnh tiến vào chứng.

Trong hai kệ thứ tư, hai câu đầu tụng về Phổ môn, bốn câu tiếp tụng về Pháp giới thân, hai câu sau cuối tụng về mây, bởi vì rưới xuống

mưa pháp cho nên gọi là giáo hóa dẫn dắt...

Trong hai kệ thứ năm, một kệ đầu tụng về giữ gìn cõi Phật, một kệ sau là lần lượt phương tiện.

Trong hai kệ thứ sáu, một kệ đầu tụng về hiển hiện trong chúng, một kệ sau là cảnh giới của Bồ-tát.

Trong hai kệ thứ bảy, trong mỗi kệ đều nửa kệ đầu là pháp đã nhận biết, đó là dài-ngắn, nửa kệ sau là có năng lực nhận biết, đó là đạt được Chân.

Trong hai kệ thứ tám, một kệ đầu tụng về căn dục của Bồ-tát, kệ này cùng với trường hàng chỉ là văn làm đẹp lẫn nhau mà thôi; kệ sau trình bày về biển cảnh giới.

Trong hai kệ thứ chín, một kệ đầu là Thể rộng khắp, một kệ sau là Dụng đầy đủ.

Trong hai kệ thứ mười, một kệ đầu tụng mở rộng phân rõ về pháp của Bồ-tát, một kệ sau trình bày về tiến vào Nhất thiết trí. Lại cũng có thể tụng gồm chung.

Trong này giải thích về phạm vi của Phổ Hiền, dùng tám môn để trình bày về Nhân-đà-la võng, có thể biết: Một là Lý, hai là Độ, ba là Thân, bốn là Giáo, năm là Pháp, sáu là Hạnh, bảy là Thời, tám là Sự; Sự tức trần sa...

Luận rộng về ý chính, dựa theo văn có hai: Một, chỉ có sử-tập-phiền não-nhiễm nghiệp và báo đều đưa vào cảnh phàm; hai, tự tách mình ra đưa vào cảnh Thánh. Trong Thánh có hai, đó là Lý và Lượng, hai loại này đều có hai pháp, cảnh giới Nhân-đà-la võng là Lượng trong Lý và một phần trong Lượng mà thôi, có thể dựa theo suy nghĩ.

Thứ hai, trình bày về chúng bên trong như Hải Tuệ..., bởi vì hiển bày nhân-quả cùng Thể, y-chánh vô ngại, cảnh-trí không hai, lâu quán duyên khởi nhân bên trong-quả bên ngoài, bên trong tức là bên ngoài cho nên sinh ra Bồ-tát.

Trong văn có ba: Một là trình bày về nơi sinh ra, hai là người đã sinh ra, ba là phát khởi cúng dường.

Trong phần một: 1-Tòa ở bên trong lâu quán, bởi vì đây là trú xứ riêng biệt của Như Lai; 2-Lâu quán tức là tòa, như trên nói chính là tòa báu.

Trong phần hai là đã sinh ra có ba, đó là nêu ra số-nêu ra tên gọi-kết luận về số.

Trong phần ba là cúng dường có ba, đó là thân-ý-khẩu, một nghiệp đầu là Tài, hai nghiệp sau là Pháp.

Trong phần trước là thân nghiệp, có hai: Đầu là chính thức cúng dường, sau từ “Tùy sở...” trở xuống là quy về vắng lặng. Trong phần đầu là ba Đại: Một là cúng dường Đại, hai là tâm Đại, ba là ruộng phước Đại.

Trong phần một là cúng dường, có hai: Đầu có năm sự, đó là rải hoa-đốt hương-phát ra ánh sáng-trỗi nhạc-mưa báu như văn, những loại này đều là trạng thái của pháp môn duyên khởi, đó gọi là hoa của hạnh, hương của giới, ánh sáng của trí, âm thanh của lời nói và vật báu là pháp đã nói, nhưng cũng không làm hỏng sự tướng của hoa... Sau là trình bày về phần lượng của cúng dường. Trong phần lượng, đầu là trình bày về cúng dường nhiều, sau là trình bày về cúng dường rộng.

Sau từ “Giai đại hỷ...” trở xuống là trình bày về tâm Đại-ruộng phước Đại. Trong ruộng phước, trước là Phật, sau là đại chúng, đều có thể biết.

Hỏi: Vì sao chúng bên ngoài không phân rõ về cúng dường tài vật mà trong này nói đến?

Đáp: Bởi vì chúng bên ngoài cúng dường tài vật không phải là hiển bày về thù thắng, chúng bên trong cúng dường tài vật hiển bày về đặc biệt khác lạ, cho nên ở đây hiển bày riêng biệt. Văn sau mưa xuống đồ vật cúng dường... là luận chung.

Trong phần hai là ý nghiệp cúng dường pháp, có hai: Trước là pháp, sau là cúng dường.

Trong pháp có hai: Trước là trình bày về pháp đã đạt được, sau từ “Cụ túc...” trở xuống là kết luận thành tựu đầy đủ.

Trong pháp đã đạt được, có hai: 1-Dựa theo cảnh nêu rõ môn, hai câu sau giải thích hiển bày về hai Lợi. 2-Dựa theo trí nêu rõ môn, hai câu sau giải thích hiển bày về nhân quả.

Sau là kết luận thành tựu đầy đủ, trong đó trước là kết luận về nhân tròn vẹn, kinh Niết-bàn nói: “Ái có hai loại: Một là ái của ngạ quỷ, hai là ái của pháp. Như Lai không có ái của ngạ quỷ, bởi vì thương xót chúng sinh cho nên có ái của pháp.” Trong này Diệu trí khéo léo chọn lấy chân lý cho nên gọi là ái của pháp, ái tức là Vô tướng gọi là Đại lực. Sau là kết luận về quả đầy đủ, trong đó câu đầu là Trí đức, câu sau là Đoạn đức. Lại câu đầu là tu thành tựu, câu sau là tiến vào lý. Lại đầu là Vô thường đức, sau là Thường đức. Lại đầu là hữu vi, sau là vô vi. Còn lại là chính thức để cúng dường Phật.

Hỏi: Vì sao trong phần cúng dường tài vật gồm chung cúng dường Phật và đại chúng, trong phần này thì chỉ cúng dường Phật?

Đáp: Bởi vì hiển bày về cúng dường pháp hết sức vi tế chỉ có Phật mới đến tận cùng.

Trong phần ba là ngữ nghiệp cúng dường, trước nêu rõ về người, sau là kệ ca ngợi, bởi vì trong mỗi một vật dụng trang nghiêm đều sinh ra chúng như Hải Tuệ... Nay tổng quát nêu ra trong các chúng đều có một vị Thượng thủ cùng tên gọi Hải Tuệ, cùng nói kệ này, cho nên nói là tất cả Hải Tuệ...

Trong tụng có mười chín kệ, nghĩa phân ra có chín: Một, một kệ đầu trình bày về Thể thanh tịnh, đó là cảnh-trí vô ngại. Hai, ba kệ trình bày về Tướng đầy đủ, đó vốn là ba thế gian. Ba, hai kệ trình bày về Dụng thù thắng, đó là đầu nhanh chóng-sau lợi ích. Bốn, hai kệ trình bày về nhân xưa kia rất kiên cố. Năm, một kệ ca ngợi về chúng ngắm nhìn không chán. Sáu, bốn kệ ca ngợi về tòa trang nghiêm, một là chủ, hai là hương, ba là tràng hoa, bốn là ánh sáng. Bảy, hai kệ ca ngợi về thuyết pháp. Tám, hai kệ ca ngợi về Xứ viên mãn. Chín, hai kệ ca ngợi về Phật khắp nơi, như kết luận nói thông...

Đoạn lớn thứ hai, Tựa về phát khởi, trong đó có hai: Một là mặt đất rung động, hai là phát khởi cúng dường.

Trong phần một có ba: Một, Phật lực là nhân rung động, Hoa Tạng là nơi rung động, tướng rung động như sáu loại... Trong này bốn câu phân biệt: Một là nơi rung động; hai là tướng rung động; ba là việc đã làm; bốn là trình bày rộng về thời gian rung động.

Trong một, hỏi: Vì sao nước Ma-kiệt này mà nói là Hoa Tạng giới? Đáp: Dựa theo trong văn sau gồm có bốn câu: 1) Hoặc nói cõi này chỉ là Ta-bà, đây là dựa theo Tam thừa mà nói; 2) Hoặc nói tức là Hoa Tạng, đây là dựa theo Biệt giáo Nhất thừa phân rõ; 3) Hoặc nói cõi Ta-bà trong Hoa Tạng, đây là dựa theo Đồng giáo Nhất thừa mà nói; 4) Hoặc không phải là Hoa Tạng cũng không phải là Ta-bà, đây là dựa theo tánh bình đẳng của quốc độ hải mà nói. Vì thế cho nên tùy theo pháp đã nói khiến cho nơi chốn sai biệt, nay văn này dựa theo Biệt giáo mà nói.

Hai là trình bày về tướng rung động, có hai: 1) Sáu tướng, đó là ở giữa vọt lên-bên cạnh chìm xuống..., ở giữa-bên cạnh bốn phía là sáu. Đây là dựa theo Tam thừa và Đồng giáo. 2) Mười tám tướng, dựa theo Biệt giáo và Đồng giáo. Động là lắc lư qua lại không đứng yên, như gió lay động cây. Theo kinh Niết-bàn: “Rung động nhỏ gọi là đất rung động, rung động lớn gọi là mặt đất rung động; có tiếng nhỏ gọi là đất rung động, có tiếng lớn gọi là mặt đất rung động; chỉ riêng đất rung

động gọi là đất rung động, tất cả núi sông cây cối và biển lớn đều rung động gọi là mặt đất rung động.” Lại rung động gọi là đất rung động, lúc rung động có thể khiến cho tâm chúng sinh rung động gọi là mặt đất rung động, những điều này là dựa theo Tam thừa mà nói. Nay trong này rung động có ba phẩm loại: 1) Động, đó là một phương; 2) Biến động, đó là bốn phương; 3) Đẳng biến động, đó là tám phương. Lại bốn phương, tám phương, mười phương. Lại một là chỉ riêng một phương rung động, hai là mười phương theo thứ tự rung động, ba là mười phương cùng một lúc rung động.

Lại trong Đại Bát-nhã gọi là Động-Đẳng động-Đẳng cực động. Năm tướng sau đều dựa theo như vậy, tất cả đều có Hạ-Trung-Thượng, cũng gọi là Tiểu-Trung-Đại, cho nên có mười tám tướng. Khởi là lặc lư tung lên như bột bay lên, trong kinh Đồng Tánh gọi là làm cho đung đưa, trong Đại Bát-nhã gọi là va chạm, nghĩa là đánh vào. Giác là tiếng lớn làm cho kinh hãi mà thức tỉnh, trong kinh Đồng Tánh gọi là Thanh, trong Đại Bát-nhã gọi là Bộc, Địa Luận giải thích là lên trên cao. Chấn là tiếng thấp âm ỉ, Địa Luận gọi là xuống dưới thấp. Hống là kìm tiếng gầm gừ. Dũng là hiện ra vọt lên cao, như suối phun... Lại sáu phương vọt lên chìm xuống, nghĩa là vọt lên từ phương Đông chìm xuống ở phương Tây... Lại ba loại Động-Khởi-Dũng là Sắc, ba loại còn lại là Thanh, sáu loại này đều gọi là động, một loại đầu dựa vào thù thắng làm tên gọi chung, năm loại còn lại thuận theo riêng biệt làm tên gọi, như mười Sắc xứ cùng gọi là Sắc xứ, Sắc xứ thứ nhất cũng gọi là Sắc xứ.

Ba là trình bày về rung động do việc đã làm, theo luận về kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên nói: “1) Bởi vì làm cho các ma sinh lòng sợ hãi; 2) Bởi vì làm cho lúc thuyết pháp đại chúng không khởi tâm phân tán; 3) Bởi vì làm cho người phóng dật phát sinh hiểu biết; 4) Bởi vì làm cho chúng sinh nghĩ đến tướng của pháp; 5) Bởi vì làm cho chúng sinh quán sát về nơi thuyết pháp; 6) Bởi vì làm cho người thành tựu đạt được giải thoát; 7) Bởi vì làm cho tùy thuận hỏi về Chánh nghĩa; 8) Trí Luận nói bởi vì muốn làm cho chúng sinh nhận biết tất cả các pháp là Không-Vô thường; 9) Cổ Đức nói bởi vì làm lay chuyển những kiến chấp của chúng sinh; 10) Bởi vì biểu thị thuyết về Đại pháp cho nên hiện rõ điểm lành.”

Lại theo Địa Luận: “Dựa vào bốn loại chúng sinh: 1) Dựa vào chúng sinh bất thiện; 2) Dựa vào chúng sinh tin theo các loại trời; 3) Dựa vào chúng sinh ngã mạn; 4) Dựa vào chúng sinh chú thuật...”

Bốn là trình bày rộng về thời gian rung động, như Trí Luận nói có

tám Thời, như kinh Trường A-hàm nói: “1) Lúc nước lớn chuyển động; 2) Lúc Tôn thần thi đấu thần lực; 3) Lúc Như Lai nhập thai; 4) Lúc xuất thai; 5) Lúc thành đạo; 6) Lúc chuyển pháp luân; 7) Lúc giáo chấm dứt; 8) Lúc nhập Niết-bàn.” 9) Nếu theo kinh Tăng Nhất, trong thứ hai là mười tám tướng, lại thêm Đại thần túc, Tỳ-kheo tâm được tự tại, cho đến quán xét về đất là Vô tướng, vì thế mà rung động. 10) Nếu theo Trí Luận thứ mười: “Lúc thọ ký cho các Bồ-tát sẽ được làm Phật, là chủ của trời đất-loài người, lúc này Địa Thần rất vui mừng, bởi vì nay mình có được chủ, cho nên đất rung động; như vua mới lên ngôi thì quan lại và dân chúng vui mừng xưng hô vạn tuế, ca múa đón chào...” Lại theo kinh Niết bàn: “Lúc Bồ-tát hạ sinh ở Diêm-phù-đề gọi là mặt đất rung động; Bồ-tát xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn thì dùng sáu loại chấn động của mặt đất. Tại vì sao? Bởi vì Bồ-tát hạ sinh, chư Thiên cõi Dục-cõi Sắc và các Bồ-tát đều cùng nhau đến đưa tin truyền khắp, phát ra âm thanh lớn ca ngợi Bồ-tát, dùng miệng thổi hơi gió vì thế làm cho mặt đất chấn động. Lại Bồ-tát là voi chúa-rồng chúa trong loài người, lúc rồng chúa mới nhập thai có các Long Vương ở trên mặt đất hoặc sợ hãi-hoặc hồi hộp, cho nên mặt đất phát ra sáu loại chấn động.

Phần hai là phát khởi cúng dường, trong văn có hai: Đầu là cõi này, sau là kết luận nối thông. Trong phần đầu, các Vương trên thế giới có hai nghĩa: Một là chúng Thiên Vương đã nêu ra trước đây, hai là Vương trong thế giới ở mười phương. Nối thông là hai nghĩa này, trong đó một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là kết luận có thể biết.

Trên đây chỉ trình bày về tướng tự tại của ba thế gian trong một thế giới, xong.

Đoạn lớn thứ hai trình bày về tướng tự nối thông mười phương, bởi vì một Hội tức là tất cả các Hội, hiển bày về giáo viên mãn, thâm nhiếp chủ-bạn. Trong đó có hai: Một là nhắc lại tướng ba thế gian của cõi này, hai là chính thức kết luận nối thông.

Trong phần một, Đức Phật an tọa nơi đạo tràng là nhắc lại Trí chánh giác và Khí thế gian, bởi vì nghĩa của hai quả đức này dung hợp khắp mười phương hiển bày lẫn nhau, cho nên không giải thích riêng biệt. Bởi vì nghĩa của Chúng sinh thế gian giống với quả rộng khắp mọi nơi ẩn kín lẫn nhau, vì thế cho nên giải thích riêng biệt, vì sao chúng này có thể giống với Phật quả mà rộng khắp mọi nơi?

Trong giải thích có hai: Một là phân rõ về nhân thụ động ấy, hai là đích thực giống với quả khắp nơi. Trong phần một có ba: 1) Bởi vì lực

của Định Tuệ; 2) Bởi vì lực của pháp môn; 3) Bởi vì lực của Như Lai.

Trong phần một đều tùy theo phạm vi của pháp môn đã đạt được cho nên gọi là cảnh giới, dựa vào môn Tam-muội vốn không phân biệt về Định, vốn không rời bỏ Dụng, khéo léo thâm nhiếp pháp môn khiến cho rộng khắp mọi nơi, vì thế gọi là phương tiện; vui mừng-chán ngán là Tuệ.

Trong phần hai là pháp lực, pháp tròn vẹn, pháp vốn như vậy nhanh chóng rộng khắp các phương, nhanh chóng làm cho đến quả gọi là pháp dũng mãnh, Bồ-tát chứng được pháp này, tùy theo pháp rộng khắp mọi nơi cho nên nói là thông đạt. Điều này giống như văn trước nhờ vào lực giải thoát hòa vào biển của Như Lai...

Trong phần ba là Phật lực, Phật lực làm cho hòa vào trong cảnh giới Phật, cho nên có thể rộng khắp. Câu dưới kết luận về cùng biển quả, Độ là đến nơi, là thấu suốt. Như vậy đều là một pháp môn của mỗi một chúng đã đạt được ở văn trên. Nhưng trước là hiển bày về đức dựa vào riêng biệt để trình bày rộng ra, ở đây là nhắc lại kết luận dựa vào gồm chung mà sơ lược nêu ra, sau là tương tự nối thông có thể biết.

